CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
Date: 2026.10.19 14:42:06 +07'00'

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ***KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION*** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| | ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM*** |
| | ***Independence – Freedom – Happiness*** |
| Số/ *No.*: 212/CBTT-KIS | *TP.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2026* |
| | *Ho Chi Minh City, October 19, 2026* |

# CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
## *EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE*

**Kính gửi/ *To*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission***

**Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Stock Exchange***

**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange***

**Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam/ *KIS Vietnam Securities Corporation***

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Securities code/Member code:* 057
- Địa chỉ/ ***Address***: Tầng 3 và tầng 11, Tòa nhà ROX, 180 - 192 Nguyễn Công Trứ, phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh/ *3rd Floor and 11th Floor, ROX Building, 180–192 Nguyen Cong Tru Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại liên hệ/ *Telephone*: (028) 3914.8585 Fax: (028) 3821.6898
- E-mail: cskh@kisvn.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosed information*:

Bản cáo bạch chào bán 67 mã Chứng quyền có bảo đảm/*Prospectus of 67 Coverd Warrants.*

1 Chứng quyền.ACB.KIS.4M.03/*Covered Warrant.ACB.KIS.4M.03*
2 Chứng quyền.ACB.KIS.7M.04/*Covered Warrant.ACB.KIS.7M.04*
3 Chứng quyền.ACB.KIS.9M.05/*Covered Warrant.ACB.KIS.9M.05*
4 Chứng quyền.FPT.KIS.4M.10/*Covered Warrant.FPT.KIS.4M.10*
5 Chứng quyền.FPT.KIS.6M.11/*Covered Warrant.FPT.KIS.6M.11*
6 Chứng quyền.FPT.KIS.8M.12/*Covered Warrant.FPT.KIS.8M.12*
7 Chứng quyền.HDB.KIS.4M.30/*Covered Warrant.HDB.KIS.4M.30*
8 Chứng quyền.HDB.KIS.6M.31/*Covered Warrant.HDB.KIS.6M.31*
9 Chứng quyền.HDB.KIS.8M.32/*Covered Warrant.HDB.KIS.8M.32*
10 Chứng quyền.HPG.KIS.4M.59/*Covered Warrant.HPG.KIS.4M.59*
11 Chứng quyền.HPG.KIS.5M.60/*Covered Warrant.HPG.KIS.5M.60*
12 Chứng quyền.HPG.KIS.6M.61/*Covered Warrant.HPG.KIS.6M.61*
13 Chứng quyền.HPG.KIS.7M.62/*Covered Warrant.HPG.KIS.7M.62*
14 Chứng quyền.HPG.KIS.9M.63/*Covered Warrant.HPG.KIS.9M.63*
15 Chứng quyền.HPG.KIS.10M.64/*Covered Warrant.HPG.KIS.10M.64*
16 Chứng quyền.LPB.KIS.4M.09/*Covered Warrant.LPB.KIS.4M.09*
17 Chứng quyền.LPB.KIS.5M.10/*Covered Warrant.LPB.KIS.5M.10*
18 Chứng quyền.LPB.KIS.6M.11/*Covered Warrant.LPB.KIS.6M.11*
19 Chứng quyền.LPB.KIS.7M.12/*Covered Warrant.LPB.KIS.7M.12*
20 Chứng quyền.LPB.KIS.9M.13/*Covered Warrant.LPB.KIS.9M.13*
21 Chứng quyền.MSN.KIS.4M.46/*Covered Warrant.MSN.KIS.4M.46*
22 Chứng quyền.MSN.KIS.5M.47/*Covered Warrant.MSN.KIS.5M.47*
23 Chứng quyền.MSN.KIS.7M.48/*Covered Warrant.MSN.KIS.7M.48*
24 Chứng quyền.MSN.KIS.9M.49/*Covered Warrant.MSN.KIS.9M.49*

25 Chứng quyền.SHB.KIS.4M.26/*Covered Warrant.SHB.KIS.4M.26*
26 Chứng quyền.SHB.KIS.5M.27/*Covered Warrant.SHB.KIS.5M.27*
27 Chứng quyền.SHB.KIS.6M.28/*Covered Warrant.SHB.KIS.6M.28*
28 Chứng quyền.SHB.KIS.7M.29/*Covered Warrant.SHB.KIS.7M.29*
29 Chứng quyền.SHB.KIS.9M.30/*Covered Warrant.SHB.KIS.9M.30*
30 Chứng quyền.SHB.KIS.10M.31/*Covered Warrant.SHB.KIS.10M.31*
31 Chứng quyền.SSB.KIS.4M.17/*Covered Warrant.SSB.KIS.4M.17*
32 Chứng quyền.SSB.KIS.5M.18/*Covered Warrant.SSB.KIS.5M.18*
33 Chứng quyền.SSB.KIS.6M.19/*Covered Warrant.SSB.KIS.6M.19*
34 Chứng quyền.SSB.KIS.7M.20/*Covered Warrant.SSB.KIS.7M.20*
35 Chứng quyền.SSB.KIS.8M.21/*Covered Warrant.SSB.KIS.8M.21*
36 Chứng quyền.SSB.KIS.9M.22/*Covered Warrant.SSB.KIS.9M.22*
37 Chứng quyền.STB.KIS.4M.56/*Covered Warrant.STB.KIS.4M.56*
38 Chứng quyền.STB.KIS.5M.57/*Covered Warrant.STB.KIS.5M.57*
39 Chứng quyền.STB.KIS.6M.58/*Covered Warrant.STB.KIS.6M.58*
40 Chứng quyền.STB.KIS.8M.59/*Covered Warrant.STB.KIS.8M.59*
41 Chứng quyền.STB.KIS.9M.60/*Covered Warrant.STB.KIS.9M.60*
42 Chứng quyền.VHM.KIS.4M.45/*Covered Warrant.VHM.KIS.4M.45*
43 Chứng quyền.VHM.KIS.5M.46/*Covered Warrant.VHM.KIS.5M.46*
44 Chứng quyền.VHM.KIS.7M.47/*Covered Warrant.VHM.KIS.7M.47*
45 Chứng quyền.VHM.KIS.8M.48/*Covered Warrant.VHM.KIS.8M.48*
46 Chứng quyền.VHM.KIS.9M.49/*Covered Warrant.VHM.KIS.9M.49*
47 Chứng quyền.VHM.KIS.10M.50/*Covered Warrant.VHM.KIS.10M.50*
48 Chứng quyền.VIC.KIS.5M.48/*Covered Warrant.VIC.KIS.5M.48*
49 Chứng quyền.VIC.KIS.6M.49/*Covered Warrant.VIC.KIS.6M.49*
50 Chứng quyền.VIC.KIS.7M.50/*Covered Warrant.VIC.KIS.7M.50*
51 Chứng quyền.VIC.KIS.8M.51/*Covered Warrant.VIC.KIS.8M.51*
52 Chứng quyền.VIC.KIS.9M.52/*Covered Warrant.VIC.KIS.9M.52*
53 Chứng quyền.VIC.KIS.10M.53/*Covered Warrant.VIC.KIS.10M.53*
54 Chứng quyền.VJC.KIS.4M.28/*Covered Warrant.VJC.KIS.4M.28*
55 Chứng quyền.VJC.KIS.6M.29/*Covered Warrant.VJC.KIS.6M.29*
56 Chứng quyền.VJC.KIS.8M.30/*Covered Warrant.VJC.KIS.8M.30*
57 Chứng quyền.VNM.KIS.4M.41/*Covered Warrant.VNM.KIS.4M.41*
58 Chứng quyền.VNM.KIS.6M.42/*Covered Warrant.VNM.KIS.6M.42*
59 Chứng quyền.VNM.KIS.8M.43/*Covered Warrant.VNM.KIS.8M.43*
60 Chứng quyền.VNM.KIS.10M.44/*Covered Warrant.VNM.KIS.10M.44*
61 Chứng quyền.VPB.KIS.4M.27/*Covered Warrant.VPB.KIS.4M.27*
62 Chứng quyền.VPB.KIS.5M.28/*Covered Warrant.VPB.KIS.5M.28*
63 Chứng quyền.VPB.KIS.7M.29/*Covered Warrant.VPB.KIS.7M.29*
64 Chứng quyền.VRE.KIS.4M.49/*Covered Warrant.VRE.KIS.4M.49*
65 Chứng quyền.VRE.KIS.6M.50/*Covered Warrant.VRE.KIS.6M.50*
66 Chứng quyền.VRE.KIS.8M.51/*Covered Warrant.VRE.KIS.8M.51*
67 Chứng quyền.VRE.KIS.9M.52/*Covered Warrant.VRE.KIS.9M.52*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/10/2026 tại đường dẫn https://www.kisvn.vn/cbtt-vv-ctcp-chung-khoan-kis-viet-nam-cbtt-ban-cao-bach-chao-ban-lan-dau-67-chung-quyen-co-bao-dam *This information was published on the Company's website on October 19, 2026 at: https://www.kisvn.vn/cbtt-vv-ctcp-chung-khoan-kis-viet-nam-cbtt-ban-cao-bach-chao-ban-lan-dau-67-chung-quyen-co-bao-dam*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

***Tài liệu đính kèm/ Attached documents:***
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/
*Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức/ *Organization representative***
Người đại diện theo pháp luật
*Legal Representative*

S.G.P: 56 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
P. BẾN THÀNH - T.P HỒ CHÍ MINH

**SHIN HYUN JAE**
**TỔNG GIÁM ĐỐC**
***GENERAL DIRECTOR***

**The State Securities Commission's (SSC) issuance of the Registration Certificate for the Offering of Covered Warrants merely signifies that the Issuer's registration dossier has complied with the conditions and procedures prescribed by relevant laws. It does not imply a guarantee of the accuracy of the Prospectus's contents, nor does it guarantee the value of the covered warrants, the full payment of obligations, or the investment objectives, strategies, and business plans of the Issuer.**

**Investors are strongly advised to thoroughly read and understand the provisions of this Prospectus, particularly the Risk Factors on page 1, and to take note of applicable taxes, fees, charges, and service pricing when trading covered warrants.**

**The market price of covered warrants may fluctuate based on market conditions; investors may incur losses on their initial capital or lose their entire investment.**

**Information regarding the past performance of the Issuer or previously issued warrants (if any) is for reference purposes only and does not guarantee future investment returns.**

# PROSPECTUS

(No.: 841/KISCW)

# KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION

(Securities Company Establishment and Operation License No. 56/UBCK-GPHĐKD, issued by the State Securities Commission on July 5, 2007, as amended by Adjustment License No. 97/GPĐC-UBCK, issued by the State Securities Commission on August 20, 2026)

true friend KIS Viet Nam Securities Corporation

# OFFERING OF COVERED WARRANTS

(Registration Certificate for the Offering of Covered Warrants No. 555/GCN-UBCK issued by the Chairperson of the State Securities Commission on October 16, 2026)

## Covered Warrant.VPB.KIS.5M.28

This Prospectus and supplementary documents will be available from the issuance announcement date at:


**KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION**

**Address:** 3rd and 11th Floor, ROX Building, 180-192 Nguyen Cong Tru Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City.

Telephone: 028.39148585 Fax: 028.38216899 Website: www.kisvn.vn

**PERSON IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE**

Full Name: Hoang Anh Viet - Derivatives Solutions Department

Telephone: 028.3914.8585 (Ext: 1114) Email: viet.ha@kisvn.vn


**Ho Chi Minh City, October 2026**

# KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION

(Securities Company Establishment and Operation License No. 56/UBCK-GPHĐKD issued by the State Securities Commission on July 5, 2007, as amended under Amended License No. 97/GPĐC-UBCK issued by the State Securities Commission on August 20, 2026)

# FIRST ADDITIONAL OFFERING OF COVERED WARRANTS

- Warrant name: Covered Warrant.VPB.KIS.5M.28.
- Name (ticker) of the underlying security: VPB.
- Underlying issuer: Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank.
- Warrant type: Call Warrant.
- Exercise style: Warrants that may only be exercised by the holder at maturity.
- Settlement method: Warrants are cash-settled.
- Maturity: 5 months
- Expected issuance date: The specific timing shall be determined by the General Director after obtaining approval from the competent authority.
- Expected last trading date: 02 trading days prior to the maturity date.
- Expected maturity date: 5 months from the offering date.
- Conversion ratio: 5:1
- Exercise price: Within a range equal to or not more than 20% higher than the reference price of the underlying security on the issuance announcement date; the specific price shall be announced in the Issuance Announcement.
- Expected offering price range: VND 1,000 - 1,100/warrant, the specific price shall be announced in the Issuance Announcement.
- Total offering volumn: 3,000,000 warrants.
- Total offering value based on the highest expected offering price: VND3,300,000,000.
- Expected value of collateral assets for payment deposited at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Nam Ky Khoi Nghia Branch: VND 1,650,000,000.

**CUSTODIAN BANK FOR COLLATERAL ASSETS**

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM - NAM KY KHOI NGHIA BRANCH

**Head Office Address:** No. 56 (Rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Telephone: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

**AUDITING FIRM**

PWC (VIETNAM) LIMITED

**Address:** No. 29, Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.

Telephone: (028) 3823 0796 Fax: (028) 3823 0796 Website: www.pwc.com/vn/

# PROSPECTUS CONTENTS

## I. RISK FACTORS

Investors are advised to thoroughly review this Prospectus and its accompanying documents to clearly understand the nature of Covered Warrants (hereinafter referred to as "Warrants"), the risks associated with investing in Warrants, and to evaluate the suitability of this investment product in relation to their investment objectives and financial situation. Investors are recommended to consult financial advisors, stockbrokers, or analysts to gain a comprehensive understanding of Warrant investment mechanisms.

Covered Warrants are structured derivative products with a complex nature and are not suitable for inexperienced investors. We strongly discourage participation if investors do not fully understand the product or are not prepared to accept the investment risks outlined below.

We do not undertake to conduct investigations or research regarding the Issuer of the underlying security. The holding of warrants should not be construed as a recommendation by the Issuer regarding the underlying security. Furthermore, holders should note that the companies or entities issuing the underlying securities, or other related entities, are not involved in the preparation of this Prospectus.

### 1. Risks Related to the Warrant Issuer

- Issuer Transaction Risk: The Issuer may repurchase warrants on the market at any time, and such warrants may be held, cancelled, or resold. The Issuer may execute hedging transactions that could affect the price of the underlying security, thereby indirectly impacting the warrant price.

- Settlement Risk: Investors should note that although the Issuer must strictly adhere to solvency standards throughout the issuance process, there remains a risk that the Issuer may become insolvent and fail to fulfill its exercise obligations to investors. In the event of insolvency or insufficient assets for settlement, the rights of warrant holders shall be resolved in accordance with relevant laws.

- Delisting Risk: The Covered Warrants may be subject to compulsory delisting in the cases stipulated in Clause 6, Article 120 of Decree No. 155/2020/ND-CP and its amendments and supplements. The specific cases include:

+ The underlying securities are delisted, or the underlying securities index can no longer be determined;
+ The application dossier for the offering of Covered Warrants contains inaccurate information or omits material information that may affect investment decisions and cause losses to investors; or it is discovered that the issuer has failed to maintain the required payment collateral or does not have a payment guarantee from a bank;
+ The issuer breaches its risk hedging obligations or seriously breaches its market-making obligations, resulting in the termination of its market-making activities in accordance with the regulations of the Stock Exchange;
+ The Covered Warrants have been fully exercised or have reached their expiration date;
+ The listed organization has its license to operate in its specialized field revoked.

Therefore, there is a risk that the Covered Warrants may be delisted prior to their expiration date.

- Risk from the Exercise of Issuer's Discretion: Warrant holders should note that the Issuer reserves discretion in business activities consistent with the terms of this Prospectus, which may affect the warrant price. In events involving acquisitions or corporate restructurings that affect the rights of warrant holders, the Issuer reserves the right to choose actions regarding the warrants

deemed appropriate. The Issuer commits to making prudent decisions. If parties related to the Issuer's obligations fail to fulfill their commitments, it may affect the performance related to the warrants.

- Conflict of Interest Risk: The Issuer's involvement in various business activities may lead to conflicts of interest with warrant holders. The Issuer may issue and list other warrants that could potentially influence the price of these warrants.

**2. Risks Related to Covered Warrant Products**

- General Investment Risk: Holders should possess knowledge of warrant valuation methodologies and should only engage in trading after careful consideration. Warrants are suitable products only for investors who fully understand the associated risks and pricing mechanisms. An investment in warrants is not equivalent to a direct investment in the underlying asset. Although the returns on a warrant investment are closely linked to price movements of the underlying asset, the price volatility of the warrant may not be proportional to that of the underlying asset. The high leverage inherent in warrants implies that holders bear significantly higher investment risk compared to a direct investment of equal value in the underlying asset.

- Maturity Risk (Time Decay): As warrants have a fixed lifespan, their value may decline as the expiration date approaches, and such depreciation can be substantial. If an investor holds a warrant until maturity and the settlement price is less than or equal to the exercise price, the warrant's value will reach zero, resulting in a loss of the entire initial capital invested. Therefore, prior to investing, investors should thoroughly research the price trends of the underlying security during the remaining term of the warrant.

- Price Risk: This refers to the risk arising from fluctuations in the warrant's market price. These fluctuations depend on various factors such as the price of the underlying security, its volatility, the remaining time to maturity, interest rates, and dividends of the underlying security—with the price of the underlying security being the most critical factor. Additionally, the price is influenced by market supply and demand. Although the Issuer typically issues the volume registered with the State Securities Commission (SSC), the Issuer may increase the supply through additional offerings, provided the total volume does not exceed the maximum issuance limit prescribed by the SSC. Such additional offerings may impact the warrant's price.

- Leverage Risk: Investing in warrants involves exposure to price movements of the underlying security rather than direct ownership. Investors benefit from leverage by gaining full exposure to the price changes of the underlying security while only committing a fraction of its total value. However, the percentage change in the warrant's market price can be significantly greater than that of the underlying security, leading to potentially higher gains or more substantial losses compared to a direct investment.

- Liquidity Risk: This risk occurs when an investor is unable to sell warrants at a desired price due to a lack of market liquidity. Liquidity depends on market supply and demand as well as the effectiveness of the Issuer's market-making activities. While the Issuer commits to performing market-making functions and providing liquidity, there is no guarantee of an active or vibrant trading market.

- Shareholder Rights: Warrant holders do not enjoy the rights of shareholders of the underlying security, including but not limited to the right to attend General Meetings of Shareholders, receive dividends, exercise subscription rights for additional share issuances, or any other corporate rights arising from the underlying security.

**3. Risks Related to the Underlying Security**

- Certain corporate actions (including bonus share issuances, cash distributions, stock splits or consolidations, or restructuring events) may necessitate adjustments to the warrant's terms.

However, the Issuer is not obligated to adjust the terms and conditions for every event affecting the underlying security. Any adjustment—or a decision not to adjust—will impact the warrant's value. Adjustments will be carried out in accordance with applicable laws. Furthermore, specific events (such as the delisting or suspension of the underlying security) will result in the warrant being delisted or suspended pursuant to legal regulations.

**4. Other Risks**

- Economic Risk: Vietnam has experienced significant economic growth, reflecting global and domestic trends. However, risks such as global economic recession, inflation, exchange rate fluctuations, debt ratios, and real estate bubbles persist. Any risk impacting the stock market will inherently affect the warrant market.
- Economic Risk: Vietnam has experienced significant economic growth, reflecting global and domestic trends. However, risks such as global economic recession, inflation, exchange rate fluctuations, debt ratios, and real estate bubbles persist. Any risk impacting the stock market will inherently affect the warrant market.
- Legal Risk: This pertains to risks involving intellectual property (IP) laws, labor protection laws, or the overall enforceability of the law. Weaknesses in legal enforcement or IP protection can lead to business uncertainty and hinder innovation.
- Taxation Risk (Exercise): Investors should pay close attention to tax regulations when exercising covered warrants. If a warrant expires In-The-Money (ITM) and is held until maturity for exercise, the tax liability incurred may potentially exceed the cash settlement amount received from the Issuer under Official Dispatch No. 1468/BTC-CST. To mitigate this risk, investors should consider reselling the warrants to the Issuer prior to maturity to avoid the tax implications of an automated exercise.
- Miscellaneous Risks: Additionally, natural risks (such as floods and storms) and environmental risks (such as business activities causing pollution or CO2 emissions exceeding international thresholds) may impact the Vietnamese stock market.

## II. RESPONSIBLE PARTIES FOR THE PROSPECTUS

**1. The Issuer**

- Mr. Shin Hyun Jae – Position: General Director, Chairman of the Board of Directors.
- Mr. Cho Hun Hee – Position: Director of Operations Division and Member of the Board of Directors.
- Ms. Nguyen Thi Thanh Ngoc – Position: Chief Accountant.
- Ms. Nguyen Thi Hoa – Position: Head of the Supervisory Board.

We guarantee that the information and data contained in this Prospectus are accurate and truthful. We undertake full responsibility for the integrity and accuracy of such information and data, consistent with the facts known to us or as reasonably investigated and collected.

**2. Underwriter and Advisory Organization**

None.

## III. DEFINITIONS

- **Covered Warrant (CW):** A type of secured security issued by a securities company that allows the holder to receive a cash settlement based on the difference between the Exercise Price and the Settlement Price at the time of exercise.
- **Underlying Security:** The security used as the underlying asset for the warrant.
- **Underlying Issuer:** the issuer of the security used as the underlying asset of warrant.
- **Warrant Issuer:** The securities company that issues the covered warrants.
- **Custodian Bank:** the bank responsible for the custody and supervision of assets deposited by the Covered Warrant Issuer to secure payment obligations in respect of the Covered Warrants

issued, and which is not a related person of the Covered Warrant Issuer in accordance with the provisions of securities laws.

- **Warrant Holder:** an investor holding the Covered Warrant, who is also a partially secured creditor of the Covered Warrant Issuer and is not the Covered Warrant Issuer.
- **Call Warrant:** a type of warrant that grants the holder the right to purchase a specified quantity of the underlying security at the Exercise Price or to receive a cash payment when the price of the underlying security is higher than the Exercise Price at the time of exercise.
- **Exercise Price (Strike Price):** the price used by the Covered Warrant Issuer to determine the payment amount payable to the warrant holder.
- **Conversion Ratio:** the ratio between the number of Covered Warrants required to convert into one unit of the Underlying Security. The Conversion Ratio shall be rounded to four decimal places.
- **Expiration Date (Maturity Date):** the date on which the Covered Warrant Holder exercises the Covered Warrant and the Covered Warrant Issuer is required to make payment in respect of an in-the-money Covered Warrant.
- **Last Trading Day:** The trading day occurring two (02) days prior to the Expiration Date; this is the final day the warrant can be traded on the market. In the event a warrant is delisted because the underlying security is delisted, the Last Trading Day of the warrant shall coincide with the Last Trading Day of the underlying security.
- **Outstanding Warrants:** Covered Warrants that have not yet expired and are held by investors.
- **Unoutstanding Covered Warrants:** covered warrants that have been issued but are not yet held by investors. Unoutstanding Covered Warrants are deposited in the account of the Covered Warrant Issuer.
- **In-the-Money (ITM):** a Call Warrant with an exercise price lower than the settlement price.
- **Out-of-the-Money (OTM):** a Call Warrant with an exercise price higher than the settlement price.
- **At-the-Money (ATM):** a Call Warrant with an exercise price equal to the settlement price.
- **Open Position:** The total number of outstanding warrants issued by the Issuer that have not yet been exercised.
- **Delta:** the change in the price of a Covered Warrant corresponding to a change in the price of the Underlying Security..

Formula:

$$\textbf{Delta} = \frac{\text{Change in Warrant Price}}{\text{Change in Underlying Security Price}}$$

- **Settlement Price (upon exercise):** the average closing price of the Underlying Security over the five (05) consecutive trading days immediately preceding the Expiration Date, excluding the Expiration Date.

## IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES

### 1. Overview of the Vietnamese Economy

According to the "Socio-Economic Situation Report for the Third Quarter and the Nine Months of 2026" of the General Statistics Office, the Vietnamese economy recorded the following developments:

#### 7.1. Agriculture, Forestry, and Fishery Production

#### a) Agriculture

- Summer-Autumn rice: The total cultivated area nationwide reached 1,861.6 thousand hectares, down 36.8 thousand hectares compared with the 2025 Summer-Autumn crop, of which the Mekong Delta reached 1,219.0 thousand hectares, down 20.1 thousand hectares. As of September 20, 2026, the country had harvested 1,819.5 thousand hectares of Summer-Autumn rice, accounting for 97.7% of the sown area, down 7.4 thousand hectares year-on-year; the yield was estimated at 58.9 quintals per hectare, up 1.5 quintals per hectare; output was estimated at nearly 11.0 million tons, up 71.2 thousand tons, of which the Mekong Delta was estimated to reach 7.4 million tons, down 38.3 thousand tons.

- Seasonal rice: As of September 20, 2026, the country had cultivated 1,337.1 thousand hectares of seasonal rice, down 45.0 thousand hectares year-on-year, of which the Northern region accounted for an estimated 944.6 thousand hectares, down 33.9 thousand hectares; the Southern region accounted for an estimated 392.5 thousand hectares, down 11.1 thousand hectares.

- Autumn-Winter rice: As of September 20, 2026, localities had sown 474.1 thousand hectares of Autumn-Winter rice, down 130.7 thousand hectares compared with the same period last year.

- Annual crops: The cultivated areas of several crops, such as maize, sweet potatoes and peanuts, decreased year-on-year as economic efficiency was not high, leading farmers to reduce production areas.

- Perennial crops: Perennial crop production in the first nine months of 2026 performed relatively well, as some perennial crop areas, particularly fruit trees, that had been affected by storms and floods in the previous year were restored, while cultivation areas were also expanded through the conversion of low-efficiency annual crops to perennial crops with higher economic value. The total existing area of perennial crops was estimated at 3,891.0 thousand hectares, up 40.8 thousand hectares compared with the same period in 2025.

- Livestock farming: Buffalo and cattle farming continued to decline, mainly due to the narrowing of grazing areas and low economic efficiency. Pig farming was affected by a mix of favorable and unfavorable factors. Poultry farming developed well.

**b) Forestry**

- The area of concentrated newly planted forests in Q3/2026 was estimated at 70.6 thousand hectares, down 1.2% year-on-year; the number of scattered planted forestry trees was estimated at 19.9 million trees, equivalent to the same period last year; timber production was estimated at 7,089.4 thousand $m^3$, up 6.0%; the area of damaged forests was 751.1 hectares, 4.3 times higher than the same period last year. In the first nine months of 2026, the area of concentrated newly planted forests was estimated at 215.8 thousand hectares, down 3.0% year-on-year; the number of scattered planted forestry trees reached 71.3 million trees, up 1.6%; timber production reached 18,901.0 thousand $m^3$, up 5.3%; and the area of damaged forests was 1,146.9 hectares, up 14.9%.

**c) Fisheries**

- Fishery production in Q3/2026 was estimated at 2,851.8 thousand tons, up 4.3% year-on-year. In the first nine months of 2026, total fishery production was estimated at 7,890.9 thousand tons, up 3.9% year-on-year, of which aquaculture production was estimated at 4,860.6 thousand tons, up 5.9%; capture fishery production was estimated at 3,030.3 thousand tons, up 0.9%.

**7.2. Industrial Production**

- The Index of Industrial Production (IIP) in Q3/2026 was estimated to increase by 14.8% year-on-year. In the first nine months of 2026, the IIP was estimated to increase by 12.3% year-on-year, of which manufacturing and processing increased by 12.9%; electricity production and distribution increased by 10.6%; water supply, waste management and treatment increased by 9.3%; and mining increased by 8.0%.

- The Index of Industrial Production in the first nine months of 2026 increased year-on-year in all 34 localities.

- The consumption index of the entire manufacturing and processing industry in September decreased by 0.5% compared with the previous month but increased by 17.8% year-on-year. In the first nine months of 2026, the consumption index of the entire manufacturing and processing industry increased by 12.8% year-on-year, compared with an increase of 9.1% in the same period of 2025.

- The inventory index of the entire manufacturing and processing industry as of September 30, 2026 was estimated to increase by 4.3% compared with the previous month and by 11.9% compared with the same period last year.

- The number of employees working in industrial enterprises as of September 1, 2026 increased by 1.0% compared with the previous month and by 3.4% year-on-year.

1.3. Business Activities

a) Business Registration

- In September, nearly 11.6 thousand newly established enterprises were registered nationwide, down 4.9% from the previous month and down 31.1% year-on-year; 8.7 thousand enterprises resumed operations, down 8.1% and 18.9%, respectively; 3,671 enterprises registered for temporary suspension of business operations for a definite period, down 31.0% and 19.6%, respectively; 9,371 enterprises ceased operations pending dissolution procedures, up 23.9% and 52.1%, respectively; and 7,918 enterprises completed dissolution procedures, down 17.8% but up 89.3% year-on-year.

- In the first nine months of 2026, more than 223.9 thousand enterprises were newly registered or resumed operations nationwide, down 3.2% compared with the same period in 2025; on average, 24.9 thousand enterprises entered the market each month. The number of enterprises withdrawing from the market was 172.0 thousand, down 1.7% year-on-year; on average, 19.1 thousand enterprises withdrew from the market each month.

b) Business Trends

- The results of the business trend survey among enterprises in the manufacturing and processing industry in Q3/2026 showed that 34.2% of enterprises assessed their production and business situation as better than in Q2/2026; 45.7% considered the situation stable; and 20.1% considered that they were facing difficulties. For Q4/2026, 39.2% of enterprises expected the trend to improve compared with Q3/2026; 44.7% expected the situation to remain stable; and 16.1% forecast more difficulties.

1.4. Service Activities

- Total retail sales of goods and consumer service revenue at current prices in September 2026 were estimated at VND 690.6 trillion, up 1.7% from the previous month and 14.1% year-on-year. In Q3/2026, total retail sales of goods and consumer service revenue at current prices were estimated at VND 2,039.0 trillion, up 3.3% from the previous quarter and 14.5% year-on-year. In the first nine months of 2026, total retail sales of goods and consumer service revenue at current prices were estimated at VND 5,925.7 trillion, up 13.4% year-on-year; excluding price factors, the increase was 7.8% (compared with 7.2% in 2025).

- Passenger transport in September was estimated at 663.4 million passengers, up 18.0% year-on-year; passenger-kilometers reached 30.8 billion, up 14.0%. In Q3/2026, passenger transport was estimated at 1,914.4 million passengers, up 15.9% year-on-year,

while passenger-kilometers reached 91.3 billion, up 11.5%. In the first nine months of 2026, passenger transport was estimated at 5,300.8 million passengers, up 17.4% year-on-year, while passenger-kilometers reached 262.0 billion, up 11.9%.

- Freight transport in September was estimated at 321.9 million tons, up 19.3% year-on-year; freight ton-kilometers reached 62.7 billion, up 17.9%. In Q3/2026, freight transport was estimated at 941.3 million tons, up 18.1% year-on-year, while freight ton-kilometers reached 184.3 billion, up 15.1%. In the first nine months of 2026, freight transport was estimated at 2,580.2 million tons, up 15.8% year-on-year, while freight ton-kilometers reached 510.1 billion, up 12.8%.

- Telecommunications revenue in Q3/2026 at current prices was estimated at VND 103.4 trillion, up 8.0% year-on-year. In the first nine months of 2026, telecommunications revenue was estimated at VND 308.3 trillion, up 6.86% year-on-year; excluding price factors, the increase was 6.94%.

- International visitors to Vietnam in September were estimated at 1.77 million, down 11.3% from the previous month but up 16.1% year-on-year. In the first nine months of 2026, international arrivals to Vietnam reached 17.7 million, up 14.5% year-on-year.

1.5. Banking, Insurance and Securities Market Activities

- As of September 28, 2026, deposits mobilized by credit institutions increased by 9.78% compared with the end of 2025 (up 9.99% over the same period last year); credit growth in the economy reached 10.89% (compared with 13.37% over the same period last year).

- The insurance market maintained stable growth, with non-life insurance continuing to be the main growth driver. Total insurance premium revenue in Q3/2026 was estimated at VND 57.9 trillion, up 2.8% year-on-year. In the first nine months of 2026, total insurance premium revenue was estimated at VND 175.8 trillion, up 2.4%.

- Vietnam's securities market was officially upgraded by FTSE Russell to Secondary Emerging Market status. This is an important milestone, contributing to enhancing the market's position and creating conditions for broader access to medium- and long-term international investment capital. Total capital mobilized through the securities market in the first nine months of 2026 reached VND 731.6 trillion, up 85.6% compared with the same period in 2025. The number of investor accounts as of the end of August reached nearly 13.89 million, up 16.98% compared with the end of 2025.

1.6. Development Investment

- Total realized social investment capital in Q3/2026 at current prices was estimated at VND 1,291.2 trillion, up 16.7% year-on-year; in the first nine months of 2026, it was estimated at VND 3,109.6 trillion, up 15.1%.

- Total registered foreign investment in Vietnam as of September 30, 2026, including newly registered capital, adjusted registered capital, and capital contributions and share purchases by foreign investors, reached USD 50.36 billion, up 76.4% year-on-year.

- Realized foreign direct investment (FDI) in Vietnam in the first nine months of 2026 was estimated at USD 21.07 billion, up 12.1% year-on-year. This was the highest realized FDI amount for the first nine months of the past five years.

- In the first nine months of 2026, Vietnam had 121 newly licensed overseas investment projects with total investment capital contributed by Vietnamese investors of USD 1.28

billion, up 80.9% year-on-year; there were 32 projects with adjusted capital, with additional capital of USD 1.49 billion, 10.8 times higher than in the same period last year.

1.7. State Budget Revenue and Expenditure

- State budget revenue in September was estimated at VND 162.7 trillion. Cumulatively, total State budget revenue in the first nine months of 2026 was estimated at VND 2,187.3 trillion, equivalent to 86.5% of the annual estimate and up 12.1% year-on-year.
- State budget expenditure in September was estimated at VND 256.8 trillion. In the first nine months of 2026, State budget expenditure was estimated at VND 1,873.7 trillion, equivalent to 59.3% of the annual estimate and up 14.5% year-on-year.

1.8. Trade in Goods and Services

a) Trade in Goods

- Total import and export turnover of goods in September reached USD 117.69 billion, up 7.3% from the previous month and 42.4% year-on-year. Notably, the goods trade balance returned to a surplus in September after nine consecutive months of trade deficits, with a surplus of USD 1.27 billion. In the first nine months of 2026, total import and export turnover of goods reached USD 888.02 billion, up 30.4% year-on-year, of which exports increased by 24.5% and imports by 36.7%. The goods trade balance recorded a deficit of USD 19.42 billion in the first nine months of 2026.
- Goods exports in September reached USD 59.48 billion, up 8.5% from the previous month and 39.1% year-on-year. In Q3/2026, exports reached USD 167.85 billion, up 30.4% year-on-year and 17.0% from Q2/2026. In the first nine months of 2026, goods exports reached USD 434.30 billion, up 24.5% year-on-year. Of this, the domestic economic sector reached USD 83.89 billion, up 7.5% and accounting for 19.3% of total export turnover; the foreign-invested sector, including crude oil, reached USD 350.41 billion, up 29.4% and accounting for 80.7%.
- Regarding the structure of export groups in the first nine months of 2026, processed industrial goods reached USD 392.79 billion, accounting for 90.4%; agricultural and forestry products reached USD 30.0 billion, accounting for 6.9%; fishery products reached USD 9.10 billion, accounting for 2.1%; and fuel and mineral products reached USD 2.41 billion, accounting for 0.6%.
- Goods imports in September reached USD 58.21 billion, up 6.0% from the previous month and 45.8% year-on-year. In Q3/2026, imports reached USD 170.33 billion, up 42.2% year-on-year and 8.8% from Q2/2026. In the first nine months of 2026, goods imports reached USD 453.72 billion, up 36.7% year-on-year, of which the domestic economic sector reached USD 118.17 billion, up 23.5%; the foreign-invested sector reached USD 335.55 billion, up 42.0%.
- Regarding the structure of import groups in the first nine months of 2026, production inputs reached USD 426.92 billion, accounting for 94.1%, of which machinery, equipment, tools and spare parts accounted for 58.3%; raw materials, fuels and materials accounted for 35.8%. Consumer goods reached USD 26.80 billion, accounting for 5.9%.
- Regarding goods trading partners in the first nine months of 2026, the United States was Vietnam's largest export market, with turnover reaching USD 140.0 billion. China was Vietnam's largest import market, with turnover reaching USD 187.34 billion.

- According to preliminary data, the goods trade balance recorded a surplus of USD 1.27 billion in September. In the first nine months of 2026, the goods trade balance recorded a deficit of USD 19.42 billion (compared with a surplus of USD 16.87 billion in the same period last year). The domestic economic sector recorded a trade deficit of USD 34.28 billion, while the foreign-invested sector, including crude oil, recorded a trade surplus of USD 14.86 billion.

b) Trade in Services

- Service exports in Q3/2026 were estimated at USD 8.71 billion, up 15.1% year-on-year and 6.0% from the previous quarter; service imports were estimated at USD 11.82 billion, up 11.4% year-on-year and 4.3% from the previous quarter.
- Service exports in the first nine months of 2026 were estimated at USD 26.10 billion, up 18.5% year-on-year, of which tourism services reached USD 13.06 billion (accounting for 50.0% of total turnover), up 17.4%; transportation services reached USD 7.81 billion (accounting for 29.9%), up 29.5%.
- Service imports in the first nine months of 2026 were estimated at USD 34.31 billion (including transportation and insurance service fees for imported goods of USD 14.39 billion), up 15.0% year-on-year, of which transportation services reached USD 16.40 billion (accounting for 47.8% of total turnover), up 35.1%; tourism services reached USD 10.85 billion (accounting for 31.6%), down 2.2%.
- The service trade deficit in the first nine months of 2026 was USD 8.21 billion.

1.9. Price Indices

a) Consumer Price Index, Gold Price Index and US Dollar Price Index

- The Consumer Price Index (CPI) in September increased by 0.62% compared with the previous month; increased by 4.20% compared with December 2025; and increased by 5.08% year-on-year. The average CPI in Q3/2026 increased by 4.80% compared with Q3/2025. In the first nine months of 2026, the average CPI increased by 4.52% year-on-year, while core inflation increased by 4.26%.
- The gold price index in September increased by 2.38% compared with the previous month; increased by 12.42% year-on-year; and decreased by 4.04% compared with December 2025. In the first nine months of 2026, the average gold price index increased by 42.67% year-on-year.
- The US dollar price index in September decreased by 0.69% compared with the previous month; decreased by 1.34% year-on-year; and decreased by 1.07% compared with December 2025. In the first nine months of 2026, the average US dollar price index increased by 1.01% year-on-year.

b) Producer Price Indices

- In the first nine months of 2026, the producer price index for agricultural, forestry and fishery products increased by 4.11% year-on-year; the producer price index for industrial products increased by 4.37%; the producer price index for services increased by 4.02%; the price index of raw materials, fuels and materials used for production increased by 5.12%; the export price index for goods increased by 2.38%; the import price index for goods increased by 2.56%; and the terms of trade for goods decreased by 0.17%.

1.10. Some Social Issues

a) Labour and Employment

- The labor force aged 15 and above nationwide in Q3/2026 was estimated at 54.1 million people, 278.4 thousand people higher than the previous quarter and 709.7 thousand people higher than the same period last year. In the first nine months of 2026, the labor force aged 15 and above was 53.8 million people, 697.0 thousand people higher than the same period last year.

- The number of employed people in Q3/2026 reached nearly 53.0 million, 292.3 thousand higher than the previous quarter and 706.4 thousand higher than the same period last year. In the first nine months of 2026, the number of employed people reached 52.7 million, 683.8 thousand higher than the same period in 2025.

- The underemployment rate among the working-age population in Q3/2026 was 1.31%, 0.31 percentage points lower than the previous quarter and 0.19 percentage points lower than the same period last year. In the first nine months of 2026, the underemployment rate among the working-age population was 1.53%, 0.12 percentage points lower than the same period last year; of which the underemployment rate in urban areas was 1.05% and in rural areas was 1.86%.

- The average monthly income of workers in Q3/2026 reached VND 9.2 million, VND 215.5 thousand higher than Q2/2026 and VND 823.8 thousand higher than the same period in 2025. In the first nine months of 2026, the average monthly income of workers was VND 9.1 million, VND 752.8 thousand higher than the same period last year.

- The unemployment rate among the working-age population in Q3/2026 was 2.22%, unchanged from the previous quarter and the same period last year. The unemployment rate among the working-age population in the first nine months of 2026 was 2.22%, unchanged from the same period last year, of which the urban unemployment rate was 2.55% and the rural unemployment rate was 1.99%.

b) Living Standards and Social Security

- According to the results of the Labour Force Survey, in Q3/2026, the proportion of households reporting that their income had increased or remained unchanged compared with the same period in 2025 was 96.8%, up 0.3 percentage points from the previous quarter and 0.5 percentage points year-on-year; the proportion of households reporting decreased income or being uncertain was 3.2%.

- Social security policies continued to receive timely and effective attention and implementation from authorities at all levels and sectors. In the first nine months of this year, total social security support for beneficiary groups reached nearly VND 69.3 trillion, of which support for poor households, near-poor households, households facing difficulties, and social policy households amounted to more than VND 3.2 trillion; support for people with meritorious services and their relatives amounted to more than VND 33.3 trillion; and emergency and unexpected support arising at the local level amounted to more than VND 246.6 billion. In addition, social insurance agencies issued nearly 35.1 million health insurance cards and free medical examination and treatment cards/books for beneficiaries.

- Honoring people with meritorious services: As of September 23, 2026, under the "500-Day-and-Night Campaign to Intensify the Search, Collection and Identification of Martyrs' Remains," the forces had searched for and recovered 2,803 martyrs' remains, including 1,773 remains found domestically, 174 remains in Laos and 856 remains in Cambodia.

c) Diseases and Food Poisoning

- Healthcare: Since the beginning of the year, the country has recorded more than 94.2 thousand cases of dengue fever (14 deaths); more than 74.2 thousand cases of hand, foot and mouth disease (11 deaths); 5,143 cases of suspected measles rash fever; 242 cases of viral encephalitis (01 death); 34 cases of meningococcal meningitis (05 deaths); and 54 deaths from rabies.

- Regarding food poisoning, in September, 05 outbreaks occurred, affecting 382 people, including 02 deaths. In the first nine months of this year, the country recorded 62 food poisoning outbreaks, affecting 3,137 people and causing 09 deaths.

d) Education and Training

- Regarding the 2026 Upper Secondary School Graduation Examination, this was the second year that the examination was organized under the 2+2 format, continuing to maintain stability in the structure, examination format and organization, while making some adjustments to suit the two-tier local government model and promote the application of information technology in examination organization.

- Nationwide, 1,223,776 candidates registered for the examination, an increase of 61,642 candidates compared with 2025.

- Regarding the opening of the new 2025-2026 academic year, educational institutions nationwide simultaneously held opening ceremonies in a combination of in-person and online formats. The theme of the 2026-2027 academic year is "Innovating Thinking – Strong Transformation – Substantive Results," with a focus on shifting from institutional completion to implementation, concentrating on removing bottlenecks, improving task implementation efficiency, and assessing results through learners' progress, the effectiveness of educational institutions, and the quality of human resources.

đ) Cultural and Sports Activities

- Culture: In September and Q3/2026, cultural and artistic activities continued to take place actively in many localities, contributing to the promotion of cultural values, heritage and local tourism products.

- High-performance sports: In September, the Vietnam Sports Delegation participated in the 20th Asian Games (ASIAD 20) in Japan with 498 members, including 348 athletes. As of 08:00 on October 2, 2026, the Vietnam Sports Delegation had won 22 medals, including 02 Gold Medals in Karate (Women's Team Kata) and Sepak Takraw (Women's Doubles), 01 Silver Medal in Wushu (Sanda), and 19 Bronze Medals.

e) Traffic Accidents

- In September (from August 15 to September 14, 2026), there were 1,327 traffic accidents nationwide, resulting in 782 deaths and 793 injuries. In the first nine months of 2026, there were 11,549 traffic accidents nationwide, resulting in 7,166 deaths and 6,720 injuries. Compared with the same period last year, the number of traffic accidents decreased by 16.8%, the number of deaths decreased by 9.4%, and the number of injuries decreased by 26.3%. On average, during the first nine months of 2026, there were 42 traffic accidents, 26 deaths and 25 injuries per day nationwide.

f) Natural Disaster Damage

- In September, natural disasters caused 28 deaths and missing persons and injured 5 people. In the first nine months of 2026, natural disasters caused 80 deaths and missing persons

and injured 96 people; more than 81.0 thousand hectares of rice and nearly 17.4 thousand hectares of other crops were damaged; 2,797 livestock and 295.7 thousand poultry died; and 10.4 thousand houses collapsed, were swept away or damaged. Total property damage caused by natural disasters in the first nine months of this year was estimated at VND 4,076.5 billion, down 77.4% compared with the same period in 2025.

g) Environmental Protection and Fire and Explosion Prevention

- In September (from August 26 to September 25, 2026), authorities detected 1,285 environmental violations in 32 out of 34 localities. In the first nine months of 2026, authorities detected 14,055 environmental violations, of which 11,182 cases were handled, with total fines of more than VND 206.6 billion, up 25.2% year-on-year. Nationwide, there were 2,255 fires and explosions, resulting in 75 deaths and 105 injuries, with estimated damages of VND 673.0 billion, nearly 2.6 times higher than in the same period last year.
- Overall assessment: Against the backdrop of a global economy that continued to experience complex and unpredictable developments with many uncertainties, Vietnam's economy maintained its growth momentum and achieved many positive results in the first nine months of 2026. With the leadership of the Party, the decisive direction and management of the Government and the Prime Minister, the involvement of ministries, sectors and local authorities, and the efforts of the business community and the people, Vietnam's economy achieved a growth rate of 9.95% in the first nine months of 2026. This was a positive growth rate, creating an important foundation for striving to accomplish the socio-economic development objectives for 2026.

## 8. Investment Opportunities in 2026

### 8.1. Vietnamese Financial Market in 2025

The most significant highlights of Vietnam's stock market in 2025 were not only its scale and liquidity, but also the fundamental reforms that contributed to improving the quality of the market and bringing it closer to international standards.

First, the legal framework governing securities and the securities market has been progressively strengthened and refined.

- In 2025, although Vietnam's stock market continued to face numerous difficulties and challenges, under the direction of the Party and the State, and with the Ministry of Finance and the State Securities Commission (hereinafter referred to as the "SSC") serving as the direct regulatory authorities, the SSC took the lead in formulating and submitting to the competent authorities for promulgation, amendment and supplementation a number of important Decrees, Decisions and Circulars. These measures contributed to enhancing market transparency and discipline and strengthening investor protection, including: Government Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025, amending and supplementing a number of articles of Decree No. 155/2020/ND-CP detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities; Government Decree No. 306/2025/ND-CP dated November 25, 2025, amending and supplementing a number of articles of Decree No. 156/2020/ND-CP on administrative penalties for violations in the securities sector and securities market (as amended and supplemented by Decree No. 128/2021/ND-CP) and Decree No. 158/2020/ND-CP on derivatives and the derivatives market; Government Resolution No. 05/2025/NQ-CP dated September 9, 2025, on the pilot implementation of the digital asset market in Vietnam; Prime Minister's Decision No. 2014/QD-TTg dated September 2, 2025, approving the Scheme for Upgrading Vietnam's Stock Market; Circular No. 14/2025/TT-BTC dated April 4, 2025, of the Minister of Finance, amending and supplementing a number of articles of Circular No. 119/2020/TT-BTC

dated December 31, 2020, of the Minister of Finance regulating securities registration, depository, clearing and settlement activities, and Circular No. 58/2021/TT-BTC dated July 12, 2021, of the Minister of Finance providing guidance on a number of provisions of Government Decree No. 158/2020/ND-CP dated December 31, 2020, on derivatives and the derivatives market; Decision No. 3168/QD-BTC dated September 12, 2025, of the Minister of Finance approving the Scheme for Restructuring Investors and Developing the Securities Investment Fund Industry; and Decision No. 3761/QD-BTC dated November 6, 2025, of the Minister of Finance promulgating the Ministry of Finance's Plan for implementing the Scheme for Upgrading Vietnam's Stock Market.

- Efforts to improve the legal framework governing securities and the securities market in 2025 not only contributed to enhancing the transparency, safety and efficiency of the stock market, but also established an important foundation for attracting medium- and long-term capital flows and strengthening the confidence of domestic and international investors. These efforts thereby reinforced the increasingly important role of the stock market within the national financial system.

Second, the implementation of the new technology system (KRX) enhanced processing capacity and transparency.

- Reforms to the market infrastructure and institutional framework provided an important impetus for the development of Vietnam's stock market in 2025. The implementation of the KRX system significantly enhanced transaction processing capacity, improved system stability and strengthened real-time market surveillance capabilities. This provided the necessary technological foundation for the market to expand in scale, diversify its products and achieve deeper integration with international financial markets.

Third, Vietnam's stock market was upgraded by FTSE Russell.

- Following the coordinated implementation of various market-upgrading measures by the SSC, at its September 2025 annual review, FTSE Russell officially announced that Vietnam's stock market had satisfied all relevant criteria and would be upgraded from Frontier Market status to Secondary Emerging Market status. This event represented an important milestone in the strong development of Vietnam's stock market, recognizing the comprehensive reform efforts of the securities industry in building a transparent and modern market that is increasingly aligned with international standards and consistent with the policies and orientations of the Party and the State.

- Following this event, on September 12, 2025, the Prime Minister issued Decision No. 2014/QD-TTg approving the Scheme for Upgrading Vietnam's Stock Market, clearly defining the objectives and key measures aimed not only at achieving but also maintaining Emerging Market status. On November 6, 2025, the Minister of Finance issued Decision No. 3761/QD-BTC on the Plan for implementing the Scheme for Upgrading Vietnam's Stock Market, thereby establishing a specific action framework for the relevant authorities. In parallel with the policy process, the Investor Advisory Group for Policy Dialogue on Capital Market Development (IAG) was established and maintained a mechanism of regular monthly meetings and specialized technical sessions, with the participation of international organizations, financial institutions and major investors. These sessions provided a forum for in-depth discussions on necessary reforms, proposals for solutions appropriate to Vietnam's practical conditions, and the gradual removal of barriers facing foreign investors. Collectively, these efforts contributed to strengthening market confidence and providing positive momentum for the sustainable development of Vietnam's stock market.

*(Source: Banking Journal, an official publication of the State Bank of Vietnam)*

**2.2 Investment Opportunities in 2026**

Entering 2026, Vietnam's stock market continues to be affected by domestic and international macroeconomic factors. Factors such as socio-economic development orientations, investment attraction policies, economic restructuring and international integration are among the factors influencing the investment environment in general and the stock market in particular.

Vietnam continues to pursue a policy of attracting foreign direct investment (FDI) into manufacturing, processing and manufacturing industries, infrastructure, technology and energy. The activities of enterprises operating in these sectors may affect the supply and demand for goods and services, as well as the demand for capital mobilization through the stock market.can subscribe to warrants during the Initial Public Offering (IPO) phase or purchase them directly on the secondary market (HOSE). Once acquired, investors have the option to resell them on the secondary market or hold them until maturity to exercise the rights.

Domestic and international monetary policies, including developments in interest rates, exchange rates and liquidity conditions, are factors that directly affect enterprises' cost of capital and investors' asset allocation decisions. In addition, risk factors such as global economic fluctuations, policy changes in major economies and force majeure events may affect capital flows and market sentiment.

From a market structure perspective, the development of new financial products, expansion of market size, improvement in the quality of listed securities and enhancement of market transparency are considered factors affecting the ability to attract medium- and long-term investors. However, the implementation of market policies and reforms remains subject to the applicable roadmap and prevailing conditions at each point in time.

The valuation levels of Vietnam's stock market may fluctuate in response to developments in corporate earnings, interest rates and investment capital flows. Investors should fully consider market risks, industry-specific risks and corporate risks when making investment decisions.

9. Investment Opportunities in Covered Warrants

From a market structure perspective, the development of new financial products, expansion of market size, improvement in the quality of listed securities and enhancement of market transparency are considered factors affecting the ability to attract medium- and long-term investors. However, the implementation of market policies and reforms remains subject to the applicable roadmap and prevailing conditions at each point in time.

The price movements of Covered Warrants depend on a number of underlying parameters, including the price and volatility of the Underlying Security, the Exercise Price, the Conversion Ratio, the time to expiration and the risk-free interest rate. The term of Covered Warrants, ranging from three (3) months to twenty-four (24) months, together with changes in the price and volatility of the Underlying Security, results in corresponding changes in the leverage of Covered Warrants, thereby creating distinctive investment characteristics of these products.

Investors may purchase Covered Warrants either at the time of the primary offering (IPO) or directly on the HOSE. After acquiring Covered Warrants, investors may choose to sell them on the secondary market or hold them until the Expiration Date to exercise their rights.

Covered Warrants are issued and market-made by reputable issuers, thereby supporting liquidity for investors. The expected return on the capital invested in Covered Warrants may be realized through the exercise of the Covered Warrants upon expiration.

However, Covered Warrants also involve specific risks and investors may incur various related costs. Investors should carefully study the characteristics of the products and consider the potential benefits and risks before making any investment decision.

## V. INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANT ISSUER

### 1. Information of covered warrant issuer

#### a) Issuer summary:

- Company name in Vietnamese: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.
- Company name in English: KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.
- Abbreviated name: KIS.
- Charter capital: VND 4,549,693,040,000.
- License for Establishment and Operation of Securities Company No. 56/UBCK-GPHĐKD issued by The State Securities Commission dated July 05, 2007, Amended License No. 97/GPĐC-UBCK issued by the State Securities Commission on August 20, 2026.
- Head office address: 3rd and 11th Floor, ROX building, 180-192 Nguyen Cong Tru street, Ben Thanh ward, Ho Chi Minh city.
- Telephone: (84-28) 3914 8585. Fax: (84-28) 3821 6898.

#### b) Summary of the formation and development process

KIS Viet Nam Securities Corporation (hereinafter referred to as the Company), formerly Gia Quyen Securities Joint Stock Company, was established on July 5, 2007, under Decision No. 56/UBCK-GPHDKD dated July 5, 2007, with a charter capital of VND 135 billion. As of June 14, 2021, the Company's charter capital is VND 3,761,579,550,000. The Company is equipped with a modern technological infrastructure and a Board of Directors and specialists with in-depth knowledge and extensive experience in the business environment, as well as a network of cooperative relationships with domestic and international organizations.

- July 5, 2007: Gia Quyen Securities Joint Stock Company was established under Decision No. 56/UBCK-GPHDKD with a charter capital of VND 135 billion.
- July 17, 2007: The company officially became a member of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) under Certificate No. 60/GCNTVLK.
- August 17, 2007: The company officially became a member of the Ho Chi Minh City Stock Exchange under Decision No. 57/QD-SGDHCM.
- August 28, 2007: The company officially became a member of the Hanoi Stock Exchange (formerly: Hanoi Securities Trading Center) under Decision No. 215/QD-TTGDHN.
- June 13, 2008: Gia Quyen Securities Joint Stock Company is a public company, according to Dispatch No. 1142/UBCK-QLPH dated June 13, 2008, from the State Securities Commission.
- June 20, 2008: The company established and inaugurated Gia Quyen Securities Joint Stock Company - Hanoi Branch according to Decision No. 438/QD-UBCK.
- June 20, 2008: Gia Quyen Securities Joint Stock Company - Hanoi Branch was registered to operate securities custody services according to Decision No. 439/QD-UBCK.
- July 10, 2008: Gia Quyen Securities Joint Stock Company - Hanoi Branch officially became a member of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) according to Certificate No. 34/GCNTVLK-CN.
- October 3, 2008: Gia Quyen Securities Joint Stock Company received approval from the State Securities Commission to change its head office location according to Decision No. 610/QD-UBCK.

- April 7, 2009: Gia Quyen Securities Joint Stock Company received approval from the State Securities Commission to change the location of its Hanoi branch according to Decision No. 217/QD-UBCK.
- September 17, 2009: Gia Quyen Securities Joint Stock Company's establishment and operation license was amended to change its legal representative to Ms. Tran Duong Ngoc Thao according to License No. 262/UBCK-GP.
- August 18, 2010: The company increased its charter capital from VND 135 billion to VND 263.646 billion according to Decision No. 662/QD-UBCK, and the capital increase issuance was completed on December 17, 2010, according to amended license No. 376/GPDC-UBCK.
- November 30, 2010: Gia Quyen Securities Joint Stock Company was approved by the State Securities Commission to register to provide online securities trading services according to Decision No. 994/QD-UBCK.
- December 17, 2010: Gia Quyen Securities Joint Stock Company increased its capital to VND 263.646 billion according to amended license No. 376/GPDC-UBCK.
- December 27, 2010: Gia Quyen Securities Joint Stock Company was granted a license to amend its legal representative to Oh Kyung Hee, according to Amendment License No. 379/GPDC-UBCK.
- January 7, 2011: Gia Quyen Securities Joint Stock Company amended the Decision to establish the Hanoi branch, with Oh Kyung Hee as the head of the branch, according to Decision No. 15/QD-UBCK.
- March 21, 2011: The company changed its name to KIS Vietnam Securities Joint Stock Company, according to Amendment License No. 19/GPDC-UBCK.
- March 24, 2011: The Company changed the name of its Hanoi Branch from KIS Power Securities Joint Stock Company – Hanoi Branch to KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Hanoi Branch pursuant to Decision No. 265/QD-UBCK.
- March 29, 2011: The company was granted an amended securities depository member certificate, Certificate No. 60/GCNTVLK-1, by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository).
- July 8, 2011: The company's head office address was changed according to the amended license, Certificate No. 42/GPĐC-UBCK.
- July 12, 2011: The company was granted an amended securities depository member certificate, Certificate No. 60/GCNTVLK-2, by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository).
- August 11, 2011: The Company was granted a Certificate of Securities Depository Branch Operation by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) regarding the change of information for the Securities Depository Branch, as per Certificate No. 54/GCNTVLK-2.
- February 29, 2012: The Hanoi Branch of the Company had its registered address changed according to Decision No. 193/QD-UBCK.
- March 6, 2012: The Company was granted a Certificate of Securities Depository Branch Operation by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) regarding the name of the Hanoi Branch, as per Certificate No. 54/GCNTVLK-CN-3.
- April 15, 2013: The company received a Dispatch from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository) regarding the re-issuance of the Membership Certificate, as per Dispatch No. 2770/VSD-LK.

- April 15, 2013: The company was granted Membership Certificate No. 60/GCNTVLK by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository).
- December 27, 2013: The company's transaction changing the ownership of shares representing 10% or more of the charter capital was approved by the State Securities Commission, as per Decision No. 915/QD-UBCK.
- January 9, 2015: The company was granted an amended license by the State Securities Commission.
- January 14, 2015: The company was granted a Certificate of Securities Depository Membership by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository) under Certificate No. 60/GCNTVLK-3.
- April 22, 2015: The company was granted an amended Establishment and Operation License No. 20/GPĐC-UBCK by the State Securities Commission, adding the business of securities underwriting.
- June 1, 2015: The company established and inaugurated the Ba Trieu Transaction Office under the Hanoi Branch according to Decision No. 458/QĐ-UBCK.
- July 8, 2015: The company established and inaugurated the Nguyen Tri Phuong Transaction Office under the Head Office according to Decision No. 577/QĐ-UBCK.
- July 6, 2016: The company was established and opened the Lang Ha Transaction Office under the Hanoi Branch according to Decision No. 671/QD-UBCK.
- September 6, 2016: The company was established and opened the Pham Ngoc Thach Transaction Office under the Head Office according to Decision No. 935/QD-UBCK.
- December 30, 2016: The company was approved to register to provide online securities trading services according to Decision No. 1456/QD-UBCK.
- February 6, 2017: The company was approved by the State Securities Commission to cancel its public company registration effective January 3, 2017 according to Dispatch No. 620/UBCK-QLKD.
- August 9, 2017: The company was granted an amended establishment and operation license No. 38/GPDC-UBCK by the State Securities Commission, changing the legal representative to Mr. Park Won Sang.
- September 7, 2017: The company was granted an amended establishment decision for the Hanoi branch No. 38/QD-UBCK by the State Securities Commission, changing the branch director to Mr. Park Won Sang.
- October 12, 2017: The company was granted a depository member certificate No. 60/GCNTVLK-4 by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository).
- March 16, 2018: The company was granted a Certificate of Eligibility to conduct derivative securities business for derivative securities brokerage activities by the State Securities Commission (Certificate No. 15/GCN-UBCK).
- March 16, 2018: The company was granted a Certificate of Eligibility to provide clearing and settlement services for derivative securities transactions by the State Securities Commission (Certificate No. 16/GCN-UBCK).
- April 5, 2018: The company was granted a Certificate of Registration of Securities Trading Code for proprietary trading accounts by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) effective from April 5, 2018, by Certificate No. 2012/2018/GCNMS-VSD.

- May 14, 2018: The company was approved by the Hanoi Stock Exchange as a member trading in the derivatives market according to Decision No. 251/QD-SGDHN.
- June 7, 2018: The company was granted a Clearing Member Certificate by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) under Certificate No. 08/GCNTVBT.
- June 11, 2018: The company was granted an amended establishment and operation license No. 42/GPDC-UBCK by the State Securities Commission, increasing its charter capital to VND 1,897,011,000,000.
- June 29, 2018: The company was granted a Certificate of Change in Depository Member Information by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) under Certificate No. 60/GCNTVLK-5.
- July 2, 2018: The company was granted a Certificate of Eligibility for Derivatives Trading by the State Securities Commission for proprietary trading of derivatives under Certificate No. 21/GCN-UBCK.
- September 3, 2019: The company's Nguyen Tri Phuong Trading Office was renamed KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Saigon Trading Office by the State Securities Commission under Decision No. 674/GD-UBCK.
- June 30, 2020: The company was granted an amended establishment and operation license No. 35/GPĐC-UBCK by the State Securities Commission, increasing its charter capital to VND 2,596,316,050,000.
- July 7, 2020: The company was granted a Certificate of Change in Depository Member Information by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) under Certificate No. 60/GCNTVLK-6.
- July 8, 2020: The company was granted an amended Clearing Member Certificate by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) under Certificate No. 08/GCNTVBT-2.
- March 24, 2021: The company relocated its Hanoi Branch according to Decision No. 152/QD-UBCK.
- March 24, 2021: The company relocated the Lang Ha Transaction Office of the Hanoi Branch according to Decision No. 153/QD-UBCK.
- May 6, 2021: The company was granted an amended Certificate of Securities Depository Branch Information by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) regarding changes to the securities depository branch information, as per Certificate No. 54/GCNTVLK-CB-4.
- May 28, 2021: The company was granted a Certificate of Registration for Public Fund Certificate Distribution Activities, as per Certificate No. 20/GCN-UBCK.
- June 14, 2021: The company was granted a Certificate of Registration for Public Fund Certificate Distribution Activities by the Vietnam Securities Commission.
- September 21, 2022: The company relocated its Saigon Branch Office under the Head Office according to Decision No. 709/QD-UBCK.
- November 10, 2022: The company adjusted its head office address according to Adjustment License No. 108/GPDC-UBCK.
- November 16, 2022: The company was granted a Depository Member Certificate No. 60/GCNTVLK-8 by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) (First registration as a depository member on July 18, 2007; Eighth registration of changes to depository member information on November 16, 2022).

- November 16, 2022: The company received a Dispatch from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository) regarding the change of investor information as per Dispatch No. 12010/VSD-LK.NV.
- November 18, 2022: The company was granted a Certificate of Derivatives Clearing Membership (amended) No. 08/GCNTVBT-4 by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly the Vietnam Securities Depository) (First registration as clearing member on June 7, 2018; Fourth registration of changes to clearing member information on November 18, 2022).
- December 1, 2022: The company was granted a Certificate of Business Registration for a Joint Stock Company by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (Business Registration Number: 0305066125; Initial Registration: July 5, 2007; 15th Amendment Registration: December 1, 2022).
- July 7, 2023: The company established a Ho Chi Minh City Branch under the Head Office according to Decision 563/QD-UBCK.
- August 4, 2023: The company received a Dispatch from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (formerly: Vietnam Securities Depository) regarding the acceptance in principle of participation in the private bond settlement system according to Dispatch No. 7972/VSD-TTBT.NV.
- August 22, 2023: The company received a Dispatch from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation approving its participation in the private placement bond system, as per Dispatch No. 9747/VSDC-TTBT.NV.
- February 26, 2025: The company received Decision No. 167/QD-UBCK amending the Decision approving the establishment of the securities company branch – Hanoi branch.
- February 27, 2025: The Company received Amended Securities Company Establishment and Operation License No. 16/GPĐC-UBCK, amending the information of the legal representative of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- March 4, 2025: The Company received Depositary Member Certificate No. 60/GCNTVLK-9, originally registered as a Depositary Member on July 18, 2007, with the ninth registration of changes to the Depositary Member information on March 4, 2025, amending the information of the legal representative of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- March 6, 2025: The Company received the amended Derivatives Clearing Member Certificate No. 08/GCNTVBTPS-5, originally registered as a Clearing Member on June 7, 2018, with the fifth registration of changes to the Clearing Member information on March 6, 2025, amending the information of the legal representative of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- March 27, 2025: The Company received the Enterprise Registration Certificate for a joint stock company, originally registered on July 5, 2007, with the sixteenth registration of changes on March 27, 2025, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- April 4, 2025: The Company received the Branch Operation Registration Certificate, originally registered on June 20, 2008, with the tenth registration of changes on April 4, 2025, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Ba Trieu Transaction Office.
- April 4, 2025: The Company received the Business Location Registration Certificate, originally registered on June 1, 2016, with the third registration of changes on April 4, 2025, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Hanoi Branch.
- April 22, 2025: The Company received the Business Location Registration Certificate, originally registered on July 6, 2016, with the second registration of changes on April 22, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Lang Ha Transaction Office.
- August 4, 2025: The Company received the Certificate of Registration of Seal Specimen No. 306-04007/2025/ĐKMCD dated August 4, 2025.

- August 4, 2025: The Company received the Certificate of Registration of Seal Specimen No. 306-04008/2025/ĐKMCD dated August 4, 2025.
- October 3, 2025: The Company received Amended Securities Company Establishment and Operation License No. 104/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the address of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- October 3, 2025: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company branch No. 742/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Ho Chi Minh City Branch.
- October 3, 2025: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company branch No. 743/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Hanoi Branch.
- October 3, 2025: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company transaction office No. 744/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Ba Trieu Transaction Office.
- October 3, 2025: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company transaction office No. 745/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Lang Ha Transaction Office.
- October 3, 2025: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company transaction office No. 746/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Pham Ngoc Thach Transaction Office.
- October 3, 2025: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company transaction office No. 747/GPĐC-UBCK dated October 3, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Saigon Transaction Office.
- October 13, 2025: The Company received Depositary Member Certificate No. 60/GCNTCLK-10, originally registered as a Depositary Member on July 18, 2007, with the tenth registration of changes to the Depositary Member information on October 13, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- October 14, 2025: The Company received the amended Derivatives Clearing Member Certificate No. 08/GCNTCBTPS-6, originally registered as a Clearing Member on June 7, 2018, with the sixth registration of changes to the Clearing Member information on October 14, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- October 16, 2025: The Company received the Branch Operation Registration Certificate, originally registered on July 17, 2025, with the first registration of changes on October 16, 2025, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Ho Chi Minh City Branch.
- October 16, 2025: The Company received Confirmation of Changes to the Registered Contents Branch Operations No. 903671/25 issued by the Business Registration Office of the Department of Finance of Ho Chi Minh City, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Ba Trieu Transaction Office.
- October 16, 2025: The Company received the Business Location Registration Certificate, originally registered on June 1, 2016, with the fourth registration of changes on October 16, 2025, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Ba Trieu Transaction Office.

- October 18, 2025: The Company received the Branch Operation Registration Certificate, originally registered on June 20, 2008, with the eleventh registration of changes on October 18, 2025, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Hanoi Branch.
- October 21, 2025: The Company received the Business Location Registration Certificate, originally registered on July 6, 2016, with the third registration of changes on October 21, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Lang Ha Transaction Office.
- October 21, 2025: The Company received the Enterprise Registration Certificate for a joint stock company, originally registered on July 5, 2007, with the seventeenth registration of changes on October 21, 2025, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- October 21, 2025: The Company received Confirmation of Changes to the Registered Contents of the Enterprise Registration No. 920511/25 issued by the Business Registration Office of the Department of Finance of Ho Chi Minh City, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- January 13, 2026: The Company received Amended Securities Company Establishment and Operation License No. 06/GPĐC-UBCK dated January 13, 2026, amending the charter capital information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- January 19, 2026: The Company received Depositary Member Certificate No. 60/GCNTVLK-11, originally registered as a Depositary Member on July 18, 2007, with the eleventh registration of changes to the Depositary Member information on January 19, 2026, amending the charter capital information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- January 21, 2026: The Company received the amended Derivatives Clearing Member Certificate No. 08/GCNTCBTPS-07 dated January 21, 2026, originally registered as a Clearing Member on June 7, 2018, with the seventh registration of changes to the Clearing Member information on January 21, 2026, amending the charter capital information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- January 28, 2026: The Company received the Enterprise Registration Certificate for a joint stock company, originally registered on July 5, 2007, with the eighteenth registration of changes on January 28, 2026, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- July 1, 2026: The Company received the Decision on amendment to the Decision approving the establishment of a securities company transaction office No. 406/QD-UBCK dated July 1, 2026, amending the location of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company – Pham Ngoc Thach Transaction Office.
- August 20, 2026: The Company received Amended Securities Company Establishment and Operation License No. 97/GPĐC-UBCK dated August 20, 2026, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.
- August 27, 2026: The Company received the Enterprise Registration Certificate for a joint stock company, originally registered on July 5, 2007, with the nineteenth registration of changes on August 27, 2026, amending the information of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.

c) **Organizational structure and management of the Company**

Governance Structure: KIS Vietnam Securities Joint Stock Company's governance structure comprises the General Meeting of Shareholders, the Supervisory Board, the Board of Directors, the Executive Management headed by the General Director, Directors of functional divisions, and the Chief Accountant.

The highest authority in the company is the General Meeting of Shareholders, comprising all shareholders with voting rights. The General Meeting of Shareholders meets annually or extraordinarily; at least once a year.

The Board of Directors is elected by the General Meeting of Shareholders and is the company's management body, having full authority to act on behalf of the company to decide and exercise the company's rights and obligations (except for matters within the authority of the General Meeting of Shareholders).

The Board of Directors for the 2022-2026 term consists of 3 members, with Mr. Park Won Sang serving as Chairman of the Board of Directors and General Director until December 31, 2024. Mr. Shin Hyun Jae has been the Chairman of the Board of Directors since April 4, 2025. The number of non-executive members is 1, and the number of executive members is 2.

The Company's Supervisory Board is elected by the General Meeting of Shareholders and is responsible for overseeing all aspects of the Company's governance and business operations.

The Company's Board of General Directors is appointed by the Board of Directors and consists of 1 General Director. The Board of General Directors is responsible for leading, managing, and operating all of the Company's activities through delegation of authority to directly handle specific tasks of the Company through the Directors in charge of Divisions, Branch Directors, Department Heads, and Section Heads.

Management structure:

**d) The Company's parent company**

| No | Shareholders | Address | Business/Activity | Shares owned | % owned |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Korea Investment & Securities Co., Ltd | 27-1 Yeouido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea. | Investment, securities | 454,224,655 | 99.8363% |

**e) List of the Company's related persons**

- List of the Board of Directors and the Management Board of the Company

| No | Name | Company | Title | Shares owned | % owned |
|---|---|---|---|---|---|
| Board of Directors | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Shin Hyun Jae | KIS Vietnam Securities Corporation | Chairman | 0 | 0% |
| 2 | Cho Hun Hee | KIS Vietnam Securities Corporation | Board Member | 0 | 0% |
| 3 | Choi Eun Suk | KIS Vietnam Securities Corporation | Board Member | 0 | 0% |
| Board of Management | | | | | |
| 1 | Shin Hyun Jae | KIS Vietnam Securities Corporation | General Director | 0 | 0% |
| 2 | Cho Hun Hee | KIS Vietnam Securities Corporation | Operation Division Director | 0 | 0% |
| 3 | Nguyen Thi Thanh Ngoc | KIS Vietnam Securities Corporation | Chief Accountant | 0 | 0% |

- Board of Supervisory

| No | Name | Company | Title | Shares owned | % owned |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Hoa | KIS Vietnam Securities Corporation | Head of the Supervisory Board | 0 | 0% |
| 2 | Nguyễn Thị Cẩm Thanh | KIS Vietnam Securities Corporation | Member of the Supervisory Board | 0 | 0% |
| 3 | Trần Thị Kim Tiền | KIS Vietnam Securities Corporation | Member of the Supervisory Board | 0 | 0% |

- List of Shareholders holding 5% or more of the Company's share capital

| No | Shareholders | Address | Business/Activity | Shares owned |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Korea Investment & Securities Co., Ltd. | 27-1 Yeouido-dong, Yeong Deungpo-gu, Seoul, Republic of Korea | 454.224.655 | 99,8363% |

- Person authorized to disclose information

| No | Name | Company | Title | Shares owned | % owned |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Shin Hyun Jae | KIS Vietnam Securities Corporation | General Director | 0 | 0% |

### f) Resume of Board of Management

| Position | Name | Resume |
|---|---|---|

| | | |
|---|---|---|
| General Director | Shin Hyun Jae | ▪ Date of birth: March 01, 1970.<br>▪ Nationality: Korea.<br>▪ **Education:** Master's degree, CFA Charterholder.<br>▪ **Professional certificate:** Financial Analysis Certificate No. 002962/PTTC issued on January 24, 2025.<br>▪ Work experience:<br>– 12/1999 - 08/2003: Assistant Director of the Corporate Development Department at Korean Investment & Securities.<br>– 09/2003 - 02/2005: Assistant Director of Corporate Development Department at Korea Investment & Securities.<br>– 06/2005 - 01/2006: Director of the Investment Banking (IB) (M&A) Department at Korean Investment & Securities.<br>– 08/2007 - 09/2011: Director of the New Business Development Department at Korean Investment & Securities.<br>– 03/2013 - 12/2018: Senior Head of the Global Investment Business Department at Korean Investment & Securities.<br>– 2019 - 31/12/2023: Head of the Investment Solutions Division at Korean Investment & Securities.<br>– 01/01/2024 - 04/02/2025: Director of the Planning Department at KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 05/02/2025 - Present: General Director of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 04/04/2025 – Present: Concurrently serving as Chairman of the Board of Directors of KIS Vietnam Securities Joint Stock Company. |
| Operation Division Director | Cho Hun Hee | ▪ Date of birth: August 08, 1975<br>▪ Nationality: Korea<br>▪ Education: Bachelor's degree<br>▪ Work experience:<br>– **02/2002 – 12/2004:** Broker – Retail Group – Korea Investment & Securities Co., Ltd.<br>– **01/2005 – 12/2014:** Manager – Wealth Management Strategy Department – Korea Investment & Securities Co., Ltd.<br>– **01/2015 – 12/2016:** Manager – Audit Department – Korea Investment & Securities Co., Ltd.<br>– **01/2017 – 12/2022:** Senior Deputy Director – Global Strategic Planning Department – Korea Investment & Securities Co., Ltd.<br>– **01/2023 – 12/2025:** Director – Business Ethics Management Support Division – Korea Investment Holdings Co., Ltd.<br>– **01/2026 – Present:** Senior Director of Operations – KIS Viet Nam Securities Corporation. |
| Chief Accountant | Nguyen Thi Thanh Ngoc | ▪ Date of Birth: 22/4/1986.<br>▪ Nationality: Vietnamese.<br>▪ Education: University degree.<br>▪ Professional Experience:<br>– 03/2009 – 08/2009: Intern – SJC Securities Joint Stock Company.<br>– 09/2009 – 08/2011: Internal Accountant – Viet Thanh Securities Joint Stock Company.<br>– 10/2011 – nay: Chief Accountant and Senior Head of the Accounting Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company. |

### g) Risk Management Personnel Related to the Issuance of Covered Warrants

| Position | Full Name | Brief Biography |
|---|---|---|
| Senior Head of the Derivatives Solutions Department | Hoang Anh Viet | ▪ Date of Birth: June 11, 1992.<br>▪ Nationality: Vietnamese.<br>▪ Education: Master's Degree in Finance from the University of Economics Ho Chi Minh City.<br>▪ Experience: 12 years of experience in the finance and securities industry.<br>▪ Reputation and Competence: Extensive expertise in Covered Warrants, including issuance, market-making, risk hedging, development of trading strategies, and compliance with applicable laws and regulations.<br>▪ Professional Certificate: Fund Management Certificate No. 001692/QLQ.<br>▪ Professional Experience:<br>09/2014 - 05/2018: Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.<br>– 09/2014 - 05/2018: Specialist, Planning Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 06/2018 - 06/2019: Specialist, Derivatives Solutions Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 07/2019 - 04/2022: Deputy Head, Derivatives Solutions Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 05/2022 - 02/2026: Head, Derivatives Solutions Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>03/2026 - Present: Senior Head, Derivatives Solutions Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company. |
| Senior Head of the Risk Management Department | Nguyen Quynh Nga | ▪ Date of Birth: May 10, 1984.<br>▪ Nationality: Vietnamese.<br>▪ Education: Master's Degree in Finance from the University of Economics Ho Chi Minh City.<br>▪ Experience: 19 years of experience in the finance and securities industry.<br>▪ Reputation and Competence: Extensive expertise in identifying, measuring, and monitoring key risks; establishing risk limits; developing risk management policies and procedures; and ensuring operational compliance.<br>▪ Professional Certificate: Fund Management Certificate No. 003245/QLQ.<br>▪ Professional Experience:<br>– 02/2007 - 06/2007: Staff, Card Business Department – Sacombank Card Center.<br>– 06/2007 - 09/2008: Brokerage Specialist – Mekong Securities Joint Stock Company.<br>– 10/2008 – 08/2013: Brokerage Specialist – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 09/2013 – 06/2014: Deputy Head, Brokerage Operations Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>– 07/2014 – 08/2016: Head, Brokerage Operations Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.<br>09/2016 - Present: Senior Head, Risk Management Department – KIS Vietnam Securities Joint Stock Company. |

## 2. Information on the Issuer's Business Performance

**a)** Summary of the Company's business activities

- The Company is currently performing securities business operations including:

+ Securities brokerage;

+ Securities self-trading;

+ Securities investment advisory;

+ Securities underwriting;

+ In addition to the aforementioned securities business operations, the Company provides derivatives trading services, securities depository, financial advisory, and other financial services in accordance with regulations.

- The Company is listed among the top 10 securities companies with the largest brokerage market share in 2025 at the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with 3.46% (according to the announcement by HOSE).

- The Company is not among the top 10 companies with the largest brokerage market share in 2025 at the Hanoi Stock Exchange (HNX) for listed stocks, UPCoM stocks, and the derivatives market (according to the announcement by HNX).

- The Company commits to fully complying with payment obligations for covered warrants and other financial products (if any).

**b)** Current disputes/lawsuits involving the company:

- As of the current time, the Company is not involved in any disputes or lawsuits.

**c) The Company's business performance report:**

| Targets (Unit: VND 1,000) | Year 2024 | Year 2025 | % increase/decrease | Quarter 2 Year 2026 |
|---|---|---|---|---|
| Total assets | 13.436.481.231 | 16.437.824.452 | 22,3% | 16.113.336.879 |
| Revenue from business activities | 2.414.298.280 | 2.844.853.127 | 17,8% | 1.707.804.686 |
| Profit from business activities | 569.359.790 | 716.204.096 | 25,8% | 434.827.320 |
| Other profit | 41.401 | -735.375 | -1.876% | 14.110 |
| Profit before tax | 569.401.192 | 715.468.721 | 25,7% | 434.841.430 |
| Profit after tax | 450.541.164 | 571.734.333 | 26,9% | 348.581.780 |

(Source: The Company's audited financial statements for 2024 and 2025 and reviewed interim financial statements for the first half of 2026.)

**d) List of covered warrants issued by the Company as of October 02, 2026.**

**i.** Covered Warrants currently outstanding in the market (Call Warrants, Exercise Style: Covered Warrants that may be exercised by the Covered Warrant Holder only on the Expiration Date).

| No. | Warrant Name | Warrant Code | Underlying Asset Code | Term (Months) | Maturity Date | Total Issued Volume | Actual Listed Volume | Initial Offering Price (VND) | Conversion Ratio | Exercise Price (VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chứng quyền.VHM.KIS.6M.43 | CVHM2613 | VHM | 6 | 30/11/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 9,6297:1 | 83.768 |
| 2 | Chứng quyền.VHM.KIS.7M.44 | CVHM2614 | VHM | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 9,6297:1 | 85.159 |
| 3 | Chứng quyền.HDB.KIS.5M.28 | CHDB2606 | HDB | 5 | 28/10/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.999 |
| 4 | Chứng quyền.HDB.KIS.7M.29 | CHDB2607 | HDB | 7 | 28/12/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 8:1 | 31.999 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Chứng quyền.LPB.KIS.6M.07 | CLPB2605 | LPB | 6 | 30/11/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 61.999 |
| 6 | Chứng quyền.LPB.KIS.7M.08 | CLPB2606 | LPB | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 8:1 | 63.979 |
| 7 | Chứng quyền.ACB.KIS.5M.01 | CACB2609 | ACB | 5 | 28/10/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 4,3113:1 | 24.909 |
| 8 | Chứng quyền.ACB.KIS.7M.02 | CACB2610 | ACB | 7 | 28/12/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.100 | 4,3113:1 | 25.964 |
| 9 | Chứng quyền.SHB.KIS.5M.23 | CSHB2610 | SHB | 5 | 28/10/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 15.999 |
| 10 | Chứng quyền.SHB.KIS.6M.24 | CSHB2609 | SHB | 6 | 30/11/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 16.333 |
| 11 | Chứng quyền.SHB.KIS.7M.25 | CSHB2612 | SHB | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 16.789 |
| 12 | Chứng quyền.SSB.KIS.5M.14 | CSSB2607 | SSB | 5 | 28/10/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 16.888 |
| 13 | Chứng quyền.SSB.KIS.6M.15 | CSSB2605 | SSB | 6 | 30/11/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 17.111 |
| 14 | Chứng quyền.SSB.KIS.7M.16 | CSSB2604 | SSB | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 17.777 |
| 15 | Chứng quyền.STB.KIS.5M.53 | CSTB2614 | STB | 5 | 28/10/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 78.888 |
| 16 | Chứng quyền.STB.KIS.6M.54 | CSTB2612 | STB | 6 | 30/11/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 8:1 | 80.888 |
| 17 | Chứng quyền.STB.KIS.7M.55 | CSTB2615 | STB | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 10:1 | 81.888 |
| 18 | Chứng quyền.TPB.KIS.6M.15 | CTPB2608 | TPB | 6 | 30/11/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,3611:1 | 15.871 |
| 19 | Chứng quyền.TPB.KIS.7M.16 | CTPB2607 | TPB | 7 | 28/12/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 3,3611:1 | 16.301 |
| 20 | Chứng quyền.VPB.KIS.6M.25 | CVPB2613 | VPB | 6 | 30/11/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,9658:1 | 26.086 |
| 21 | Chứng quyền.VPB.KIS.7M.26 | CVPB2614 | VPB | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 3,9658:1 | 26.536 |
| 22 | Chứng quyền.FPT.KIS.5M.08 | CFPT2616 | FPT | 5 | 28/10/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 14,5495:1 | 74.981 |
| 23 | Chứng quyền.FPT.KIS.7M.09 | CFPT2617 | FPT | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 14,5495:1 | 77.911 |
| 24 | Chứng quyền.HPG.KIS.5M.56 | CHPG2621 | HPG | 5 | 28/10/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 27.999 |
| 25 | Chứng quyền.HPG.KIS.6M.57 | CHPG2619 | HPG | 6 | 30/11/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 28.333 |
| 26 | Chứng quyền.HPG.KIS.7M.58 | CHPG2618 | HPG | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 28.888 |
| 27 | Chứng quyền.MSN.KIS.6M.44 | CMSN2614 | MSN | 6 | 30/11/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 89.999 |
| 28 | Chứng quyền.MSN.KIS.7M.45 | CMSN2615 | MSN | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 10:1 | 91.789 |
| 29 | Chứng quyền.VJC.KIS.5M.25 | CVJC2602 | VJC | 5 | 28/10/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 15,3838:1 | 152.252 |
| 30 | Chứng quyền.VJC.KIS.6M.26 | CVJC2604 | VJC | 6 | 30/11/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 15,3838:1 | 154.606 |
| 31 | Chứng quyền.VJC.KIS.7M.27 | CVJC2603 | VJC | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 15,3838:1 | 158.205 |
| 32 | Chứng quyền.VNM.KIS.6M.39 | CVNM2609 | VNM | 6 | 30/11/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 9,6917:1 | 67.946 |
| 33 | Chứng quyền.VIC.KIS.5M.44 | CVIC2606 | VIC | 5 | 28/10/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 20:1 | 246.789 |
| 34 | Chứng quyền.VIC.KIS.6M.45 | CVIC2602 | VIC | 6 | 30/11/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 20:1 | 248.888 |
| 35 | Chứng quyền.VIC.KIS.7M.46 | CVIC2603 | VIC | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 20:1 | 250.789 |
| 36 | Chứng quyền.VIC.KIS.8M.47 | CVIC2604 | VIC | 8 | 28/1/2027 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 20:1 | 252.789 |
| 37 | Chứng quyền.VRE.KIS.7M.47 | CVRE2604 | VRE | 7 | 28/12/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4,8288:1 | 34.766 |
| 38 | Chứng quyền.VRE.KIS.6M.48 | CVRE2605 | VRE | 6 | 30/11/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4,8288:1 | 36.173 |

### ii. Unlisted Covered Warrants (Call Warrants, Exercise Style: Covered Warrants that may be exercised by the Covered Warrant Holder only on the Expiration Date).

None

### iii. Expired Covered Warrants (Call Warrants, Exercise Style: Covered Warrants that may be exercised by the Covered Warrant Holder only on the Expiration Date)

| No. | Warrant Name | Warrant Code | Underlying Asset Code | Term (Months) | Maturity Date | Total Issued Volume | Actual Listed Volume | Initial Offering Price (VND) | Conversion Ratio | Exercise Price (VND) | Settlement Price per Warrant (VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.02 | CHPG 1906 | HPG | 3 | 14/11/2019 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.500 | 2:1 | 28.088 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.01 | CVIC 1901 | VIC | 3 | 14/11/2019 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.960 | 5:1 | 140.888 | Không có lãi |
| 3 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.01 | CVRE 1901 | VRE | 3 | 14/11/2019 | 5.100.000 | 5.100.000 | 1.900 | 2:1 | 40.888 | Không có lãi |
| 4 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.01 | CMSN 1901 | MSN | 3 | 14/11/2019 | 1.800.000 | 1.800.000 | 1.920 | 5:1 | 88.888 | Không có lãi |
| 5 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.01 | CHPG 1902 | HPG | 6 | 11/12/2019 | 12.000.000 | 12.000.000 | 1.000 | 5:1 | 41.999 | Không có lãi |
| 6 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.01 | CVNM 1901 | VNM | 6 | 13/12/2019 | 14.000.000 | 14.000.000 | 1.200 | 10:1 | 156.285 | Không có lãi |
| 7 | Chứng quyền. DPM.KIS. M.CA.T.01 | CDPM 1901 | DPM | 4 | 09/01/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.900 | 1:1 | 13.988 | Không có lãi |
| 8 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.01 | CSTB 1901 | STB | 4 | 09/01/2020 | 4.500.000 | 4.500.000 | 1.390 | 1:1 | 10.888 | Không có lãi |
| 9 | Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.01 | CNVL 1901 | NVL | 5 | 07/02/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.900 | 4:1 | 62.088 | Không có lãi |
| 10 | Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.01 | CVHM 1901 | VHM | 5 | 07/02/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 3.100 | 4:1 | 89.888 | Không có lãi |
| 11 | Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.01 | CSBT 1901 | SBT | 3 | 14/02/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.500 | 1:1 | 21.212 | Không có lãi |
| 12 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.02 | CVNM 1902 | VNM | 6 | 26/03/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.840 | 10:1 | 133.333 | Không có lãi |
| 13 | Chứng quyền. VJC.KIS. M.CA.T.01 | CVJC 1901 | VJC | 5 | 26/02/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.800 | 10:1 | 145.678 | Không có lãi |
| 14 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.03 | CHPG 1909 | HPG | 6 | 15/05/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.800 | 2:1 | 24.680 | Không có lãi |
| 15 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.02 | CMSN 1902 | MSN | 6 | 15/05/2020 | 7.000.000 | 7.000.000 | 3.000 | 5:1 | 77.889 | Không có lãi |
| 16 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.02 | CVIC 1903 | VIC | 6 | 15/05/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 2.100 | 10:1 | 123.000 | Không có lãi |
| 17 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.02 | CVRE 1903 | VRE | 6 | 15/05/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 2.700 | 2:1 | 35.789 | Không có lãi |
| 18 | Chứng quyền. ROS.KIS. M.CA.T.01 | CROS 2001 | ROS | 6 | 19/06/2020 | 20.000.000 | 20.000.000 | 1.500 | 4:1 | 26.468 | Không có lãi |
| 19 | Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.01 | CHDB 2001 | HDB | 6 | 19/06/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 2.000 | 2:1 | 29.099 | Không có lãi |
| 20 | Chứng quyền. DPM.KIS. M.CA.T.02 | CDPM 2001 | DPM | 6 | 19/06/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.000 | 1,9333 :1 | 14.081 | Không có lãi |
| 21 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.02 | CSTB 2001 | STB | 6 | 19/06/2020 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.500 | 1:1 | 10.999 | 751 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.05 | CHPG 2007 | HPG | 3 | 16/07/2020 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.660 | 1:1 | 22.999 | 4.901 |
| 23 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.04 | CMSN 2003 | MSN | 3 | 16/07/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.900 | 2:1 | 69.999 | Không có lãi |
| 24 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.04 | CVIC 2002 | VIC | 3 | 16/07/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.350 | 5:1 | 108.888 | Không có lãi |
| 25 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.05 | CVRE 2004 | VRE | 3 | 16/07/2020 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.940 | 1:1 | 29.999 | Không có lãi |
| 26 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.06 | CHPG 2006 | HPG | 5 | 16/09/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 1.500 | 1,6362 :1 | 18.014 | 4.000 |
| 27 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.05 | CMSN 2002 | MSN | 5 | 16/09/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 2.000 | 4:1 | 62.999 | Không có lãi |
| 28 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.04 | CSTB 2003 | STB | 5 | 16/09/2020 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.360 | 1:1 | 11.111 | 199 |
| 29 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.03 | CVRE 2001 | VRE | 9 | 21/09/2020 | 8.000.000 | 4.800.000 | 1.500 | 4:1 | 36.789 | Không có lãi |
| 30 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.04 | CVNM 2006 | VNM | 4 | 05/10/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.530 | 8,0973 :1 | 106.327 | 792 |
| 31 | Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.03 | CHDB 2005 | HDB | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.080 | 3,0769 :1 | 21.020 | 2.496 |
| 32 | Chứng quyền. VJC.KIS. M.CA.T.03 | CVJC 2003 | VJC | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.670 | 10:1 | 123.456 | Không có lãi |
| 33 | Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.03 | CVHM 2004 | VHM | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.490 | 10:1 | 86.868 | Không có lãi |
| 34 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.05 | CVIC 2003 | VIC | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.670 | 10:1 | 103.050 | Không có lãi |
| 35 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.05 | CSTB 2005 | STB | 5 | 03/11/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.080 | 2:1 | 11.811 | 760 |
| 36 | Chứng quyền. DPM.KIS.M. CA.T.03 | CDPM 2002 | DPM | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.700 | 0,9194 :1 | 14.022 | 4.196 |
| 37 | Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.02 | CHDB 2003 | HDB | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.700 | 1,2122 :1 | 19.469 | 2.377 |
| 38 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.04 | CHPG 2002 | HPG | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.700 | 1,6362:1 | 24.542 | 8.561 |
| 39 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.03 | CMSN2001 | MSN | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.300 | 5:1 | 65.789 | 3.754 |
| 40 | Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.02 | CNVL 2001 | NVL | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.300 | 4:1 | 65.888 | Không có lãi |
| 41 | Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.02 | CSBT 2001 | SBT | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.900 | 0,9686:1 | 20.447 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 42 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.03 | CSTB 2002 | STB | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.700 | 1:1 | 11.888 | 3.942 |
| 43 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.02 | CVHM2001 | VHM | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 3.100 | 5:1 | 94.567 | Không có lãi |
| 44 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.03 | CVIC 2001 | VIC | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 3.800 | 5:1 | 126.468 | Không có lãi |
| 45 | Chứng quyền. VJC.KIS. M.CA.T.02 | CVJC 2001 | VJC | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.400 | 10:1 | 173.137 | Không có lãi |
| 46 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.03 | CVNM2002 | VNM | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 3.200 | 4,0486 :1 | 114.261 | Không có lãi |
| 47 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.04 | CVRE 2003 | VRE | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 3.000 | 2:1 | 37.999 | Không có lãi |
| 48 | Chứng quyền. ROS.KIS. M.CA.T.02 | CROS 2002 | ROS | 8 | 16/12/2020 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 1:1 | 7.227 | Không có lãi |
| 49 | Chứng quyền. CTD.KIS. M.CA.T.01 | CCTD 2001 | CTD | 8 | 16/12/2020 | 1.000.000 | 856.970 | 1.540 | 9,6226 :1 | 77.835 | Không có lãi |
| 50 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.08 | CHPG 2017 | HPG | 6 | 18/02/2021 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 4:1 | 28.888 | 3.301 |
| 51 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.08 | CVRE 2010 | VRE | 6 | 18/02/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 29.999 | 575 |
| 52 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.01 | CKDH2003 | KDH | 4 | 18/02/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 25.111 | 1.815 |
| 53 | Chứng quyền. TCH.KIS. M.CA.T.01 | CTCH 2002 | TCH | 4 | 18/02/2021 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.100 | 3,9020 :1 | 21.243 | 161 |
| 54 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.06 | CSTB 2006 | STB | 10 | 05/04/2021 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.580 | 2:1 | 12.888 | 4.091 |
| 55 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.07 | CHPG 2010 | HPG | 10 | 05/04/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.800 | 3,2724 :1 | 27.079 | 6.216 |
| 56 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.06 | CVRE 2007 | VRE | 10 | 05/04/2021 | 7.500.000 | 7.500.000 | 1.520 | 5:1 | 33.333 | Không có lãi |
| 57 | Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.03 | CNVL 2002 | NVL | 9 | 10/03/2021 | 1.500.000 | 900.000 | 2.000 | 4,9438:1 | 59.215 | 4.419 |
| 58 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.05 | CVNM2007 | VNM | 9 | 10/03/2021 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.400 | 8,0232 :1 | 111.432 | Không có lãi |
| 59 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.04 | CHDB 2007 | HDB | 9 | 27/04/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.300 | 3,0304 :1 | 16.831 | 3.303 |
| 60 | Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.03 | CSBT 2007 | SBT | 9 | 27/04/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.700 | 1,9371 :1 | 15.495 | 2.677 |
| 61 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.04 | CVJC 2004 | VJC | 9 | 27/04/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 20:1 | 115.511 | 700 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 62 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.06 | CMSN 2007 | MSN | 9 | 27/04/2021 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.400 | 9,8817 :1 | 56.195 | 4.550 |
| 63 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.04 | CVHM2006 | VHM | 9 | 27/04/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 20:1 | 84.888 | 964 |
| 64 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.06 | CVIC 2004 | VIC | 9 | 27/04/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 20:1 | 99.999 | 1.957 |
| 65 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.08 | CMSN 2014 | MSN | 4 | 02/03/2021 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.100 | 9,8817: 1 | 86.838 | 419 |
| 66 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.07 | CVNM2016 | VNM | 4 | 02/03/2021 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.000 | 19,8170: 1 | 112.350 | Không có lãi |
| 67 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.08 | CVIC 2007 | VIC | 4 | 02/03/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 20:1 | 111.222 | Không có lãi |
| 68 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.09 | CSTB 2015 | STB | 4 | 02/03/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 2:1 | 13.979 | 2.321 |
| 69 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.10 | CSTB 2016 | STB | 6 | 04/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 2:1 | 14.141 | 4.550 |
| 70 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.05 | CHDB 2008 | HDB | 6 | 04/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,1516: 1 | 20.397 | 2.051 |
| 71 | Chứng quyền. EIB.KIS.M. CA.T.01 | CEIB 2001 | EIB | 4 | 05/04/2021 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 10:1 | 18.818 | 102 |
| 72 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.01 | CVPB 2017 | VPB | 4 | 05/04/2021 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 10:1 | 30.999 | 1.424 |
| 73 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.07 | CSTB 2007 | STB | 10 | 27/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 2:1 | 10.999 | 9.101 |
| 74 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.07 | CVRE 2009 | VRE | 10 | 27/05/2021 | 7.500.000 | 7.500.000 | 1.400 | 5:1 | 30.999 | Không có lãi |
| 75 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.09 | CHPG 2018 | HPG | 9 | 14/05/2021 | 9.000.000 | 9.000.000 | 1.200 | 4:1 | 29.999 | 8.000 |
| 76 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.07 | CMSN 2009 | MSN | 9 | 14/05/2021 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.200 | 9,8817: 1 | 61.265 | 4.023 |
| 77 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.02 | CKDH2001 | KDH | 7 | 14/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 4:1 | 26.222 | 2.612 |
| 78 | Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.02 | CTCH 2001 | TCH | 7 | 14/05/2021 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.400 | 3,9020 :1 | 22.327 | Không có lãi |
| 79 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.04 | CNVL 2003 | NVL | 9 | 11/06/2021 | 9.500.000 | 9.500.000 | 1.000 | 7,2876: 1 | 46.625 | 7.745 |
| 80 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.08 | CSTB 2010 | STB | 9 | 11/06/2021 | 3.500.000 | 3.500.000 | 1.100 | 2:1 | 11.999 | 8.996 |
| 81 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.05 | CVHM 2008 | VHM | 9 | 11/06/2021 | 7.000.000 | 7.000.000 | 1.400 | 10:1 | 88.888 | 1.631 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 82 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.07 | CVIC 2005 | VIC | 9 | 11/06/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.500 | 10:1 | 106.868 | 1.295 |
| 83 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.05 | CVJC 2006 | VJC | 9 | 11/06/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 20:1 | 111.111 | 99 |
| 84 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.06 | CVNM2011 | VNM | 9 | 11/06/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 16,057: 1 | 107.045 | Không có lãi |
| 85 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.09 | CVRE 2011 | VRE | 9 | 11/06/2021 | 5.500.000 | 5.500.000 | 1.500 | 4:1 | 31.888 | 13 |
| 86 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.01 | CMBB2102 | MBB | 4 | 12/08/2021 | 1.800.000 | 1.800.000 | 1.200 | 7,4074:1 | 25.531 | 574 |
| 87 | Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.05 | CTCH 2103 | TCH | 4 | 12/08/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 4:1 | 31.668 | Không có lãi |
| 88 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.11 | CHPG 2107 | HPG | 4 | 12/08/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.300 | 3,6761: 1 | 43.648 | 1.469 |
| 89 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.12 | CHPG 2108 | HPG | 4 | 12/08/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 3,6761:1 | 43.713 | 1.452 |
| 90 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.07 | CVHM2106 | VHM | 4 | 12/08/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 10:1 | 118.668 | Không có lãi |
| 91 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.03 | CKDH 2002 | KDH | 10 | 16/08/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 3,6364: 1 | 24.848 | 4.524 |
| 92 | Chứng quyền. TCH.KIS. M.CA.T.03 | CTCH 2003 | TCH | 10 | 16/08/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.600 | 3,9020: 1 | 23.410 | Không có lãi |
| 93 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.01 | CPDR 2101 | PDR | 4 | 27/08/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 5:1 | 88.888 | Không có lãi |
| 94 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.06 | CHDB 2101 | HDB | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 4,0015: 1 | 23.919 | 348 |
| 95 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.04 | CKDH 2101 | KDH | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 4,5455: 1 | 30.302 | 2.567 |
| 96 | Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.04 | CTCH 2101 | TCH | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,3852: 1 | 20.875 | Không có lãi |
| 97 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.09 | CMSN 2101 | MSN | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.050 | 19,8294: 1 | 99.146 | 2.335 |
| 98 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.10 | CMSN 2102 | MSN | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 19,8294: 1 | 110.163 | 1.779 |
| 99 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.11 | CSTB 2101 | STB | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 2:1 | 21.999 | 2.406 |
| 100 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.05 | CNVL 2101 | NVL | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 11,6602: 1 | 56.842 | 3.965 |
| 101 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.10 | CVRE 2101 | VRE | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 4:1 | 34.567 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 102 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.10 | CHPG 2101 | HPG | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.050 | 2,9409: 1 | 34.473 | 5.742 |
| 103 | Chứng quyền. SBT.KIS.M. CA.T.04 | CSBT 2101 | SBT | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 5:1 | 24.666 | Không có lãi |
| 104 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.09 | CVIC 2101 | VIC | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 17,7758: 1 | 112.777 | Không có lãi |
| 105 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.08 | CVNM2101 | VNM | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 19,2409: 1 | 122.072 | Không có lãi |
| 106 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.06 | CVHM2101 | VHM | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 12,1421: 1 | 81.115 | Không có lãi |
| 107 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.06 | CNVL 2102 | NVL | 5 | 27/09/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 11,7928: 1 | 94.636 | 711 |
| 108 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.02 | CPDR 2102 | PDR | 5 | 27/09/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 5:1 | 88.999 | Không có lãi |
| 109 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.10 | CVIC 2103 | VIC | 5 | 27/09/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 17,7758: 1 | 147.449 | Không có lãi |
| 110 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.09 | CVNM2105 | VNM | 5 | 27/09/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 19,4186: 1 | 115.929 | Không có lãi |
| 111 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.05 | CKDH 2103 | KDH | 4 | 02/12/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 10:1 | 48.779 | Không có lãi |
| 112 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.12 | CSTB 2106 | STB | 4 | 02/12/2021 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.500 | 10:1 | 35.678 | Không có lãi |
| 113 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.07 | CHDB 2102 | HDB | 4 | 02/12/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 8,0030: 1 | 32.283 | Không có lãi |
| 114 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.11 | CMSN 2106 | MSN | 4 | 02/12/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 20:1 | 160.779 | Không có lãi |
| 115 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.06 | CVJC 2102 | VJC | 4 | 02/12/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 25:1 | 135.555 | Không có lãi |
| 116 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.11 | CVRE 2107 | VRE | 4 | 02/12/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 10:1 | 33.179 | Không có lãi |
| 117 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.02 | CVPB 2105 | VPB | 4 | 02/12/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.500 | 11,1039: 1 | 40.629 | Không có lãi |
| 118 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.11 | CVIC 2106 | VIC | 7 | 27/04/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 20:1 | 98.888 | Không có lãi |
| 119 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.08 | CVHM2111 | VHM | 7 | 27/04/2022 | 11.300.000 | 11.300.000 | 1.000 | 20:1 | 88.888 | Không có lãi |
| 120 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.12 | CVRE 2110 | VRE | 7 | 27/04/2022 | 9.300.000 | 9.300.000 | 1.000 | 8:1 | 29.999 | 54 |
| 121 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.10 | CVNM2111 | VNM | 7 | 27/04/2022 | 7.000.000 | 7.000.000 | 1.100 | 19,6714: 1 | 97.263 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 122 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.12 | CMSN 2108 | MSN | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 16,6521: 1 | 133.216 | Không có lãi |
| 123 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.13 | CHPG 2114 | HPG | 7 | 27/04/2022 | 17.700.000 | 17.700.000 | 1.200 | 10:1 | 56.789 | Không có lãi |
| 124 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.03 | CPDR 2103 | PDR | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 11,7296: 1 | 65.164 | Không có lãi |
| 125 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.07 | CNVL 2104 | NVL | 7 | 27/04/2022 | 5.400.000 | 5.400.000 | 1.300 | 15,2743: 1 | 83.160 | Không có lãi |
| 126 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.06 | CKDH 2107 | KDH | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 8:1 | 43.888 | 510 |
| 127 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.13 | CSTB 2110 | STB | 7 | 27/04/2022 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 8:1 | 29.999 | Không có lãi |
| 128 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.08 | CHDB 2103 | HDB | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 28.888 | Không có lãi |
| 129 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.07 | CVJC 2103 | VJC | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 20:1 | 129.999 | 267 |
| 130 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.12 | CVIC 2108 | VIC | 6 | 04/05/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 16:1 | 99.999 | Không có lãi |
| 131 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.09 | CVHM2114 | VHM | 6 | 04/05/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 16:1 | 89.999 | Không có lãi |
| 132 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.13 | CVRE 2113 | VRE | 6 | 04/05/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.400 | 4:1 | 34.999 | Không có lãi |
| 133 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.11 | CVNM2113 | VNM | 6 | 04/05/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 15,7371: 1 | 95.199 | Không có lãi |
| 134 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.14 | CHPG 2118 | HPG | 6 | 04/05/2021 | 8.000.000 | 8.000.000 | 2.000 | 5:1 | 61.999 | Không có lãi |
| 135 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.02 | CMBB 2109 | MBB | 6 | 04/05/2021 | 1.200.000 | 1.200.000 | 1.100 | 5:1 | 32.789 | Không có lãi |
| 136 | Chứng quyền. PNJ.KIS.M. CA.T.01 | CPNJ 2109 | PNJ | 6 | 04/05/2021 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.000 | 24,7043: 1 | 107.601 | Không có lãi |
| 137 | Chứng quyền. VPB.KIS.M.CA. T.03 | CVPB 2203 | VPB | 4 | 15/07/2022 | 1.450.000 | 1.450.000 | 1.000 | 16:1 | 28.888 | Không có lãi |
| 138 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.01 | CPOW 2201 | POW | 4 | 15/07/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 16.666 | Không có lãi |
| 139 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.16 | CHPG 2202 | HPG | 9 | 21/09/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 7,5645: 1 | 40.764 | Không có lãi |
| 140 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.13 | CMSN 2201 | MSN | 9 | 21/09/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 2.000 | 16,5516: 1 | 140.688 | Không có lãi |
| 141 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.14 | CSTB 2201 | STB | 9 | 21/09/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.500 | 5:1 | 29.888 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 142 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA. T.09 | CHDB 2201 | HDB | 9 | 21/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 5:1 | 30.999 | Không có lãi |
| 143 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.12 | CVNM2201 | VNM | 9 | 21/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 15,2204: 1 | 85.603 | Không có lãi |
| 144 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.13 | CVIC 2201 | VIC | 9 | 21/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 16:1 | 103.979 | Không có lãi |
| 145 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.10 | CVHM2201 | VHM | 9 | 21/09/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.300 | 15,5461: 1 | 85.191 | Không có lãi |
| 146 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA. T.10 | CHDB 2203 | HDB | 5 | 15/08/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 5:1 | 28.888 | Không có lãi |
| 147 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.17 | CHPG 2206 | HPG | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 7,5645: 1 | 36.981 | Không có lãi |
| 148 | Chứng quyền. KDH.KIS.M.CA. T.08 | CKDH 2204 | KDH | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 7,2690: 1 | 48.460 | Không có lãi |
| 149 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA. T.09 | CNVL 2202 | NVL | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 16:1 | 79.999 | 139 |
| 150 | Chứng quyền. PDR.KIS.M.CA. T.05 | CPDR 2202 | PDR | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 11,7296: 1 | 67.608 | Không có lãi |
| 151 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.11 | CVHM2205 | VHM | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 15,5461: 1 | 76.650 | Không có lãi |
| 152 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.14 | CVIC 2202 | VIC | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 16:1 | 82.222 | Không có lãi |
| 153 | Chứng quyền. VJC.KIS.M.CA. T.08 | CVJC 2201 | VJC | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 20:1 | 159.999 | Không có lãi |
| 154 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.13 | CVNM2203 | VNM | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 19,3434: 1 | 78.448 | Không có lãi |
| 155 | Chứng quyền. VRE.KIS.M.CA. T.14 | CVRE 2203 | VRE | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.600 | 4:1 | 33.979 | Không có lãi |
| 156 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.15 | CSTB 2205 | STB | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 8:1 | 34.567 | Không có lãi |
| 157 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.18 | CHPG 2209 | HPG | 4 | 22/08/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 6,0516: 1 | 34.460 | Không có lãi |
| 158 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.15 | CVRE 2205 | VRE | 4 | 22/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 5:1 | 32.222 | Không có lãi |
| 159 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.16 | CSTB 2207 | STB | 4 | 22/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 5:1 | 28.888 | Không có lãi |
| 160 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.15 | CVIC 2204 | VIC | 4 | 22/08/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 16:1 | 83.333 | Không có lãi |
| 161 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.14 | CMSN 2203 | MSN | 4 | 22/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 19,8539: 1 | 125.863 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 162 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.10 | CNVL 2204 | NVL | 5 | 20/09/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 16:1 | 85.999 | Không có lãi |
| 163 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.09 | CKDH 2206 | KDH | 5 | 20/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 7,2690: 1 | 48.156 | Không có lãi |
| 164 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.09 | CVJC 2202 | VJC | 5 | 20/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 20:1 | 156.789 | Không có lãi |
| 165 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.06 | CPDR 2203 | PDR | 5 | 20/09/2022 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 10:1 | 65.999 | Không có lãi |
| 166 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.15 | CHPG 2201 | HPG | 10 | 21/10/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.300 | 7,5645: 1 | 37.570 | Không có lãi |
| 167 | Chứng quyền. KDH.KIS.M.CA. T.07 | CKDH 2201 | KDH | 9 | 05/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 7,2690: 1 | 55.988 | Không có lãi |
| 168 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.04 | CPDR 2201 | PDR | 9 | 05/10/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.000 | 3,6655:1 | 83.084 | Không có lãi |
| 169 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.08 | CNVL 2201 | NVL | 9 | 05/10/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 20:1 | 93.979 | Không có lãi |
| 170 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.19 | CHPG 2210 | HPG | 6 | 20/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 6,0516: 1 | 36.141 | Không có lãi |
| 171 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.16 | CVRE 2206 | VRE | 6 | 20/10/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 35.555 | Không có lãi |
| 172 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.17 | CSTB 2208 | STB | 6 | 20/10/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 30.111 | Không có lãi |
| 173 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.16 | CVIC 2205 | VIC | 6 | 20/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 16:1 | 86.666 | Không có lãi |
| 174 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.11 | CHDB 2205 | HDB | 6 | 20/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 3,9979: 1 | 21.677 | Không có lãi |
| 175 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.17 | CVRE 2207 | VRE | 6 | 20/10/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 8:1 | 33.333 | Không có lãi |
| 176 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.14 | CVNM2205 | VNM | 6 | 20/10/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 15,4747: 1 | 77.372 | Không có lãi |
| 177 | Chứng quyền. PNJ.KIS.M.CA. T.02 | CPNJ 2202 | PNJ | 4 | 03/10/2022 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.200 | 25:1 | 99.999 | 433 |
| 178 | Chứng quyền. MBB.KIS.M.CA .T.03 | CMBB 2206 | MBB | 4 | 03/10/2022 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 8,3333: 1 | 18.518 | 179 |
| 179 | Chứng quyền. VPB.KIS.M.CA. T.04 | CVPB 2204 | VPB | 8 | 15/11/2022 | 1.450.000 | 1.450.000 | 1.000 | 10,6569: 1 | 20.573 | Không có lãi |
| 180 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.02 | CPOW 2202 | POW | 8 | 15/11/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 17.999 | Không có lãi |
| 181 | Chứng quyền. TPB.KIS.M.CA. T.01 | CTPB 2203 | TPB | 4 | 28/10/2022 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 10:1 | 22.999 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 182 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA. T.14 | CHDB 2209 | HDB | 4 | 09/12/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 3,1983: 1 | 21.483 | Không có lãi |
| 183 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.23 | CHPG 2218 | HPG | 4 | 09/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.100 | 4:1 | 24.888 | Không có lãi |
| 184 | Chứng quyền. KDH.KIS.M.CA. T.11 | CKDH 2211 | KDH | 4 | 09/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.100 | 2:1 | 40.888 | Không có lãi |
| 185 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.18 | CMSN 2211 | MSN | 4 | 09/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.900 | 10:1 | 109.999 | Không có lãi |
| 186 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA. T.14 | CNVL 2209 | NVL | 4 | 09/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 10:1 | 86.868 | Không có lãi |
| 187 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.04 | CPOW 2206 | POW | 4 | 09/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.500 | 2:1 | 14.567 | Không có lãi |
| 188 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.21 | CSTB 2216 | STB | 4 | 09/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.700 | 2:1 | 27.979 | Không có lãi |
| 189 | Chứng quyền. VJC.KIS.M.CA. T.12 | CVJC 2205 | VJC | 4 | 09/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 16:1 | 129.999 | Không có lãi |
| 190 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.16 | CVNM2208 | VNM | 4 | 09/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 10:1 | 75.999 | 700 |
| 191 | Chứng quyền. VPB.KIS.M.CA. T.05 | CVPB 2209 | VPB | 4 | 09/12/2022 | 1.450.000 | 1.450.000 | 1.000 | 10,6569: 1 | 17.879 | Không có lãi |
| 192 | Chứng quyền. MWG.KIS.M.C A.T.01 | CMWG2209 | MWG | 4 | 12/12/2022 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 20:1 | 56.999 | Không có lãi |
| 193 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.05 | CPOW 2207 | POW | 4 | 12/12/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 14.111 | Không có lãi |
| 194 | Chứngquyền.HP G.KIS.M.CA.T.2 0 | CHPG 2212 | HPG | 7 | 27/12/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 7,5645: 1 | 27.829 | Không có lãi |
| 195 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.15 | CMSN 2205 | MSN | 7 | 27/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 19,8539: 1 | 113.146 | Không có lãi |
| 196 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.11 | CNVL 2205 | NVL | 7 | 27/12/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 16:1 | 81.888 | Không có lãi |
| 197 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.18 | CSTB 2211 | STB | 7 | 27/12/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 8:1 | 23.333 | Không có lãi |
| 198 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.12 | CVHM2209 | VHM | 7 | 27/12/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 15,5461: 1 | 69.979 | Không có lãi |
| 199 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.18 | CVRE 2209 | VRE | 7 | 27/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 8:1 | 30.888 | Không có lãi |
| 200 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.10 | CVJC 2203 | VJC | 7 | 27/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 20:1 | 131.131 | Không có lãi |
| 201 | Chứng quyền. MBB.KIS.M.CA .T.04 | CMBB 2207 | MBB | 7 | 03/01/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 8,3333: 1 | 19.547 | Không có lãi |
| 202 | Chứng quyền. PNJ.KIS.M.CA. T.03 | CPNJ 2203 | PNJ | 7 | 03/01/2023 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.300 | 18,5090: 1 | 81.439 | 143 |
| 203 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA. T.12 | CHDB 2206 | HDB | 7 | 03/01/2023 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 6,3966: 1 | 23.986 | Không có lãi |
| 204 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.13 | CVHM2210 | VHM | 7 | 03/01/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 16:1 | 79.999 | Không có lãi |
| 205 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA. T.12 | CNVL 2206 | NVL | 7 | 03/01/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 16:1 | 83.999 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 206 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.16 | CMSN 2206 | MSN | 4 | 03/01/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 19,8539: 1 | 132.359 | Không có lãi |
| 207 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.21 | CHPG 2214 | HPG | 7 | 03/01/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 7,5645: 1 | 28.744 | Không có lãi |
| 208 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.19 | CSTB 2213 | STB | 4 | 03/01/2023 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.000 | 8:1 | 24.444 | Không có lãi |
| 209 | Chứng quyền. PDR.KIS.M.CA. T.07 | CPDR 2204 | PDR | 7 | 03/01/2023 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.000 | 16:1 | 57.979 | Không có lãi |
| 210 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.09 | CPDR 2206 | PDR | 5 | 01/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 51.888 | Không có lãi |
| 211 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.16 | CVHM2217 | VHM | 5 | 01/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 51.999 | Không có lãi |
| 212 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.25 | CHPG 2224 | HPG | 5 | 01/03/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 22.222 | Không có lãi |
| 213 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.22 | CSTB 2222 | STB | 5 | 01/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 4:1 | 20.222 | 1.012 |
| 214 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.23 | CSTB 2223 | STB | 5 | 01/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 4:1 | 21.111 | 790 |
| 215 | Chứng quyền. MBB.KIS.M.CA .T.05 | CMBB 2212 | MBB | 5 | 01/03/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 10:1 | 17.777 | Không có lãi |
| 216 | Chứng quyền. VRE.KIS.M.CA. T.21 | CVRE 2218 | VRE | 5 | 01/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 5:1 | 27.888 | Không có lãi |
| 217 | Chứng quyền. MWG.KIS.M.C A.T.02 | CMWG2210 | MWG | 7 | 10/03/2023 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 20:1 | 58.999 | Không có lãi |
| 218 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA. T.15 | CHDB 2210 | HDB | 7 | 10/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,9979: 1 | 23.098 | Không có lãi |
| 219 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.24 | CHPG 2219 | HPG | 7 | 10/03/2023 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 5:1 | 26.888 | Không có lãi |
| 220 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.19 | CMSN 2212 | MSN | 7 | 10/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 20:1 | 112.233 | Không có lãi |
| 221 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA. T.15 | CNVL 2210 | NVL | 7 | 10/03/2023 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.100 | 16:1 | 88.888 | Không có lãi |
| 222 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.15 | CVHM2213 | VHM | 7 | 10/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 16:1 | 63.979 | Không có lãi |
| 223 | Chứng quyền. VJC.KIS.M.CA. T.13 | CVJC 2206 | VJC | 7 | 10/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 20:1 | 132.999 | Không có lãi |
| 224 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.17 | CVNM2209 | VNM | 7 | 10/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 15,7189: 1 | 75.537 | 27 |
| 225 | Chứng quyền. VRE.KIS.M.CA. T.20 | CVRE 2213 | VRE | 7 | 10/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 5:1 | 31.999 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 226 | Chứng quyền. KDH.KIS.M.CA. T.12 | CKDH 2212 | KDH | 7 | 10/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 41.999 | Không có lãi |
| 227 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.06 | CPOW 2208 | POW | 7 | 10/03/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 15.222 | Không có lãi |
| 228 | Chứng quyền. TPB.KIS.M.CA. T.02 | CTPB 2204 | TPB | 9 | 28/03/2023 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 9,0119: 1 | 21.528 | 38 |
| 229 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA. T.13 | CHDB 2208 | HDB | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 3,9979: 1 | 19.189 | Không có lãi |
| 230 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.22 | CHPG 2215 | HPG | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 10:1 | 22.999 | Không có lãi |
| 231 | Chứng quyền. KDH.KIS.M.CA. T.10 | CKDH 2209 | KDH | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 7,2690: 1 | 36.344 | Không có lãi |
| 232 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.17 | CMSN 2209 | MSN | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.400 | 19,8539: 1 | 111.413 | Không có lãi |
| 233 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA. T.13 | CNVL 2208 | NVL | 9 | 28/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 16:1 | 79.999 | Không có lãi |
| 234 | Chứng quyền. PDR.KIS.M.CA. T.08 | CPDR 2205 | PDR | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 16:1 | 52.999 | Không có lãi |
| 235 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.03 | CPOW 2204 | POW | 9 | 28/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 13.979 | Không có lãi |
| 236 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.20 | CSTB 2215 | STB | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.100 | 5:1 | 22.222 | 554 |
| 237 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.14 | CVHM2211 | VHM | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 16:1 | 64.999 | Không có lãi |
| 238 | Chứng quyền. VJC.KIS.M.CA. T.11 | CVJC 2204 | VJC | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 20:1 | 133.979 | Không có lãi |
| 239 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.15 | CVNM2207 | VNM | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 15,2029: 1 | 67.462 | 479 |
| 240 | Chứng quyền. VRE.KIS.M.CA. T.19 | CVRE 2211 | VRE | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 8:1 | 28.888 | 64 |
| 241 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.07 | CPOW 2209 | POW | 8 | 10/04/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 16.333 | Không có lãi |
| 242 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.06 | CMBB 2304 | MBB | 4 | 02/10/2023 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 8,4825:1 | 13.006 | 632 |
| 243 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.07 | CMBB 2305 | MBB | 7 | 02/01/2024 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 8,4825:1 | 14.419 | 480 |
| 244 | Chứng quyền. MWG.KIS.M. CA.T.03 | CMWG2303 | MWG | 4 | 02/10/2023 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 19,809:1 | 31.035 | 1.059 |
| 245 | Chứng quyền. MWG.KIS.M. CA.T.04 | CMWG2304 | MWG | 7 | 02/01/2024 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 19,809:1 | 33.676 | 461 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 246 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.03 | CTPB 2302 | TPB | 4 | 02/10/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 7,1875:1 | 14.215 | 510 |
| 247 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.04 | CTPB 2303 | TPB | 7 | 02/01/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 7,1875:1 | 15.812 | 196 |
| 248 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.06 | CVPB 2303 | VPB | 4 | 02/10/2023 | 2.400.000 | 2.400.000 | 1.000 | 16:1 | 15.777 | 323 |
| 249 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.07 | CVPB 2304 | VPB | 7 | 02/01/2024 | 2.400.000 | 2.400.000 | 1.000 | 16:1 | 16.999 | 164 |
| 250 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.16 | CHDB 2301 | HDB | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,4815:1 | 16.827 | 632 |
| 251 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.24 | CSTB 2304 | STB | 5 | 30/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 28.666 | 1.059 |
| 252 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.25 | CSTB 2305 | STB | 7 | 02/01/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.111 | Không có lãi |
| 253 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.26 | CHPG 2308 | HPG | 5 | 30/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 22.111 | 510 |
| 254 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.27 | CHPG 2307 | HPG | 7 | 02/01/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 22.666 | 1.279 |
| 255 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.18 | CVIC 2301 | VIC | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 53.979 | Không có lãi |
| 256 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.17 | CVHM2301 | VHM | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 56.879 | Không có lãi |
| 257 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.22 | CVRE 2302 | VRE | 5 | 30/10/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 28.666 | Không có lãi |
| 258 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.18 | CVNM2301 | VNM | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,6846:1 | 66.715 | 323 |
| 259 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.16 | CNVL 2301 | NVL | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 13.456 | Không có lãi |
| 260 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.10 | CPDR 2301 | PDR | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 14.222 | 775 |
| 261 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.20 | CMSN 2301 | MSN | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 10:1 | 73.979 | Không có lãi |
| 262 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.08 | CPOW 2301 | POW | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 2:1 | 13.979 | Không có lãi |
| 263 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.28 | CHPG 2310 | HPG | 4 | 02/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 23.222 | 775 |
| 264 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.29 | CHPG 2311 | HPG | 6 | 01/12/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:1 | 21.234 | 1.339 |
| 265 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.30 | CHPG 2312 | HPG | 7 | 02/01/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 23.777 | 1.001 |
| 266 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.31 | CHPG 2313 | HPG | 9 | 01/03/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:1 | 23.333 | 1.624 |
| 267 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.26 | CSTB 2307 | STB | 4 | 02/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.999 | 248 |
| 268 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.27 | CSTB 2308 | STB | 6 | 01/12/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 5:1 | 27.799 | 6 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 269 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.28 | CSTB 2309 | STB | 7 | 02/01/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 30.555 | Không có lãi |
| 270 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.29 | CSTB 2310 | STB | 9 | 01/03/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.200 | 5:1 | 30.333 | 127 |
| 271 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.21 | CMSN 2303 | MSN | 4 | 02/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 77.999 | Không có lãi |
| 272 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.22 | CMSN 2304 | MSN | 6 | 01/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 10:1 | 75.678 | Không có lãi |
| 273 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.23 | CMSN 2305 | MSN | 9 | 01/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 10:1 | 76.789 | 352 |
| 274 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.18 | CVHM2303 | VHM | 4 | 02/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 59.888 | Không có lãi |
| 275 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.19 | CVHM2304 | VHM | 6 | 01/12/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 8:1 | 53.555 | Không có lãi |
| 276 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.20 | CVHM2305 | VHM | 9 | 01/03/2024 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 8:1 | 57.777 | Không có lãi |
| 277 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.19 | CVNM2302 | VNM | 4 | 02/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,6846:1 | 69.944 | 611 |
| 278 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.20 | CVNM2303 | VNM | 6 | 01/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,6846:1 | 67.791 | 36 |
| 279 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.21 | CVNM2304 | VNM | 9 | 01/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 9,6846:1 | 68.760 | 352 |
| 280 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.23 | CVRE 2304 | VRE | 4 | 02/10/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.999 | Không có lãi |
| 281 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.24 | CVRE 2305 | VRE | 6 | 01/12/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 5:1 | 27.111 | Không có lãi |
| 282 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.25 | CVRE 2306 | VRE | 9 | 01/03/2024 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 5:1 | 29.333 | Không có lãi |
| 283 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.17 | CNVL 2302 | NVL | 5 | 23/11/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 16.333 | 49 |
| 284 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.18 | CNVL 2303 | NVL | 9 | 25/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 17.333 | Không có lãi |
| 285 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.19 | CVIC 2302 | VIC | 5 | 23/11/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 55.666 | Không có lãi |
| 286 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.20 | CVIC 2303 | VIC | 6 | 25/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 8:1 | 57.777 | Không có lãi |
| 287 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.21 | CVIC 2304 | VIC | 9 | 25/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 8:1 | 59.888 | Không có lãi |
| 288 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.17 | CHDB 2302 | HDB | 5 | 23/11/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,4815:1 | 16.536 | 619 |
| 289 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.18 | CHDB 2303 | HDB | 6 | 25/12/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,4815:1 | 17.504 | 364 |
| 290 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.19 | CHDB 2304 | HDB | 9 | 25/03/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,4815:1 | 18.277 | 1.354 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 291 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.11 | CPDR 2302 | PDR | 5 | 23/11/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 18.666 | 2.384 |
| 292 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.12 | CPDR 2303 | PDR | 9 | 25/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 19.888 | 2.468 |
| 293 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.09 | CPOW 2302 | POW | 5 | 23/11/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 2:1 | 14.333 | Không có lãi |
| 294 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA .T.10 | CPOW 2303 | POW | 6 | 25/12/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 2:1 | 15.333 | Không có lãi |
| 295 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.11 | CPOW 2304 | POW | 9 | 25/03/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 2:1 | 16.333 | Không có lãi |
| 296 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.30 | CSTB 2312 | STB | 12 | 24/06/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 5:1 | 33.333 | Không có lãi |
| 297 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.32 | CHPG 2315 | HPG | 12 | 24/06/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 4:1 | 27.777 | 1.120 |
| 298 | Chứng quyền .HPG.KIS.M. CA.T.34 | CHPG 2317 | HPG | 8 | 26/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 4:1 | 26.888 | 486 |
| 299 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.35 | CHPG 2318 | HPG | 9 | 26/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 4:1 | 29.222 | 235 |
| 300 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA. T.36 | CHPG 2319 | HPG | 12 | 26/06/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 4:1 | 30.111 | 457 |
| 301 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.32 | CSTB 2314 | STB | 8 | 26/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 32.222 | Không có lãi |
| 302 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.33 | CSTB 2315 | STB | 9 | 26/03/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 34.333 | Không có lãi |
| 303 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA. T.34 | CSTB 2316 | STB | 12 | 26/06/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 5:1 | 36.333 | Không có lãi |
| 304 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.24 | CMSN 2306 | MSN | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 10:1 | 79.999 | Không có lãi |
| 305 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA. T.25 | CMSN 2307 | MSN | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.400 | 10:1 | 82.999 | Không có lãi |
| 306 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.22 | CVNM 2305 | VNM | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 9,6846:1 | 71.020 | 100 |
| 307 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA .T.23 | CVNM2306 | VNM | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 9,6846:1 | 73.172 | Không có lãi |
| 308 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.22 | CVIC 2305 | VIC | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 8:1 | 61.111 | Không có lãi |
| 309 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.23 | CVIC 2306 | VIC | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 8:1 | 62.222 | Không có lãi |
| 310 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.21 | CVHM2306 | VHM | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 8:1 | 60.666 | Không có lãi |
| 311 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA .T.22 | CVHM2307 | VHM | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 8:1 | 62.666 | Không có lãi |
| 312 | Chứng quyền. | CVRE | VRE | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 5:1 | 30.333 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | VRE.KIS.M.CA.T.26 | 2307 | | | | | | | | | |
| 313 | Chứng quyền. VRE.KIS.M.CA.T.27 | CVRE 2308 | VRE | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 5:1 | 31.333 | Không có lãi |
| 314 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA.T.19 | CNVL 2304 | NVL | 6 | 26/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 15.555 | 294 |
| 315 | Chứng quyền. NVL.KIS.M.CA.T.20 | CNVL 2305 | NVL | 12 | 26/06/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 16.999 | Không có lãi |
| 316 | Chứng quyền. PDR.KIS.M.CA.T.13 | CPDR 2304 | PDR | 6 | 26/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 17.999 | 2.183 |
| 317 | Chứng quyền. PDR.KIS.M.CA.T.14 | CPDR 2305 | PDR | 12 | 26/06/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 20.222 | 1.671 |
| 318 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA.T.12 | CPOW 2305 | POW | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 2:1 | 14.999 | Không có lãi |
| 319 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA.T.13 | CPOW 2306 | POW | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.400 | 2:1 | 15.999 | Không có lãi |
| 320 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA.T.20 | CHDB 2305 | HDB | 8 | 26/02/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,4815:1 | 18.471 | 1.350 |
| 321 | Chứng quyền. HDB.KIS.M.CA.T.21 | CHDB 2306 | HDB | 12 | 26/06/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 3,4815:1 | 19.341 | 1.074 |
| 322 | Chứng quyền. HPG.KIS.M.CA.T.37 | CHPG 2335 | HPG | 4 | 05/02/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 27.111 | 197 |
| 323 | Chứng quyền. MSN.KIS.M.CA.T.26 | CMSN 2314 | MSN | 4 | 05/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 78.999 | Không có lãi |
| 324 | Chứng quyền. POW.KIS.M.CA.T.14 | CPOW 2312 | POW | 4 | 05/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 2:1 | 12.222 | Không có lãi |
| 325 | Chứng quyền. STB.KIS.M.CA.T.35 | CSTB 2329 | STB | 4 | 05/02/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 31.888 | Không có lãi |
| 326 | Chứng quyền. VHM.KIS.M.CA.T.23 | CVHM2314 | VHM | 4 | 05/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 48.888 | Không có lãi |
| 327 | Chứng quyền. VIC.KIS.M.CA.T.24 | CVIC 2310 | VIC | 4 | 05/02/2024 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 8:1 | 49.999 | Không có lãi |
| 328 | Chứng quyền. VNM.KIS.M.CA.T.24 | CVNM2312 | VNM | 4 | 05/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,9265:1 | 79.411 | Không có lãi |
| 329 | Chứng quyền. VRE.KIS.M.CA.T.28 | CVRE 2316 | VRE | 4 | 05/02/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 28.999 | Không có lãi |
| 330 | Chứng quyền. SHB.KIS.M.CA.T.01 | CSHB 2301 | SHB | 4 | 05/02/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 2:1 | 11.333 | 259 |
| 331 | Chứng quyền. VIC.KIS.M.CA.T.25 | CVIC 2311 | VIC | 5 | 04/03/2024 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 8:1 | 51.999 | Không có lãi |
| 332 | Chứng quyền. MBB.KIS.M.CA.T.08 | CMBB 2316 | MBB | 7 | 06/05/2024 | 1.700.000 | 1.700.000 | 1.000 | 10:1 | 17.999 | 437 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 333 | Chứng quyền. MWG.KIS.M. CA.T.05 | CMWG 2315 | MWG | 7 | 06/05/2024 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 20:1 | 48.888 | 279 |
| 334 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.05 | CTPB 2304 | TPB | 7 | 06/05/2024 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.000 | 4:1 | 18.888 | Không có lãi |
| 335 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.08 | CVPB 2316 | VPB | 7 | 06/05/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4,7658:1 | 22.357 | Không có lãi |
| 336 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.38 | CHPG 2336 | HPG | 7 | 06/05/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:1 | 28.111 | 110 |
| 337 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.27 | CMSN 2315 | MSN | 7 | 06/05/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 10:1 | 81.999 | Không có lãi |
| 338 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.36 | CSTB 2330 | STB | 7 | 06/05/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:1 | 33.999 | Không có lãi |
| 339 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.24 | CVHM2315 | VHM | 7 | 06/05/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 8:1 | 50.888 | Không có lãi |
| 340 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.25 | CVNM2313 | VNM | 7 | 06/05/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 9,7998:1 | 82.298 | Không có lãi |
| 341 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.29 | CVRE 2317 | VRE | 7 | 06/05/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 29.999 | Không có lãi |
| 342 | Chứng quyền. SHB.KIS.M. CA.T.02 | CSHB 2302 | SHB | 7 | 06/05/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 2:1 | 11.999 | Không có lãi |
| 343 | Chứng quyền. SHB.KIS.M. CA.T.03 | CSHB 2303 | SHB | 9 | 04/07/2024 | 8.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 2:1 | 12.345 | Không có lãi |
| 344 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.39 | CHPG 2337 | HPG | 9 | 05/07/2024 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.300 | 3,6358:1 | 26.965 | 439 |
| 345 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.37 | CSTB 2331 | STB | 9 | 05/07/2024 | 4.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 34.999 | Không có lãi |
| 346 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.15 | CPOW 2313 | POW | 9 | 05/07/2024 | 3.000.000 | 4.000.000 | 1.300 | 2:1 | 12.888 | 936 |
| 347 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.26 | CVIC 2312 | VIC | 9 | 05/07/2024 | 4.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 10:1 | 52.345 | Không có lãi |
| 348 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.25 | CVHM2316 | VHM | 9 | 05/07/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 8:1 | 51.234 | Không có lãi |
| 349 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.30 | CVRE 2318 | VRE | 9 | 05/07/2024 | 3.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 4:1 | 30.999 | Không có lãi |
| 350 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.09 | CVPB 2317 | VPB | 9 | 05/07/2024 | 2.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 3,62:1 | 21.720 | Không có lãi |
| 351 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.06 | CTPB 2305 | TPB | 9 | 05/07/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 3,8922:1 | 18.812 | Không có lãi |
| 352 | Chứng quyền. SHB.KIS.M. CA.T.04 | CSHB 2304 | SHB | 9 | 05/07/2024 | 3.000.000 | 3.000.001 | 1.000 | 5:1 | 11.666 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 353 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.31 | CSTB 2313 | STB | 15 | 23/09/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 5:1 | 35.555 | Không có lãi |
| 354 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.33 | CHPG 2316 | HPG | 15 | 23/09/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 3,6358:1 | 26.258 | Không có lãi |
| 355 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.40 | CHPG 2338 | HPG | 12 | 07/10/2024 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.600 | 3,6358:1 | 27.267 | Không có lãi |
| 356 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.38 | CSTB 2332 | STB | 12 | 07/10/2024 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.300 | 5:1 | 35.888 | Không có lãi |
| 357 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.28 | CMSN 2316 | MSN | 12 | 07/10/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 2.000 | 10:1 | 83.979 | Không có lãi |
| 358 | Chứng quyền. POW.KIS. M.CA.T.16 | CPOW 2314 | POW | 12 | 07/10/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 2:1 | 13.111 | Không có lãi |
| 359 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.27 | CVIC 2313 | VIC | 12 | 07/10/2024 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.300 | 10:1 | 53.456 | Không có lãi |
| 360 | Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.26 | CVHM2317 | VHM | 12 | 07/10/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 8:1 | 52.345 | Không có lãi |
| 361 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.31 | CVRE 2319 | VRE | 12 | 07/10/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 4:1 | 31.777 | Không có lãi |
| 362 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.26 | CVNM2314 | VNM | 12 | 07/10/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 7,5817:1 | 82.345 | Không có lãi |
| 363 | Chứng quyền. VPB.KIS. M.CA.T.10 | CVPB 2318 | VPB | 12 | 07/10/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 3,6200:1 | 22.233 | Không có lãi |
| 364 | Chứng quyền. TPB.KIS. M.CA.T.07 | CTPB 2306 | TPB | 12 | 07/10/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 2.500 | 1,6235:1 | 16.144 | 718 |
| 365 | Chứng quyền. SHB.KIS. M.CA.T.05 | CSHB 2305 | SHB | 12 | 07/10/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4,7890:1 | 12.025 | Không có lãi |
| 366 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.41 | CHPG 2339 | HPG | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 4.100 | 1,8179:1 | 27.470 | Không có lãi |
| 367 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.39 | CSTB 2333 | STB | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 4.600 | 2:1 | 36.111 | 470 |
| 368 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.29 | CMSN 2317 | MSN | 15 | 06/01/2025 | 2.000.000 | 2.000.000 | 2.900 | 8:1 | 86.868 | Không có lãi |
| 369 | Chứng quyền. POW.KIS. M.CA.T.17 | CPOW 2315 | POW | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.800 | 2:1 | 13.456 | Không có lãi |
| 370 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.28 | CVIC 2314 | VIC | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 2.900 | 5:1 | 54.567 | Không có lãi |
| 371 | Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.27 | CVHM2318 | VHM | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 2.800 | 5:1 | 53.456 | Không có lãi |
| 372 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.32 | CVRE 2320 | VRE | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.500 | 2:1 | 32.333 | Không có lãi |
| 373 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.41 | CHPG 2339 | HPG | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 4.100 | 1,8179:1 | 27.470 | Không có lãi |
| 374 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.39 | CSTB 2333 | STB | 15 | 06/01/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 4.600 | 2:1 | 36.111 | 470 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 375 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.29 | CMSN 2317 | MSN | 15 | 06/01/2025 | 2.000.000 | 2.000.000 | 2.900 | 8:1 | 86.868 | Không có lãi |
| 376 | Chứng quyền.FPT.KIS. M.CA.T.01 | CFPT2406 | FPT | 4 | 28/3/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 24,8267:1 | 147.658 | Không có lãi |
| 377 | Chứng quyền.TCB.KIS. M.CA.T.01 | CTCB2405 | TCB | 4 | 28/3/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 5:01 | 26.868 | 186 |
| 378 | Chứng quyền.MBB.KIS. M.CA.T.09 | CMBB2408 | MBB | 4 | 28/3/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 4,3443:1 | 24.134 | 6 |
| 379 | Chứng quyền.MWG.KIS.M.CA.T.06 | CMWG2409 | MWG | 4 | 28/3/2025 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 10:01 | 68.888 | Không có lãi |
| 380 | Chứng quyền.TPB.KIS. M.CA.T.08 | CTPB2404 | TPB | 4 | 28/3/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 4:01 | 17.888 | Không có lãi |
| 381 | Chứng quyền.HPG.KIS. M.CA.T.42 | CHPG2411 | HPG | 4 | 28/3/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 29.999 | Không có lãi |
| 382 | Chứng quyền.STB.KIS. M.CA.T.40 | CSTB2412 | STB | 4 | 28/3/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 38.686 | Không có lãi |
| 383 | Chứng quyền.MSN.KIS. M.CA.T.30 | CMSN2407 | MSN | 4 | 28/3/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 83.456 | Không có lãi |
| 384 | Chứng quyền.VIC.KIS. M.CA.T.29 | CVIC2406 | VIC | 4 | 28/3/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 5:01 | 46.888 | 1.850 |
| 385 | Chứng quyền.VHM.KIS .M.CA.T.28 | CVHM2410 | VHM | 4 | 28/3/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 5:01 | 47.999 | 550 |
| 386 | Chứng quyền.VRE.KIS. M.CA.T.33 | CVRE2409 | VRE | 4 | 28/3/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 4:01 | 19.999 | Không có lãi |
| 387 | Chứng quyền.VPB.KIS. M.CA.T.12 | CVPB2411 | VPB | 4 | 28/3/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 2:01 | 21.666 | Không có lãi |
| 388 | Chứng quyền.SHB.KIS. M.CA.T.07 | CSHB2402 | SHB | 4 | 28/3/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 1,8027:1 | 10.215 | 1.157 |
| 389 | Chứng quyền.HDB.KIS. M.CA.T.22 | CHDB2401 | HDB | 4 | 28/3/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 3,3357:1 | 25.017 | Không có lãi |
| 390 | Chứng quyền.SSB.KIS. M.CA.T.01 | CSSB2401 | SSB | 4 | 28/3/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:01 | 19.999 | Không có lãi |
| 391 | Chứng quyền.VJC.KIS. M.CA.T.18 | CVJC2401 | VJC | 4 | 28/3/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 10:01 | 119.999 | Không có lãi |
| 392 | Chứng quyền.VNM.KIS .M.CA.T.28 | CVNM2408 | VNM | 4 | 28/3/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 7,9379:1 | 76.271 | Không có lãi |
| 393 | Chứng quyền.FPT.KIS. M.CA.T.02 | CFPT2407 | FPT | 7 | 30/6/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 24,6161:1 | 157.246 | Không có lãi |
| 394 | Chứng quyền.TCB.KIS. M.CA.T.02 | CTCB2406 | TCB | 7 | 30/6/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 5:01 | 27.979 | 1.188 |
| 395 | Chứng quyền.MBB.KIS. M.CA.T.10 | CMBB2409 | MBB | 7 | 30/6/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 4,3443:1 | 25.099 | 161 |
| 396 | Chứng quyền.MWG.KIS.M.CA.T.07 | CMWG2410 | MWG | 7 | 30/6/2025 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 10:01 | 70.777 | Không có lãi |
| 397 | Chứng quyền.TPB.KIS. M.CA.T.09 | CTPB2405 | TPB | 7 | 30/6/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 3,7288:1 | 17.711 | Không có lãi |
| 398 | Chứng quyền.HPG.KIS. M.CA.T.43 | CHPG2412 | HPG | 7 | 30/6/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 31.333 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 399 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.41 | CSTB2413 | STB | 7 | 30/6/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 39.679 | 1.725 |
| 400 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.31 | CMSN2408 | MSN | 7 | 30/6/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 85.678 | Không có lãi |
| 401 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.30 | CVIC2407 | VIC | 7 | 30/6/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 5:01 | 48.999 | 9.196 |
| 402 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.29 | CVHM2411 | VHM | 7 | 30/6/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 5:01 | 50.555 | 5.177 |
| 403 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.34 | CVRE2410 | VRE | 7 | 30/6/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:01 | 21.888 | 708 |
| 404 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.13 | CVPB2412 | VPB | 7 | 30/6/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 1,9471:1 | 22.174 | Không có lãi |
| 405 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.08 | CSHB2403 | SHB | 7 | 30/6/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 1,8027:1 | 11.116 | 1.330 |
| 406 | Chứng quyền.HDB.KIS.M.CA.T.23 | CHDB2502 | HDB | 4 | 21/7/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 24.444 | Không có lãi |
| 407 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.44 | CHPG2511 | HPG | 4 | 21/7/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 28.888 | 539 |
| 408 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.32 | CMSN2505 | MSN | 4 | 21/7/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:1 | 73.333 | 269 |
| 409 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.09 | CSHB2502 | SHB | 4 | 21/7/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 1,9270:1 | 11.946 | 1.170 |
| 410 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.02 | CSSB2501 | SSB | 4 | 21/7/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 20.678 | Không có lãi |
| 411 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.42 | CSTB2507 | STB | 4 | 21/7/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 39.999 | 2.068 |
| 412 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.30 | CVHM2505 | VHM | 4 | 21/7/2025 | 8.000.000 | 1.700.000 | 1.000 | 5:1 | 49.999 | 8.172 |
| 413 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.31 | CVIC2504 | VIC | 4 | 21/7/2025 | 8.000.000 | 1.200.000 | 1.000 | 5:1 | 54.444 | 12.431 |
| 414 | Chứng quyền.VJC.KIS.M.CA.T.19 | CVJC2502 | VJC | 4 | 21/7/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 10:1 | 99.999 | Không có lãi |
| 415 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.29 | CVNM2506 | VNM | 4 | 21/7/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 7,7265:1 | 63.314 | Không có lãi |
| 416 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.14 | CVPB2507 | VPB | 4 | 21/7/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 1,9471:1 | 20.119 | 437 |
| 417 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.35 | CVRE2506 | VRE | 4 | 21/7/2025 | 8.000.000 | 2.300.000 | 1.000 | 4:1 | 18.999 | 2.490 |
| 418 | Chứng quyền.HDB.KIS.M.CA.T.24 | CHDB2503 | HDB | 6 | 19/9/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:01 | 25.555 | 1.394 |
| 419 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.45 | CHPG2512 | HPG | 6 | 19/9/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 3,3309:1 | 24.888 | 1.454 |
| 420 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.33 | CMSN2506 | MSN | 6 | 19/9/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 75.555 | 1.035 |
| 421 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.10 | CSHB2503 | SHB | 6 | 19/9/2025 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 1,7052:1 | 10.912 | 4.092 |
| 422 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.03 | CSSB2502 | SSB | 6 | 19/9/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:01 | 21.234 | Không có lãi |
| 423 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.43 | CSTB2508 | STB | 6 | 19/9/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 40.999 | 3.785 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 424 | Chứng quyền.VHM.KIS .M.CA.T.31 | CVHM2506 | VHM | 6 | 19/9/2025 | 6.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 5:01 | 51.111 | 10.542 |
| 425 | Chứng quyền.VIC.KIS. M.CA.T.32 | CVIC2505 | VIC | 6 | 19/9/2025 | 6.000.000 | 1.100.000 | 1.000 | 5:01 | 55.555 | 16.837 |
| 426 | Chứng quyền.VJC.KIS. M.CA.T.20 | CVJC2503 | VJC | 6 | 19/9/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:01 | 109.999 | 3.308 |
| 427 | Chứng quyền.VNM.KIS .M.CA.T.30 | CVNM2507 | VNM | 6 | 19/9/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 7,7265:1 | 65.460 | Không có lãi |
| 428 | Chứng quyền.VPB.KIS. M.CA.T.15 | CVPB2508 | VPB | 6 | 19/9/2025 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 1,9471:1 | 21.093 | 5.258 |
| 429 | Chứng quyền.VRE.KIS. M.CA.T.36 | CVRE2507 | VRE | 6 | 19/9/2025 | 6.000.000 | 700.000 | 1.000 | 4:01 | 19.888 | 2.648 |
| 430 | Chứng quyền.HPG.KIS. M.CA.T.46 | CHPG2513 | HPG | 7 | 20/10/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 3,3309:1 | 25.721 | 795 |
| 431 | Chứng quyền.MSN.KIS. M.CA.T.34 | CMSN2507 | MSN | 7 | 20/10/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 77.999 | 724 |
| 432 | Chứng quyền.STB.KIS. M.CA.T.44 | CSTB2509 | STB | 7 | 20/10/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 42.999 | 4.255 |
| 433 | Chứng quyền.VHM.KIS .M.CA.T.32 | CVHM2507 | VHM | 7 | 20/10/2025 | 6.000.000 | 1.100.000 | 1.000 | 5:01 | 53.333 | 13.861 |
| 434 | Chứng quyền.VIC.KIS. M.CA.T.33 | CVIC2506 | VIC | 7 | 20/10/2025 | 6.000.000 | 700.000 | 1.000 | 5:01 | 57.777 | 30.201 |
| 435 | Chứng quyền.VRE.KIS. M.CA.T.37 | CVRE2508 | VRE | 7 | 20/10/2025 | 6.000.000 | 700.000 | 1.000 | 4:01 | 20.888 | 5.381 |
| 436 | Chứng quyền.FPT.KIS. M.CA.T.03 | CFPT2509 | FPT | 8 | 19/11/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 21,5616: 1 | 120.744 | Không có lãi |
| 437 | Chứng quyền.HDB.KIS. M.CA.T.25 | CHDB2504 | HDB | 8 | 19/11/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:01 | 26.666 | 849 |
| 438 | Chứng quyền.HPG.KIS. M.CA.T.47 | CHPG2514 | HPG | 8 | 19/11/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 3,3309:1 | 26.369 | 204 |
| 439 | Chứng quyền.MSN.KIS. M.CA.T.35 | CMSN2508 | MSN | 8 | 19/11/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 79.777 | Không có lãi |
| 440 | Chứng quyền.MWG.KI S.M.CA.T.08 | CMWG2507 | MWG | 8 | 19/11/2025 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 9,8582:1 | 65.720 | 1.599 |
| 441 | Chứng quyền.SHB.KIS. M.CA.T.11 | CSHB2504 | SHB | 8 | 19/11/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 1,7052:1 | 11.424 | 2.930 |
| 442 | Chứng quyền.SSB.KIS. M.CA.T.04 | CSSB2503 | SSB | 8 | 19/11/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:01 | 22.345 | Không có lãi |
| 443 | Chứng quyền.STB.KIS. M.CA.T.45 | CSTB2510 | STB | 8 | 19/11/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 43.999 | 1.288 |
| 444 | Chứng quyền.VHM.KIS .M.CA.T.33 | CVHM2508 | VHM | 8 | 19/11/2025 | 6.000.000 | 4.100.000 | 1.000 | 5:01 | 54.444 | 8.039 |
| 445 | Chứng quyền.VIC.KIS. M.CA.T.34 | CVIC2507 | VIC | 8 | 19/11/2025 | 6.000.000 | 700.000 | 1.000 | 5:01 | 58.888 | 31.038 |
| 446 | Chứng quyền.VNM.KIS .M.CA.T.31 | CVNM2508 | VNM | 8 | 19/11/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 7,3863:1 | 64.630 | Không có lãi |
| 447 | Chứng quyền.VPB.KIS. M.CA.T.16 | CVPB2509 | VPB | 8 | 19/11/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.100 | 1,9471:1 | 22.066 | 3.094 |
| 448 | Chứng quyền.VRE.KIS. M.CA.T.38 | CVRE2509 | VRE | 8 | 19/11/2025 | 6.000.000 | 1.100.000 | 1.000 | 4:01 | 21.555 | 2.681 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 449 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.50 | CHPG2526 | HPG | 5 | 3/12/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 4:01 | 27.111 | Không có lãi |
| 450 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.38 | CMSN2517 | MSN | 5 | 3/12/2025 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 10:01 | 86.688 | Không có lãi |
| 451 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.13 | CSHB2507 | SHB | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 1.976.800 | 1.000 | 1,7698:1 | 12.978 | 2.188 |
| 452 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.06 | CSSB2505 | SSB | 5 | 3/12/2025 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 2:01 | 20.222 | Không có lãi |
| 453 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.48 | CSTB2522 | STB | 5 | 3/12/2025 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:01 | 54.567 | Không có lãi |
| 454 | Chứng quyền.TCB.KIS.M.CA.T.03 | CTCB2513 | TCB | 5 | 3/12/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.100 | 5:01 | 41.888 | Không có lãi |
| 455 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.35 | CVHM2517 | VHM | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 523.800 | 1.100 | 5:01 | 88.888 | 3.022 |
| 456 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.36 | CVIC2510 | VIC | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 1.132.400 | 1.100 | 8:01 | 109.999 | 18.708 |
| 457 | Chứng quyền.VJC.KIS.M.CA.T.21 | CVJC2504 | VJC | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 1.036.900 | 1.000 | 20:01 | 97.979 | 5.452 |
| 458 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.33 | CVNM2516 | VNM | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 7,6478:1 | 61.181 | 335 |
| 459 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.18 | CVPB2517 | VPB | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 542.100 | 1.000 | 4:01 | 19.999 | 2.278 |
| 460 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.40 | CVRE2517 | VRE | 5 | 3/12/2025 | 3.000.000 | 300.100 | 1.100 | 2:01 | 27.999 | 3.156 |
| 461 | Chứng quyền.LPB.KIS.M.CA.T.01 | CLPB2504 | LPB | 5 | 3/12/2025 | 4.000.000 | 400.100 | 1.100 | 4:01 | 35.656 | 3.231 |
| 462 | Chứng quyền.VIB.KIS.M.CA.T.01 | CVIB2509 | VIB | 5 | 3/12/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 3,513:1 | 18.388 | 26 |
| 463 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.48 | CHPG2515 | HPG | 9 | 19/12/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 3,3309:1 | 26.832 | Không có lãi |
| 464 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.36 | CMSN2509 | MSN | 9 | 19/12/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 81.999 | Không có lãi |
| 465 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.46 | CSTB2511 | STB | 9 | 19/12/2025 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:01 | 44.999 | 503 |
| 466 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.34 | CVHM2509 | VHM | 9 | 19/12/2025 | 4.000.000 | 600.000 | 1.000 | 5:01 | 56.666 | 7.523 |
| 467 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.35 | CVIC2508 | VIC | 9 | 19/12/2025 | 4.000.000 | 700.000 | 1.000 | 2,500:1 | 30.500 | 45.032 |
| 468 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.39 | CVRE2510 | VRE | 9 | 19/12/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:01 | 22.111 | 1.772 |
| 469 | Chứng quyền.FPT.KIS.M.CA.T.05 | CFPT2522 | FPT | 4 | 25/12/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 24,7425:1 | 115.586 | Không có lãi |
| 470 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.17 | CSHB2512 | SHB | 4 | 25/12/2025 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 2:01 | 20.345 | Không có lãi |
| 471 | Chứng quyền.TCB.KIS.M.CA.T.04 | CTCB2515 | TCB | 4 | 25/12/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 4,871:1 | 44.812 | Không có lãi |
| 472 | Chứng quyền.TPB.KIS.M.CA.T.11 | CTPB2508 | TPB | 4 | 25/12/2025 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 1,9063:1 | 24.210 | Không có lãi |
| 473 | Chứng quyền.LPB.KIS.M.CA.T.02 | CLPB2505 | LPB | 6 | 5/1/2026 | 4.000.000 | 516.600 | 1.100 | 4:01 | 36.688 | 1.278 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 474 | Chứng quyền.FPT.KIS.M.CA.T.04 | CFPT2510 | FPT | 11 | 23/2/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 21,3395:1 | 131.451 | Không có lãi |
| 475 | Chứng quyền.HDB.KIS.M.CA.T.26 | CHDB2505 | HDB | 11 | 23/2/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,0841:1 | 21.417 | 1.969 |
| 476 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.49 | CHPG2516 | HPG | 11 | 23/2/2026 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 3,3309:1 | 27.572 | Không có lãi |
| 477 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.37 | CMSN2510 | MSN | 11 | 23/2/2026 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 10:01 | 83.399 | Không có lãi |
| 478 | Chứng quyền.MWG.KIS.M.CA.T.09 | CMWG2508 | MWG | 11 | 23/2/2026 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 9,8582:1 | 71.964 | 1.955 |
| 479 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.12 | CSHB2505 | SHB | 11 | 23/2/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 1,7052:1 | 11.765 | 2.108 |
| 480 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.05 | CSSB2504 | SSB | 11 | 23/2/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 4:01 | 23.123 | Không có lãi |
| 481 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.47 | CSTB2512 | STB | 11 | 23/2/2026 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:01 | 45.999 | 3.730 |
| 482 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.32 | CVNM2509 | VNM | 11 | 23/2/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 7,3863:1 | 66.476 | 358 |
| 483 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.17 | CVPB2510 | VPB | 11 | 23/2/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 1,9471:1 | 23.04 | 2.362 |
| 484 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.14 | CSHB2508 | SHB | 7 | 3/2/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 1,7698:1 | 13.174 | 1.569 |
| 485 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.07 | CSSB2506 | SSB | 7 | 3/2/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 2:01 | 20.555 | Không có lãi |
| 486 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.34 | CVNM2517 | VNM | 7 | 3/2/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 9,5597:1 | 63.943 | 627 |
| 487 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.19 | CVPB2518 | VPB | 7 | 3/2/2026 | 4.000.000 | 435.600 | 1.000 | 4:01 | 20.999 | 1.690 |
| 488 | Chứng quyền.LPB.KIS.M.CA.T.03 | CLPB2506 | LPB | 7 | 3/2/2026 | 4.000.000 | 425.500 | 1.100 | 5:01 | 37.399 | 894 |
| 489 | Chứng quyền.TPB.KIS.M.CA.T.10 | CTPB2505 | TPB | 8 | 3/3/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 3,8127:1 | 14.944 | 867 |
| 490 | Chứng quyền.VJC.KIS.M.CA.T.22 | CVJC2505 | VJC | 8 | 3/3/2026 | 5.000.000 | 1.928.300 | 1.000 | 20:01 | 106.868 | 3.541 |
| 491 | Chứng quyền.LPB.KIS.M.CA.T.04 | CLPB2507 | LPB | 8 | 3/3/2026 | 4.000.000 | 493.400 | 1.100 | 5:01 | 37.979 | 924 |
| 492 | Chứng quyền.VIB.KIS.M.CA.T.02 | CVIB2510 | VIB | 8 | 3/3/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 3,513:1 | 19.223 | Không có lãi |
| 493 | Chứng quyền.FPT.KIS.M.CA.T.06 | CFPT2523 | FPT | 7 | 25/3/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 24,7425:1 | 116.586 | Không có lãi |
| 494 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.18 | CSHB2513 | SHB | 7 | 25/3/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 2:01 | 20.567 | Không có lãi |
| 495 | Chứng quyền.TCB.KIS.M.CA.T.05 | CTCB2516 | TCB | 7 | 25/3/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 4,8710:1 | 45.202 | Không có lãi |
| 496 | Chứng quyền.TPB.KIS.M.CA.T.12 | CTPB2509 | TPB | 7 | 25/3/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.100 | 1,9063:1 | 24.591 | Không có lãi |
| 497 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.44 | CVRE2523 | VRE | 7 | 25/3/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:01 | 34.999 | Không có lãi |
| 498 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.15 | CSHB2509 | SHB | 9 | 3/4/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 1,7460:1 | 13.289 | 1.028 |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 499 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.08 | CSSB2507 | SSB | 9 | 3/4/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:01 | 20.999 | Không có lãi |
| 500 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.35 | CVNM2518 | VNM | 9 | 3/4/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 9,5597:1 | 65.112 | Không có lãi |
| 501 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.20 | CVPB2519 | VPB | 9 | 3/4/2026 | 4.000.000 | 640.300 | 1.000 | 4:01 | 21.888 | 1.143 |
| 502 | Chứng quyền.LPB.KIS.M.CA.T.05 | CLPB2508 | LPB | 9 | 3/4/2026 | 4.000.000 | 1.096.600 | 1.100 | 8:01 | 38.688 | 410 |
| 503 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.51 | CHPG2527 | HPG | 10 | 4/5/2026 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 4:01 | 27.444 | 109 |
| 504 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.39 | CMSN2518 | MSN | 10 | 4/5/2026 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 10:01 | 89.999 | Không có lãi |
| 505 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.16 | CSHB2510 | SHB | 10 | 4/5/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 1,7460:1 | 13.482 | 726 |
| 506 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.09 | CSSB2508 | SSB | 10 | 4/5/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:01 | 21.666 | Không có lãi |
| 507 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.49 | CSTB2523 | STB | 10 | 4/5/2026 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 8:01 | 56.868 | 1.202 |
| 508 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.36 | CVHM2518 | VHM | 10 | 4/5/2026 | 4.000.000 | 1.814.800 | 1.100 | 8:01 | 90.999 | 7.063 |
| 509 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.37 | CVIC2511 | VIC | 10 | 4/5/2026 | 4.000.000 | 2.736.700 | 1.100 | 4:01 | 56.990 | 39.418 |
| 510 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.36 | CVNM2519 | VNM | 10 | 4/5/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 9,5597:1 | 65.961 | Không có lãi |
| 511 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.21 | CVPB2520 | VPB | 10 | 4/5/2026 | 4.000.000 | 960.500 | 1.000 | 4:01 | 22.222 | 1.230 |
| 512 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.41 | CVRE2518 | VRE | 10 | 4/5/2026 | 3.000.000 | 485.100 | 1.100 | 4:01 | 28.999 | 295 |
| 513 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.42 | CVRE2519 | VRE | 11 | 3/6/2026 | 3.000.000 | 739.600 | 1.100 | 4:01 | 29.999 | 398 |
| 514 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.11 | CSSB2601 | SSB | 4 | 20/5/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 21.111 | Không có lãi |
| 515 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.53 | CHPG2611 | HPG | 4 | 20/5/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,9282:1 | 31.425 | Không có lãi |
| 516 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.41 | CMSN2607 | MSN | 4 | 20/5/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 94.567 | Không có lãi |
| 517 | Chứng quyền.FPT.KIS.M.CA.T.07 | CFPT2524 | FPT | 10 | 25/6/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 24,4063:1 | 115.870 | Không có lãi |
| 518 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.52 | CHPG2534 | HPG | 10 | 25/6/2026 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 3,5704:1 | 27.769 | Không có lãi |
| 519 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.40 | CMSN2520 | MSN | 10 | 25/6/2026 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 10:01 | 97.111 | Không có lãi |
| 520 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.19 | CSHB2514 | SHB | 10 | 25/6/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 1,9731:1 | 20.400 | Không có lãi |
| 521 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.10 | CSSB2509 | SSB | 10 | 25/6/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 1,7698:1 | 13.470 | Không có lãi |
| 522 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.50 | CSTB2527 | STB | 10 | 25/6/2026 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.100 | 5:01 | 66.555 | 981 |
| 523 | Chứng quyền.TCB.KIS.M.CA.T.06 | CTCB2517 | TCB | 10 | 25/6/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.100 | 4,7707:1 | 44.644 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 524 | Chứng quyền.TPB.KIS.M.CA.T.13 | CTPB2510 | TPB | 10 | 25/6/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.100 | 1,9063:1 | 24.686 | Không có lãi |
| 525 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.39 | CVHM2521 | VHM | 9 | 25/5/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 8:01 | 115.678 | 5.153 |
| 526 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.40 | CVHM2522 | VHM | 10 | 25/6/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 8:01 | 117.688 | 4.307 |
| 527 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.40 | CVIC2513 | VIC | 9 | 25/5/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 5:01 | 73.500 | 29.780 |
| 528 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.41 | CVIC2514 | VIC | 10 | 25/6/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 5:01 | 74.444 | 28.719 |
| 529 | Chứng quyền.VJC.KIS.M.CA.T.23 | CVJC2506 | VJC | 10 | 25/6/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 7,6919:1 | 129.069 | 1.221 |
| 530 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.37 | CVNM2521 | VNM | 10 | 25/6/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,5597:1 | 67.300 | Không có lãi |
| 531 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.22 | CVPB2524 | VPB | 10 | 25/6/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 3,9302:1 | 42.359 | Không có lãi |
| 532 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.45 | CVRE2524 | VRE | 10 | 25/6/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:01 | 35.888 | Không có lãi |
| 533 | Chứng quyền.LPB.KIS.M.CA.T.06 | CLPB2509 | LPB | 10 | 25/6/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 7,5596:1 | 53.232 | Không có lãi |
| 534 | Chứng quyền.VHM.KIS.M.CA.T.41 | CVHM2608 | VHM | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 5,7778:1 | 71.687 | Không có lãi |
| 535 | Chứng quyền.VIC.KIS.M.CA.T.42 | CVIC2601 | VIC | 7 | 20/8/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 20:1 | 191.818 | 472 |
| 536 | Chứng quyền.VRE.KIS.M.CA.T.46 | CVRE2602 | VRE | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,863:1 | 37.073 | Không có lãi |
| 537 | Chứng quyền.SHB.KIS.M.CA.T.21 | CSHB2605 | SHB | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 1,9731:1 | 19.532 | Không có lãi |
| 538 | Chứng quyền.SSB.KIS.M.CA.T.12 | CSSB2602 | SSB | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,3184:1 | 17.753 | Không có lãi |
| 539 | Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.51 | CSTB2607 | STB | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 8:1 | 69.888 | 504 |
| 540 | Chứng quyền.TPB.KIS.M.CA.T.14 | CTPB2604 | TPB | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 2:1 | 20.688 | Không có lãi |
| 541 | Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.23 | CVPB2607 | VPB | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,9302:1 | 33.964 | Không có lãi |
| 542 | Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.54 | CHPG2612 | HPG | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,5704:1 | 29.455 | Không có lãi |
| 543 | Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.42 | CMSN2608 | MSN | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 10:1 | 95.999 | Không có lãi |
| 544 | Chứng quyền.VJC.KIS.M.CA.T.24 | CVJC2601 | VJC | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 15,3838:1 | 169.221 | Không có lãi |
| 545 | Chứng quyền.VNM.KIS.M.CA.T.38 | CVNM2604 | VNM | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 9,6917:1 | 81.386 | Không có lãi |
| 546 | Chứng quyền.DGC.KIS.M.CA.T.01 | CDGC2601 | DGC | 7 | 20/8/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 16:1 | 76.868 | Không có lãi |
| 547 | Chứng quyền.VHM.KIS.4M.42 | CVHM2612 | VHM | 4 | 28/9/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 9,6297:1 | 81.852 | Không có lãi |
| 548 | Chứng quyền.SHB.KIS.4M.22 | CSHB2611 | SHB | 4 | 28/9/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 14.999 | Không có lãi |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 549 | Chứng quyền.SSB.KIS.4M.13 | CSSB2606 | SSB | 4 | 28/9/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 15.999 | 1.165 |
| 550 | Chứng quyền.STB.KIS.4M.52 | CSTB2613 | STB | 4 | 28/9/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 77.777 | Không có lãi |
| 551 | Chứng quyền.VPB.KIS.4M.24 | CVPB2612 | VPB | 4 | 28/9/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,9658:1 | 25.381 | Không có lãi |
| 552 | Chứng quyền.HPG.KIS.4M.55 | CHPG2620 | HPG | 4 | 28/9/2026 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 4:1 | 26.999 | Không có lãi |
| 553 | Chứng quyền.MSN.KIS.4M.43 | CMSN2613 | MSN | 4 | 28/9/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 86.789 | Không có lãi |
| 554 | Chứng quyền.VNM.KIS.4M.40 | CVNM2608 | VNM | 4 | 28/9/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 9,6917:1 | 64.930 | Không có lãi |
| 555 | Chứng quyền.VIC.KIS.4M.43 | CVIC2605 | VIC | 4 | 28/9/2026 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 20:1 | 244.567 | Không có lãi |

The settlement status of the Company's covered warrants: All covered warrants issued by the Company that have matured and are in-the-money have been fully and timely settled by the Company to investors in accordance with the regulations of the competent State authorities. The Company commits to fully complying with all payment obligations in cases where financial products in the form of covered warrants are offered.

**3. Financial situation**

According to the Company's audited financial statements for the fiscal year ended December 31, 2025

- The Company has fully fulfilled all statutory payment obligations.
- The Company has fulfilled all statutory payment obligations in accordance with the law.
- Total outstanding margin lending balance: VND 11,104,600,990,120.
- Total value of loans: VND 11,567,191,499,988 (including margin loans and advances against proceeds from securities sales to customers).
- The credit quality analysis of margin loans and advances as of the reporting date is as follows:

| | **December 31, 2025 (VND)** | **December 31, 2024 (VND)** |
|---|---|---|
| Neither past due nor impaired | 11.525.727.185.767 | 8.530.990.815.885 |
| Past due and impaired | 41.464.314.221 | 171.447.059.821 |
| Provision made | (41.464.314.221) | (171.447.059.821) |
| Net value | 11.525.727.185.767 | 8.530.990.815.885 |

- Total liabilities: VND 9,327,848,626,372.
- Owners' equity (contributed capital): VND 4,549,693,040,000.
- Total capital: VND 16,437,824,452,396.
- Key financial indicators:

| **Indicator** | **Năm 2024** | **Năm 2025** |
|---|---|---|

| Financial safety indicators | | |
|---|---|---|
| - Available capital (VND) | 5.168.157.667.959 | 6.471.392.405.639 |
| - Risk (market risk, settlement risk, operational risk, additional risk) (VND) | 901.725.791.487 | 735.456.906.242 |
| - Capital adequacy ratio: $\frac{\text{Available capital}}{\text{Total risk}}$ | 573 % | 879,91% |
| **Liquidity indicators** | | |
| - Current ratio: Current assets / Short-term liabilities | 170,6% | 174,2% |
| - Quick ratio: $\frac{\text{Current assets – Inventories}}{\text{Short-term liabilities}}$ | 170,6% | 174,2% |
| **Capital structure indicators** | | |
| - Debt / Total assets | 57,2% | 56,7% |
| - Debt / Equity | 133,7% | 131,2% |
| **Profitability indicators** | | |
| - Profit after tax / Net revenue | 18,7% | 20,1% |
| - Profit after tax / Equity | 7,8% | 8,04% |
| - Profit after tax / Total assets | 3,4% | 3,48% |
| - Operating profit / Net revenue | 34,4% | 34,7% |
| - Earnings per share (EPS) (VND) | 1.198 | 1.515 |

(Source: The Company's financial statements and financial safety ratio reports)

## VI. INFORMATION ON COVERED WARRANTS

### 1. General information on warrants

- Warrant name: Covered Warrant.VPB.KIS.5M.28
- Underlying Security Name (Code): VPB
- Issuer of the Underlying Security: Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank
- Type of Covered Warrant: Call Warrant.
- Exercise Style: the Covered Warrant Holder may exercise the warrant only on the Expiration Date.
- Settlement Method upon Exercise: Cash settlement.
- Term of the Covered Warrant: 5 months.
- Expected issuance date: The specific timing shall be determined by the General Director after obtaining approval from the competent authority.
- Expected last trading date: 02 trading days prior to the maturity date.
- Expected maturity date: 5 months from the offering date.
- Conversion Ratio: 5:1

- Exercise Price: Exercise price: Within a range equal to or not more than 20% higher than the reference price of the underlying security on the issuance announcement date; the specific price shall be announced in the Issuance Announcement.
- Expected offering price range: VND 1,000 - 1,100/warrant, the specific price shall be announced in the Issuance Announcement.
- Total offering quantity: 3,000,000 warrants.
- Total offering value based on the highest expected offering price: VND 3,300,000,000.
- Expected value of collateral assets for payment deposited at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Nam Ky Khoi Nghia Branch: VND 1,650,000,000.
- The Company applies the Black-Scholes model to determine the offering price of the Covered Warrant:

$$C = \frac{N(d_1) \times S - N(d_2) \times X \times e^{-rT}}{k}$$

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

In which:

C: Offering price of the call warrant (VND);

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Cumulative normal distribution probabilities;

X: Exercise price of the warrant (VND;

S: Price of the underlying security (VND);

T: Time remaining to maturity in years, calculated as the number of days from the valuation date to the warrant's maturity date divided by 365;

r: Risk-free interest rate per annum, being the government bond yield (%);

σ: Expected annual volatility of the underlying security price (%);

k: Conversion ratio of the warrant.

- Parameters for determining the offering price of the Covered Warrant under the Black-Scholes model as of the calculation date of 02/10/2026:

| Parameters | Value |
|---|---|
| Underlying security price (S) (VND) | 22,900 |
| Exercise price (X) (VND) | Within a range equal to or not more than 20% higher than the reference price of the underlying security on the issuance announcement date, the specific price shall be announced in the Issuance Announcement. |

| | |
|---|---|
| Term of the Covered Warrant (T) (calculated from September 14, 2026 to the Expiration Date of November 30, 2026) | 0,42 |
| Risk-free interest rate (r) | 2,3503% |
| Minimum expected volatility (σ) (determined by the issuer) | 33,53% |
| Maximum expected volatility (σ) (determined by the issuer) | 98,16% |
| Conversion ratio (k) | 5 |

- Explanation of warrant pricing parameters in the Black–Scholes model:

+ Underlying security price (S): The closing price of the underlying security on the valuation date.

+ Exercise price (X): The price at which investors are entitled to purchase the underlying security when the warrant expired.

+ Warrant maturity (T): Calculated based on the remaining time to maturity in years. For example, covered warrant.HPG.KIS.M.CA.T.01 was issued on June 11, 2019 and matured on December 11, 2019; the two dates are 183 days apart, so T = 183/365 ≈ 0.5.

+ Risk-free rate (r): The most recent yield of the 2-year Government Bond as of the calculation date (Source: the website of the Hanoi Stock Exchange).

+ Minimum and maximum expected volatility (σ): Expected volatility is estimated based on the standard deviation (historical volatility) of the daily returns of the underlying security's price over the most recent one-year period up to the valuation date. Based on the estimated minimum and maximum expected volatility, the Company determines the corresponding minimum and maximum offering prices for each volatility level. The formula for calculating historical volatility of the underlying security's return is as follows:

$$r_i = \ln\left(\frac{P_{i+1}}{P_i}\right)$$

$$m = \frac{\sum_{i=1}^{n} r_i}{n}$$

$$a = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^{n}(r_i - m)^2}{n-1}}$$

$$\sigma_{his} = a\sqrt{t}$$

In which:

$P_i$: Closing price of the underlying security at time i;

n: Number of data colletion points;

t: Number of trading days in a year; the Company applies t = 250;

$\sigma_{his}$: Historical volatility over period t.

+ Conversion ratio (k): For example, a conversion ratio of 2:1 (k = 2) means that 2 warrants are equivalent to 1 unit of the underlying security.

Information on additional issuances of warrant code: Covered Warrant.VPB.KIS.5M.28

None (this is the initial issuance).

2. **Information on the underlying security**

- Name (ticker) of the underlying security: VPB.
- Underlying issuer: Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank.
- Main line of business: Finance and Insurance, Credit Intermediation and Related Activities.
- Listing date: 17/08/2017.
- Listing place: Ho Chi Minh City Stock Exchange.
- Business performance results:

| **Indicators (unit: VND million)** | **2024** | **2025** | **% change** | **Quarter2, 2026** |
|---|---|---|---|---|
| Total asset | 923,847,637 | 1,260,149,596 | 36,4% | 1,502,526,376 |
| Equity | 147,275,262 | 180,275,629 | 22,4% | 191,215,344 |
| Net revenue | | | | |
| Taxes and payable obligations | 4,025,874 | 6,270,353 | 55,8% | 3,774,588 |
| Profit befor tax | 20,012,700 | 30,624,949 | 53,0% | 18,879,965 |
| Profit after tax | 15,986,826 | 24,354,596 | 52,3% | 15,105,377 |
| Return on equity (ROE) | 10.9% | 13.5% | 23,9% | 7,9% |

(Source: VPB's Audited Financial Statements for 2024 and 2025, Reviewed Semi-Annual Financial Statement for 2026, HOSE)

Financial indicators of the issuer of the underlying security for the two most recent years:

| **Indicators** | **2024** | **2025** |
|---|---|---|
| **1. Liquidity ratios** | | |
| - Current ratio: Current assets / Short-term liabilities | 0,2 | 0,2 |
| - Quick ratio: (Current assets – Inventories) / Short-term liabilities | 0,7 | 0,7 |
| **2. Capital structure ratios** | | |
| - Debt / Total assets ratio | 84,1% | 85,7% |
| - Debt / Equity ratio | 527,3% | 599,0% |
| **3. Profitability ratios** | | |
| - Net profit after tax / Net revenue | 25,8% | 33,3% |
| - Net profit after tax / Equity | 10.9% | 13.5% |
| - Net profit after tax / Total assets | 1,7% | 1,9% |
| - Operating profit / Net revenue | | |
| - Earnings per share (EPS) (VND) | 1,989 | 3,024 |

(Source: VPB's Audited Financial Statements for 2024 and 2025, HOSE)

- Trading Information (as of 02/10/2026) (Source: HOSE):

+ Market capitalization: VND 229,000 billion.

+ Average Trading Volume over the Most Recent Six-Month Period: 19,645,804 /session.
+ Highest Adjusted Price over the 26-Week Period: VND 23,400
+ Lowest Adjusted Price over the 26-Week Period: VND 19,319
+ Price-to-Earnings Ratio (P/E): 7,7.
+ Adjusted closing price of the last trading day in the most recent 6 months:

| Month | 04/2026 | 05/2026 | 06/2026 | 07/2026 | 08/2026 | 09/2026 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Price (VND thousand) | 21,02 | 21,50 | 21,46 | 19,68 | 22,06 | 23,40 |

- Other information: The State Securities Commission (SSC) issued Decision No. 03/QD-XPHC dated January 03, 2024, regarding the administrative sanction for violations in the field of securities and the stock market against Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPB).
- The issuer commits that it is not a related party of the issuer of the underlying security in accordance with applicable legal regulations.

**3. Distribution Period of Covered Warrants**

At least three (03) business days, with the specific period to be stated in the Covered Warrant Issuance Notice, after purchasers of the Covered Warrants have access to the Prospectus.**Registration for Covered Warrant Subscription**

**4. Subscription for Covered Warrants**
**Subscription Period**

TThe Company shall officially announce the subscription period in the Covered Warrant Issuance Notice after obtaining the Covered Warrant Offering Registration Certificate from the State Securities CommissionCompany will officially announce the subscription period in the Covered Warrant Issuance Notice after the State Securities Commission (SSC) issues the Certificate of Registration for Public Offering.

**Subscription Procedures**

Registration Locations: Investors may register for subscription at the Headquarters of KIS Viet Nam Securities Corporation and/or through online channels, including but not limited to the Company's website and mobile applications.

Subscription Volume per Investor: The expected subscription volume is a minimum of 100 warrants and a maximum of 10,000 warrants distributed to each registered investor. Subscription quantities must be in multiples of 100. Detailed notification will be provided in the Issuance Notice.

**Payment Method**

Investors shall transfer funds to the blocked account for receiving payments for the purchase of Covered Warrants.

**Offering Price Principles**

The Covered Warrant offering price shall be the single price announced by the Company in the Covered Warrant Issuance Notice after obtaining the Covered Warrant Offering Registration Certificate from the State Securities Commission.

**Confirmation of Covered Warrant Distribution Results**

Provisional The Covered Warrant offering price shall be the single price announced by the Company in the Covered Warrant Issuance Notice after obtaining the Covered Warrant Offering Registration Certificate from the State Securities Commission.

**In the event that the Covered Warrants are not fully distributed:**

If the total number of Covered Warrants subscribed for by investors is lower than the number of Covered Warrants offered, the Covered Warrant Issuer may transfer the undistributed Covered Warrants to its proprietary trading account and continue distributing them on the Stock Exchange's trading system after listing through market-making activities in accordance with the regulations of the Stock Exchange.

**In the event that the number of Covered Warrants subscribed for exceeds the number of Covered Warrants offered:**

When the total number of Covered Warrants subscribed for by investors exceeds the number of Covered Warrants offered, the number of Covered Warrants allocated to each investor shall be calculated as follows:the event that the total number of warrants subscribed by investors exceeds the total offering volume, the number of warrants allocated to each investor shall be determined as follows:

$$\textbf{Warrants Allocated} = \textbf{Total Offering Volume} \times \frac{\text{Warrants Subscribed by the Indiv Investor}}{\text{Total Warrants Subscribed by all Investors}}$$

The number of warrants allocated to each investor after applying the formula will be rounded and must be in multiples of 100. The total number of warrants distributed to all investors must not exceed the total offering volume.

Any residual warrants remaining after rounding will be allocated to the investor(s) with the earliest registration time and the largest subscription volume.

**Cases Considered Invalid Covered Warrant Subscriptions**

- The Covered Warrant subscription application is incomplete and/or contains incorrect information.
- The payment order for the purchase of Covered Warrants differs from the amount registered for subscription in the Covered Warrant Subscription Form.
- The payment order is credited to the blocked account after the deadline specified in the Covered Warrant Issuance Notice.
- The payment order for the purchase of Covered Warrants is made to an incorrect blocked account.
- The payment order contains incorrect transfer details.
- The investor transfers funds but fails to submit the complete set of documents required for Covered Warrant subscription.

**Timeline and Procedures for Refund of Subscription Payments.**

Timeline: Within two (02) working days from the closing date of the subscription period, payments for the aforementioned invalid subscriptions will be refunded to the Investors. The funds will be returned to the bank account specified by the Investor in the Covered Warrant Subscription Form

**Subscription Dossier for Covered Warrants**

- **For Individual Investors:**

+ 02 original copies of a valid Covered Warrant Subscription Form;

+ 01 copy of the Payment Order (Bank Transfer Advice);

+ 01 valid copy of the National ID Card or Citizen Identification Card;

+ 01 Power of Attorney (if applicable);

+ 01 valid copy of the Securities Trading Code (STC) certificate issued by the VSDC and a Passport (for foreign investors);

+ 01 01 Confirmation Letter from a bank regarding the opening of a Capital Contribution Account (CCA) or an Indirect Investment Capital Account (IICA) (for foreign investors);

+ 01 valid copy of the Account Opening Application for investors who choose to deposit their warrants at a securities firm other than the Issuer (if applicable).

- **For Institutional Investors:**

+ 02 original copies of a valid Covered Warrant Subscription Form;

+ 01 valid copy of the Business Registration Certificate;

+ 01 valid copy of documents related to any changes in business registration information (if applicable);

+ 01 copy of the Payment Order (Bank Transfer Advice);

+ 01 valid copy of the National ID Card, Citizen Identification Card, or Passport of the Legal Representative;

+ 01 valid copy of the Power of Attorney for the authorized representative acting on behalf of the organization;

+ 01 valid copy of the Securities Trading Code (STC) certificate issued by the VSDC (for foreign investors)

+ 01 Confirmation Letter from a bank regarding the opening of a Capital Contribution Account (CCA) or an Indirect Investment Capital Account (IICA) (**for foreign investors**)

+ 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

**Covered Warrant Subscription Procedures**

- Step 1: Investors research and register for warrant subscriptions at the Headquarters of **KIS Viet Nam Securities Corporation** and/or through online channels, including but not limited to the Company's website and mobile applications.

- Step 2: Investors complete the subscription dossier in accordance with the instructions provided on the website or by the Company's Operations Department.

- Step 3: Upon completion of the dossier, investors fulfill their payment by transferring funds to the designated escrow account with the following details:

Account Name: **KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION**

Số tài khoản: 8680053206.

At: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam.

Transaction Remarks: [Investor Name] CQ [Underlying Stock Code] [Last 2 digits of the Warrant Name]

Example: For an investor named Nguyen Van A subscribing to Covered Warrant.MSN.KIS.M.CA.T.12, the transfer remarks should be: **Nguyen Van A CQMSN12**.

- Step 4: Following the conclusion of the distribution period, the Company will notify investors of their provisional subscription results via Short Message Service (SMS) or Email).

**4. Cancellation of Covered Warrant Offering.**

- In the event that the public offering of covered warrants is canceled in accordance with Article 28 of the Law on Securities No. 54/2019/QH14 and other relevant regulations (if any), the Company shall be responsible for disclosing information regarding such cancellation in strict compliance with the provisions of law.

- The State Securities Commission (SSC) shall decide to cancel the public offering of covered warrants in the event that upon the expiration of the suspension period specified in Clause 1, Article 27 of the Law on Securities No. 54/2019/QH14, the deficiencies leading to the suspension of the public securities offering have not been rectified, specifically:

+ The registration dossier for the public offering contains misleading information or omits critical contents that could influence investment decisions and cause damage to investors;

+ The distribution of securities was not conducted in compliance with Article 26 of the **Securities Law No. 54/2019/QH14**.

- Within **07 working days** from the date the public offering is cancelled, the Issuer must announce the cancellation in accordance with the methods prescribed in Clause 3, Article 25 of the **Securities Law No. 54/2019/QH14**. The Issuer is responsible for recalling the issued securities and refunding investors within **15 days** from the date of cancellation.

**6. Exercise of covered warrants.**

**a) Principles of exercising covered warrants**

**Principles for Exercising Covered Warrants**

- The Company is obligated to exercise the Covered Warrants by way of cash settlement. The settlement amount shall be calculated based on the Settlement Price and the Exercise Price. The Settlement Price of the Covered Warrant upon exercise shall be the average closing price of the Underlying Security over the five (05) consecutive trading days immediately preceding the Expiration Date, excluding the Expiration Date. In the event that the price of the Underlying Security is adjusted in accordance with the regulations of the Stock Exchange during the five (05) consecutive trading days immediately preceding the Expiration Date, the closing prices of the Underlying Security on the days preceding the ex-rights trading date shall be adjusted accordingly. The Company shall determine the Settlement Price used as the basis for calculating the settlement amount and announce such price for the Outstanding Covered Warrants on the Expiration Date.

- Investors may only exercise their rights with respect to In-the-Money Covered Warrants held in their custody accounts on the exercise date. Covered Warrants held in the proprietary trading account of the securities company that issued such Covered Warrants may not be exercised.

- Within five (05) business days from the Expiration Date, the securities company, Depositary Member, and Covered Warrant Issuer shall coordinate with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to make settlement payments to investors in accordance with VSDC's regulations.

- Covered Warrants may be exercised in the following cases:
+ The Covered Warrants are In-the-Money on the Expiration Date;
+ The Covered Warrants are delisted prior to the Expiration Date.

- On the Record Date:
+ In the case of exercise due to expiration, the Record Date shall be the Expiration Date of the Covered Warrants.

+ In the case of exercise due to the Covered Warrants being delisted prior to the Expiration Date, the Record Date shall be the second (02nd) business day following the Last Trading Date as announced by the Stock Exchange.
+ The settlement amount per Call Warrant shall be the amount payable when the Settlement Price is higher than the Exercise Price, calculated according to the following formula: Settlement Amount per Covered Warrant = (Settlement Price – Exercise Price) / Conversion Ratio. The net settlement amount shall be the settlement amount less any applicable exercise costs.

- If an investor does not place an exercise order, any In-the-Money Covered Warrants shall be automatically exercised by way of cash settlement on the Expiration Date.

**b) Procedures for exercising covered warrants**

- Within No later than seven (07) business days prior to the Expiration Date of the Covered Warrants (in the case of exercise due to expiration), or within one (01) business day from the date of receipt of the written notice from the Stock Exchange (hereinafter referred to as the "Stock Exchange") regarding the Last Trading Date (in the case of delisting of the Covered Warrants prior to the Expiration Date), VSDC shall send:

  + A notice of the Record Date and the finalization of the list of Covered Warrant Holders for the exercise of Covered Warrants to the organization registering the Covered Warrants with VSDC (hereinafter referred to as the "Covered Warrant Registration Organization") and the Stock Exchange, using Form No. 09/CW attached to the Regulations on Registration and Exercise of Covered Warrants at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, promulgated together with Decision No. 41/QD-HĐTV dated August 21, 2026 of the VSDC Members' Council (hereinafter referred to as the "Regulations");

  + An MT564 operational message notifying the relevant Depositary Members (hereinafter referred to as "Depositary Members") of the finalization of the list of Covered Warrant Holders for the exercise of Covered Warrants.

- Before 2:00 p.m. on the Record Date, the Covered Warrant Registration Organization shall submit a written notice of the exercise of Covered Warrants, using Form No. 10/CW attached to the Regulations, through the Electronic Communication Gateway with the Covered Warrant Registration Organization (hereinafter referred to as "ICOSY") for the purpose of exercising the Covered Warrants. Such notice shall clearly specify whether the Covered Warrants are In-the-Money or Out-of-the-Money, whether the Covered Warrants have been delisted prior to the Expiration Date, and the settlement amount per Covered Warrant (in the case of exercise). In the event that the Covered Warrant Registration Organization delays the notification of the exercise of Covered Warrants, it shall be responsible for all damages and disputes arising therefrom.

- In the event that the Covered Warrant Registration Organization notifies that the Covered Warrants are Out-of-the-Money, within one (01) business day after receiving the written notice from the Covered Warrant Registration Organization, the Covered Warrant registration system shall send an MT564 operational message notifying the relevant Depositary Members that the list of Covered Warrant Holders will not be finalized.

- Covered Warrants are In-the-Money or that the Covered Warrants have been delisted prior to the Expiration Date:

  + VSDC shall finalize the list of Covered Warrant Holders on the Record Date and send such list to the Covered Warrant Registration Organization and the relevant Depositary Members;

  + No later than 9:00 a.m. on the business day immediately following the Record Date, the Covered Warrant registration system shall send an MT596 operational message together with a CSV file containing data on the list of Deposited Securities Holders exercising their rights, using Form No. 11/CW attached to the Regulations, to the relevant Depositary Members;

+ No later than 11:00 a.m. on the business day immediately following the Record Date, the Depositary Members shall be responsible for reconciling the information of Covered Warrant Holders in the list provided by VSDC against the information maintained by such Depositary Members and shall send confirmation via an MT595 operational message to the Covered Warrant registration system. In the event of any discrepancy in the list of Covered Warrant Holders, the Depositary Members shall send a written notice to VSDC for coordination and adjustment, clearly specifying the discrepancies. Immediately after the adjustment, the Covered Warrant registration system shall resend an MT596 operational message together with the adjusted CSV data file on the Deposited Covered Warrant Holders to whom the relevant rights have been allocated to the relevant Depositary Members;

+ No later than the second (02nd) business day following the Record Date, VSDC shall send the consolidated list of Covered Warrant Holders, using Form No. 12/CW attached to the Regulations, to the Covered Warrant Registration Organization via ICOSY;

+ No later than the third (03rd) business day following the Record Date, the Covered Warrant Registration Organization shall send written confirmation of the consolidated list of Covered Warrant Holders, using Form No. 13/CW attached to the Regulations, to VSDC via ICOSY. In the event that the Covered Warrant Registration Organization does not approve the information in the list of Covered Warrant Holders provided by VSDC, it shall notify VSDC in writing and clearly state the reasons therefor;

+ No later than two (02) business days prior to the payment date for the exercise of the Covered Warrants, the Covered Warrant Registration Organization shall transfer the full amount payable to Covered Warrant Holders in accordance with VSDC's notice, if any. In the event of a delay in the transfer of the settlement amount, no later than one (01) business day prior to the payment date, the Covered Warrant Registration Organization shall notify VSDC in writing, clearly stating the reasons for the delay. Based on the notice from the Covered Warrant Registration Organization, VSDC shall notify the relevant Depositary Members. The Covered Warrant Registration Organization shall assume all liabilities arising from failure to transfer the full settlement amount within the prescribed period;

+ The The settlement amount payable to Deposited Covered Warrant Holders, if any, shall be allocated by VSDC to the accounts of the relevant Depositary Members on the business day immediately preceding the payment date. The Depositary Members shall be responsible for allocating such amount to customers holding Deposited Covered Warrants on the payment date.

- In Pursuant to Clause 6, Article 12 of Circular No. 122/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance providing guidance on Covered Warrants, the procedures for exercising Covered Warrants in the event of delisting shall be as follows:

+ Within twenty-four (24) hours from the date on which the decision on delisting of the Covered Warrants is issued, the Covered Warrant Issuer shall disclose the method for determining the Settlement Price of the Covered Warrants payable to Covered Warrant Holders from the effective date of the delisting. The method for determining such price must also be consistent with the contents of the Prospectus and the regulations of the Stock Exchange;

+ From the date of disclosure of information as prescribed in Point a of this Clause until the day immediately preceding the effective date of the delisting, the Covered Warrant Issuer shall repurchase the Covered Warrants through market-making activities. The repurchase price shall be determined based on the market price and in accordance with the regulations of the Stock Exchange;

+ From the effective date of the delisting, the Covered Warrant Issuer shall be responsible for coordinating with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation to make settlement payments to investors who continue to hold the Covered Warrants, based on the price calculated in accordance with Point a of this Clause. The settlement payment

shall be made in accordance with the regulations of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

Pursuant to Clause 3, Article 8 of the Regulations on Registration and Exercise of Covered Warrants at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, promulgated together with Decision No. 41/QD-HĐTV dated August 21, 2026 of the VSDC Members' Council:

c) Measures in the Event of the Issuer's Insolvency

In the event that the Company becomes insolvent, payments to investors shall be made in accordance with the asset liquidation procedures prescribed in Clause 2, Article 13 of Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025 of the Ministry of Finance providing guidance on Covered Warrants. The assets used for making payments to investors shall include the following sources:

- Assets held in the margin account at the Depositary Bank;
- Risk hedging assets and other assets held in the proprietary trading account;
- Payment guarantee or other assets, if any.

In the event that the Company still does not have sufficient assets to make payments to investors, the settlement of the rights and interests of Covered Warrant Holders shall be carried out in accordance with applicable laws governing partially secured creditors.

Payments to warrant holders in special handling cases under Clause 2, Article 13 of Circular No. 122/2025/TT-BTC shall be determined based on the number of warrants held and the value of the warrants, where the warrant value is calculated based on the closing price on the date the payment-triggering event occurs, or the nearest closing price to such date if the closing price on the event date cannot be determined, ensuring compliance with applicable legal regulations.

**7. Rights of Warrant Holders**

- Rights of Call Warrant Holders: Holders of call warrants are entitled to receive the cash difference when the price of the underlying securities exceeds the exercise price at the time of exercise.
- In the event that the issuer does not have sufficient assets to fulfill its payment obligations upon exercise of the warrants, the interests of warrant holders shall be resolved in accordance with applicable laws governing partially secured creditors.
- The issuer may determine the theoretical price of call warrants based on the Black–Scholes model for European-style warrants.

Theoretical price of call warrants under the Black–Scholes model:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T}}{k}$$

And:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

In which:

C: theoretical price of the call warrant;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: cumulative standard normal distribution probability;

X: exercise price (strike price) of the warrant;

S: current underlying securities price;

T: remaining time to maturity (calculated in years), which is the number of days from the calculation date to the warrant's maturity date divided by 365;

$r_c$: risk-free interest rate (calculated annually);

σ: expected price volatility of the underlying securities (calculated annually);

k: conversion ratio of the warrant.

The value of the delta coefficient of the call warrant according to the Black Scholes model:

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

In which:

$Delta_{CALL}$: delta value of the call warrant;

$N(d_1)$: cumulative standard normal distribution probability, with d1 determined according to the Black Scholes pricing formula.

d) Warrant holders are partially secured creditors of the Company and possess the following rights:

- The right to receive cash settlement or delivery of the underlying securities in accordance with the terms and methods specified by the Company in the prospectus of each issuance and in compliance with relevant laws.
- At the time of exercise by the investor:

Transfer price of covered warrants per transaction = Settlement price of the underlying securities × (Quantity of warrants divided by (:) the Conversion ratio).

Example 2: Similar to the assumptions in Example 1 above, if the settlement price of underlying security A announced by the Stock Exchange at the time of exercise is 155,000 VND/share, the tax amount the investor must pay upon exercise is: 155,000 x (100 : 10) x 0.1% = VND 1,550.

- The right to receive cash settlement when the covered warrants are delisted in accordance with legal regulations.

On the delisting date, for outstanding warrants, the settlement price is determined based on the closing price of those warrants on the last trading day prior to the delisting.

- The right to transfer, donate, inherit, or pledge in civil relations in accordance with the provisions of the law.

In case the investor transfers warrants before the maturity date:

The transfer price of covered warrants per transaction is the matching price of the warrants on the Stock Exchange × Quantity of warrants.

- The right to priority payment when the Company is dissolved or bankrupt in accordance with the provisions of law;
- In the event of insufficient assets to settle the warrants, the settlement of interests for warrant holders shall be carried out in accordance with relevant legal regulations applicable to partially secured creditors.
- In case warrants are delisted due to the issuer suspending or ceasing operations; consolidation, merger, dissolution, bankruptcy, or revocation of the Establishment and Operation License, and regulations on handling special cases. In case warrants are delisted before the maturity date, the transfer price of covered warrants per transaction is determined as follows:

+ Before the effective delisting date: The repurchase price according to the issuer's market price through market-making activities × Quantity of warrants.

+ After the effective delisting date: The warrant repurchase price announced by the issuer. The warrant repurchase price is determined according to the Black-Scholes formula (at Point 1, Section VI of this Prospectus) × Quantity of warrants.

+ **Example 1:** An investor buys 100 call warrants with underlying security A at a price of 1,400 VND/warrant, a conversion ratio of 10:1, and an exercise price of VND 150,000.

+ If the investor sells the call warrants at a price of 2,000 VND/warrant, the tax payable is 2,000 x 100 x 0.1% = VND 200.

+ If the warrants are delisted and the warrant issuer announces a repurchase price of 2,000 VND/warrant, the tax payable is 2,000 x 100 x 0.1% = VND 200.

- And other rights as prescribed by law.

**8. Adjustment of covered warrants**

- The Company must adjust the warrants in the following cases: The price of the underlying security is adjusted due to the underlying security issuer paying cash dividends, issuing shares to pay dividends, issuing shares to increase share capital from owner's equity, issuing new shares, and other cases in accordance with the guidelines of the Stock Exchange.

- The method for adjusting the exercise price and the conversion ratio of the warrants when the underlying security undergoes a corporate action is as follows:

+ Adjustment timing: The ex-rights date of the underlying security.

+ New exercise price = Old exercise price × (Adjusted reference price of the underlying asset on the ex-rights date / Unadjusted reference price of the underlying asset on the ex-rights date).

- New conversion ratio = Old conversion ratio × (Adjusted reference price of the underlying asset on the ex-rights date / Unadjusted reference price of the underlying asset on the ex-rights date).

- The adjusted exercise ratio or exercise price must be rounded to 4 decimal places.

- Other adjustments will be based on the adjustment decisions of the Stock Exchange, and the Issuer will implement such adjustments.

**9. Taxes, fees, charges, and service prices arising from the trading or exercise of warrants.**

**12.1. Fees, charges, and service prices arising from covered warrant trading**

The service fee for covered warrants when an investor places a buy or sell order is the rate applied by the securities company where the investor opens the warrant trading account, depending on the time of application.

In addition, according to current regulations, investors participating in the stock market must pay the following items when trading covered warrants:

- Trading service price at the Stock Exchange: 0.018% of the transaction value.

- Depository service price at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation: 0.27 VND/warrant/month.

**12.2.** Tax Schedule

According to Official Dispatch No. 1468/BTC-CST dated February 5, 2018, from the Ministry of Finance regarding tax policies for covered warrants, investors shall be subject to the following tax rates when trading covered warrants:

**a)** Personal Income Tax (PIT)

+ **Subject of application:**

All individual investors, including domestic and foreign individuals, who engage in covered warrant transactions (including warrant transfers, delisted warrants, and the exercise of warrants).

+ **Tax rate:**

PIT = Transfer price of covered warrants per transaction × tax rate of 0.1%.

In which:

+ In case the investor transfers warrants before the maturity date:

The transfer price of covered warrants per transaction is the matching price of the warrants on the Stock Exchange × Quantity of warrants.

+ **In case the warrants are delisted before the maturity date, the transfer price of covered warrants per transaction is determined as follows:**

- Before the effective delisting date: The repurchase price according to the issuer's market price through market-making activities × Quantity of warrants.

- After the effective delisting date: The warrant settlement price announced by the issuer × Quantity of warrants.

Example 1: An investor buys 100 call warrants with underlying security A at a price of VND 1,400/warrant, a conversion ratio of 10:1, and an exercise price of VND 150,000.

- If the investor sells the call warrants at a price of 2,000 VND/warrant, the tax payable is: 2,000 x 100 x 0.1% = VND 200.

- If the warrants are delisted and the warrant issuer announces a settlement price of 2,000 VND/warrant, the tax payable is: 2,000 x 100 x 0.1% = VND 200.

+ At the time of exercise by the investor:

Transfer price of covered warrants per transaction = Settlement price of the underlying security × (Quantity of warrants divided by (:) the Conversion ratio).

Example 2: Similar to the assumptions in Example 1 above, if the settlement price of underlying security A announced by the Stock Exchange at the time of exercise is 155,000 VND/share, the tax amount the investor must pay upon exercise is: 155,000 x (100 : 10) x 0.1% = VND 1,550.

**b) Corporate Income Tax (CIT) for domestic enterprises.**

+ **Subject of application:** Investors who are enterprises established and operating under the laws of Vietnam earning income from covered warrants.

+ **Tax rate:** Income from covered warrants must be declared and paid by the enterprise at a CIT rate of 20% as regulated.

**c) Corporate Income Tax (CIT) for foreign organizations producing or doing business in Vietnam not under the Law on Investment or Law on Enterprises (foreign contractors)**

+ **Subject of application:** Foreign organizations acting as foreign contractors earning income from the transfer of covered warrants (including warrant transfers, delisted warrants, and the exercise of warrants).

+ **Tax rate:**

CIT = Transfer price of covered warrants per transaction × tax rate of 0.1%

Inwhich, the calculation of the transfer price of covered warrants per transaction applies similarly to the PIT calculation method.

**d) Timing for determining taxable income:** The moment the investor (including organizations and individuals) transfers warrants on the trading system of the Stock Exchange, or the time the warrants are delisted, or the time the investor exercises the warrants.

- If the warrants are delisted and the warrant issuer announces a settlement price of 2,000 VND/warrant, the tax payable is: 2,000 x 100 x 0.1% = VND 200.

+ At the time of exercise by the investor:

Transfer price of covered warrants per transaction = Settlement price of the underlying security × (Quantity of warrants divided by (:) the Conversion ratio).

**Example 2:** Similar to the assumptions in Example 1 above, if the settlement price of underlying security A announced by the Stock Exchange at the time of exercise is VND 155,000/share, the tax amount the investor must pay upon exercise is: 155,000 x (100 : 10) x 0.1% = VND 1,550.

**e) Corporate Income Tax (CIT) for domestic enterprises**

+ **Subject of application:** Investors who are enterprises established and operating under the laws of Vietnam earning income from covered warrants.

+ **Tax rate:** Income from covered warrants must be declared and paid by the enterprise at a CIT rate of 20% as regulated.

**f) Corporate Income Tax (CIT) for foreign organizations producing or doing business in Vietnam not under the Law on Investment or Law on Enterprises (foreign contractors)**

+ **Subject of application:** Foreign organizations acting as foreign contractors earning income from the transfer of covered warrants (including warrant transfers, delisted warrants, and the exercise of warrants).

+ **Tax rate:**

CIT = Transfer price of covered warrants per transaction × tax rate of 0.1%

Inwhich, the calculation of the transfer price of covered warrants per transaction applies similarly to the PIT calculation method.

**g) Timing for determining taxable income:** The moment the investor (including organizations and individuals) transfers warrants on the trading system of the Stock Exchange, or the time the warrants are delisted, or the time the investor exercises the warrants.

- If the warrants are delisted and the warrant issuer announces a settlement price of VND 2,000/warrant, the tax payable is: 2,000 x 100 x 0.1% = VND 200.

**+ At the time of exercise by the investor:**

Transfer price of covered warrants per transaction = Settlement price of the underlying security × (Quantity of warrants divided by (:) the Conversion ratio).

**Example 2:** Similar to the assumptions in Example 1 above, if the settlement price of underlying security A announced by the Stock Exchange at the time of exercise is VND 155,000/share, the tax amount the investor must pay upon exercise is: 155,000 x (100 : 10) x 0.1% = VND 1,550.

**h) Corporate Income Tax (CIT) for domestic enterprises**

+ **Subject of application:** Investors who are enterprises established and operating under the laws of Vietnam earning income from covered warrants.
+ **Tax rate:** Income from covered warrants must be declared and paid by the enterprise at a CIT rate of 20% as regulated.

**i) Corporate Income Tax (CIT) for foreign organizations producing or doing business in Vietnam not under the Law on Investment or Law on Enterprises (foreign contractors)**

+ **Subject of application:** Foreign organizations acting as foreign contractors earning income from the transfer of covered warrants (including warrant transfers, delisted warrants, and the exercise of warrants).

+ **Tax rate:**

CIT = Transfer price of covered warrants per transaction × tax rate of 0.1%

Inwhich, the calculation of the transfer price of covered warrants per transaction applies similarly to the PIT calculation method.

**j) Timing for determining taxable income:** The moment the investor (including organizations and individuals) transfers warrants on the trading system of the Stock Exchange, or the time the warrants are delisted, or the time the investor exercises the warrants.

**13. Market Making Activities**

According to Decision No. 68/QD-SGDHCM dated March 02, 2018, issued by the General Director of the Ho Chi Minh City Stock Exchange regarding the issuance of the Regulations on Market Making

and Risk Hedging for covered warrant issuers at the Ho Chi Minh City Stock Exchange, the Company is obligated to perform market making activities to ensure liquidity for its issued warrants, specifically:

**a) Market Making Quotation Obligations**

The Company must participate in placing market making orders within five (05) minutes from the occurrence of any of the following events:

- There is only a buy order or a sell order for the warrants;
- There are no buy and sell orders for the warrants;
- The market price spread exceeds 5%. The price spread ratio is the percentage of (lowest ask price - highest bid price) / highest bid price.

When participating in order placement, the Company must comply with:

- The minimum volume for each order is 100 warrants;
- The order price must ensure that the price spread ratio does not exceed 5%;
- In the event that there are no buy and sell orders for the warrants, the market maker must provide two-way quotes (place both bid and ask orders);
- The minimum duration for an order to remain on the trading system is one (01) minute.

**b) Exemption from market making quotation obligations**

In the following cases, the Company is not required to perform market making activities:

- The periodic order matching session to determine the opening price, the first five (05) minutes after the end of the periodic order matching session to determine the opening price, and the periodic order matching session to determine the closing price;
- The underlying asset of the warrant is suspended from trading;
- When the theoretical price of the warrant, calculated according to the formula specified in the Company's Prospectus, is less than or equal to VND 10;
- The quantity of warrants in the market making account does not meet the minimum requirement of 100 warrants, the Company is exempted from placing sell orders;
- When no warrants are in circulation (in case the issuer has not sold any warrants to investors), the Company is exempted from placing buy orders;
- In the event of warrant delisting, the Company is exempted from placing sell orders;
- The warrant price reaches the ceiling price (excess buy at ceiling), the Company is exempted from placing sell orders; or the warrant price reaches the floor price (excess sell at floor), the Company is exempted from placing buy orders;
- The price of the underlying security reaches the ceiling price (excess buy at ceiling), the Company is exempted from placing sell orders for call warrants;
- The price of the underlying security reaches the floor price (excess sell at floor), the Company is exempted from placing buy orders for call warrants;
- The warrant is in an In the Money (ITM) state of 30% or more (i.e., for a call warrant, the price of the underlying security is 30% higher than the exercise price), the Company is exempted from placing sell orders;
- Within fourteen (14) days prior to the warrant's maturity;
- In the occurrence of force majeure events such as natural disasters, fires, wars, etc.;
- Other cases applied by the Stock Exchange after obtaining approval from the State Securities Commission.

## VII. PAYMENT SECURITY PLAN FOR COVERED WARRANT HOLDERS

1. Payments to Covered Warrant Holders shall be secured by the following sources of assets:

a) Risk hedging assets and other assets held in the proprietary trading account;

b) Assets held in the margin account at the Depositary Bank;

c) Payment guarantee or other assets, if any.

2. In the event that there are insufficient assets to make settlement payments upon the exercise of the Covered Warrants, the rights and interests of Covered Warrant Holders shall be settled in accordance with applicable laws governing partially secured creditors.

## VIII. COVERED WARRANT RISK MANAGEMENT

### 1. Risk management process

The warrant risk management process is a series of steps performed continuously to minimize risks to the Company. To manage risk effectively, the Company performs the following steps:

**Step 1: Identify risks associated with warrants**

Common risks faced by the Company when issuing warrants include:

- Settlement risk: The risk that the Company cannot fulfill its committed obligations to investors, such as when the Company becomes insolvent at the time investors exercise their warrants.
- Market risk: Risk arising from price fluctuations of the warrants and the underlying securities.
- Legal risk: The risk that the Company violates or fails to comply with current legal regulations, leading to fines, warnings, suspension of operations, or revocation of professional or business licenses.
- Operational risk: Risk due to technological reasons (e.g., hackers crashing information technology systems), personnel (fraud, intentional or unintentional errors), capital assets, or external factors (natural disasters, wars, etc.).

**Step 2: Risk Analysis**

Based on the risks listed in Step 1, each department involved in the Company's warrant issuance activities will assess the likelihood or probability of those risks occurring and their impact level. On this basis, each type of risk will be classified and ranked to implement appropriate handling measures.

- Settlement risk: The Company has issued a large number of covered warrants to the market since 2019. The Company has always correctly and fully performed interest payments to investors in accordance with the regulations of the Regulatory Authorities. Furthermore, the Company always ensures the payment guarantee margin ratio for covered warrants and fully implements risk hedging activities, providing daily reports as regulated to ensure sufficient share ratios for payment guarantees. Therefore, the likelihood of this risk occurring is low for the Company.
- Market risk: This is a risk that may occur during the business operations and issuance of covered warrants.
- Legal risk: This is a risk that may occur in cases where the Company fails to comply correctly due to operational negligence, failure to update changes according to regulations, or a lack of legal advice from the Company's Legal department.
- Operational risk: This is a risk that may occur when the Company encounters system-related issues or violations in the working processes of employees within the departments.

**Step 3: Risk Control**

Risk analysis and assessment help the Company develop a risk control strategy by selecting appropriate strategies to address or cope with risks. Common strategies used to handle risks include: risk avoidance, risk transfer, risk mitigation, and risk acceptance.

- Settlement risk: The Company ensures other backup asset sources to guarantee payment capacity to investors. Additionally, the Company must maintain a reasonable risk hedging ratio in accordance with the requirements of regulatory authorities.
- Legal risk: The Company needs to regularly update changes in legal documents, continuously review processes and policies before issuance, and ensure constant compliance with relevant legal regulations.

- **Operational risk:** The Company establishes strict operating procedures, provides comprehensive professional training for employees, and enhances awareness of risk and risk prevention to minimize operational risks to the greatest extent possible.

**Step 4: Monitoring Risk Management Activities**

The final activity in the risk management process is monitoring and communication to re-evaluate the Company's entire process of risk identification, analysis, control, and response. The progress of implementing risk control plans for specific risks is always reported to senior management and relevant departments to proactively implement appropriate corrective actions.

Periodically, the Risk Management Department conducts an evaluation of risk management activities and proposes solutions to adjust risk management activities and policies, reporting these to the Management Board.

## 2. Risk Hedging Method

- Purpose of hedging: To ensure payment capacity to warrant holders and effectively mitigate potential losses caused by risks.
- Hedging Activities: Hedging operations are conducted via the Issuer's proprietary trading account. These activities include buying, selling, lending, and other transactions in compliance with legal regulations, ensuring investment limits for underlying securities and adhering to the following provisions:
- Securities used in hedging transactions include the underlying security and securities issued based on such underlying security in accordance with applicable laws;
- The Company is responsible for managing and accounting independently for the hedging portfolio, and fulfilling the required level of hedging in accordance with the regulations of the Stock Exchange.
- Hedging Execution Entity:
  + The Derivatives Solutions Department directly executes hedging activities in accordance with the plan submitted to the State Securities Commission (SSC) and is responsible for reporting daily end-of-day hedging positions to the Board of Management and the Risk Management Department. Furthermore, in the event of incidents affecting hedging operations, the Derivatives Solutions Department shall immediately report to the Board of Management and coordinate with relevant departments to resolve and provide solutions for arising issues.
  + Personnel directly executing hedging for warrants:

| No. | Full Name | Department | Professional License | Years of Experience |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hoang Anh Viet | Derivatives | **Fund Management License** No. 001692/QLQ | 12 Years |
| 2 | Nguyen Quynh Nga | Risk Management | **Fund Management License** No. 003245/QLQ | 13 Years |

  + Risk Management Department: Monitors hedging activities of the Derivatives Solutions Department to control potential risks arising from warrant issuance and reports directly to the Management Board.
  + Internal Control Department: Supervises compliance with established procedures and proposes solutions to enhance operational workflows.
  + Management Board: Organizes, oversees, and supports all departments involved in the hedging activities for covered warrants.

- General Hedging Principles: The Company applies a **Delta Hedging** strategy. Concurrent with the issuance of warrants, the Company executes trades in the underlying securities based on the following principle:

$$P = \text{Delta} \times OI/k$$
$$\text{Delta} = N(d_1)$$

Where:

- P:The quantity of underlying securities held for hedging purposes.
- OI: The number of Outstanding Instruments (total warrants currently in circulation) for the issuance.
- k: The Conversion Ratio of the warrant.
- Delta: The hedging coefficient for call warrants, calculated based on the Black-Scholes Model.

- Hedging Instruments
  + The Underlying Securities of the warrant.
  + Other securities/derivatives based on the same underlying asset (if any).
- Example: Consider Call Warrant A with an exercise price of VND 33,000; a risk-free rate of 4.3%; a conversion ratio of 2:1; and a time to maturity of 90 days. The Company maintains its underlying security position for hedging as follows:

| Time | Underlying Price (VND) | Volatility | Delta | Outstanding Warrants (OI) | Underlying Position (P) | Change in Position |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9h20 | 28,300 | 33% | 21.7% | 100,000 | 10,850 | - |
| 9h25 | 28,100 | 32% | 19.6% | 110,000 | 10,780 | -70 |
| 9h30 | 28,400 | 35% | 23.9% | 90,000 | 10,755 | -25 |
| 9h40 | 28,900 | 40% | 30.5% | 120,000 | 18,300 | 7,545 |

- Hedging Positions
  + Hedge Ratio Calculation: Methodology for determining the Delta coefficient (hedging ratio) per warrant.
  + Theoretical Hedge Position Formula: The mathematical model used to calculate the required theoretical hedge. Equivalent Hedge Position Formula: The conversion formula used to translate the theoretical hedge position into the required quantity of underlying securities, applicable in cases where the Issuer utilizes hedging instruments other than the primary underlying asset.

**3. Risk Assessment Regarding Foreign Ownership Limit (FOL) Exhaustion for Foreign Issuers of Covered Warrants**

- Regulatory Context: Pursuant to Official Dispatch No. 13385/VSD-LK issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to KIS Vietnam Securities Corporation (KIS Vietnam), the proprietary trading account of KIS Vietnam was converted from the former domestic account (057P000001) to a foreign proprietary account (057ECB5693), effective September 28, 2018. Consequently, KIS Vietnam has identified, assessed, and established a contingency plan for scenarios where the Foreign Ownership Limit (FOL) is abruptly exhausted, impacting hedging activities as follows:
  + Risk Identification and Assessment: * The risk arises when the FOL for an underlying security is suddenly filled, directly obstructing hedging operations for

issued warrants. This risk prevents KIS Vietnam from purchasing the underlying shares required to hedge its positions. Furthermore, it creates a compliance risk where KIS Vietnam may fail to meet current hedging regulations mandated by regulatory authorities and the previously approved hedging plan.

+ Risk Control Measures: To mitigate the risk of Foreign Ownership Limit (FOL) exhaustion, KIS Vietnam selects underlying shares based on the following criteria:

FOL Buffer: The ratio of available foreign room to the total free-float shares must exceed 10% at the time of calculation.

Corporate Actions: The underlying shares must not have any pending or upcoming corporate actions that could negatively impact the foreign room in the near future.

Room Capacity: The available foreign room must significantly exceed the required theoretical hedge position, assuming the warrants are In-the-Money (ITM) and the Delta coefficient is 1, based on the formula submitted to regulatory authorities.

Restricted Stocks: For stocks frequently hitting the FOL, KIS Vietnam ensures it pre-acquires the maximum quantity of underlying shares required for the registered issuance, assuming a Delta of 1.

Regulatory Compliance: KIS Vietnam guarantees that the quantity of underlying securities held for hedging purposes consistently meets the hedge position requirements mandated by current regulations.

+ Contingency Plan for Abrupt FOL Exhaustion:

Reporting: KIS Vietnam will submit an official explanatory document to the regulatory authorities should an abrupt exhaustion of foreign room impact its hedging operations.

Cash Collateralization: The Company will deposit cash into the proprietary hedging account equivalent to the value of the shortfall between the theoretical hedge position and the actual hedge position.

### 4. The Issuer's Experience in Issuing Covered Warrants

A team of personnel with expertise and experience in operations related to covered warrants.

KIS Vietnam has years of experience in the issuance, listing, and market-making of covered warrants, while ensuring full compliance with the obligations of an issuer in accordance with applicable laws.

KIS Vietnam possesses strong financial capacity, a large client base, a modern technology system, and stringent risk management; its financial safety indicators are consistently maintained at high levels.

Thereby, KIS Vietnam ensures its warrant settlement capacity and meets investors' trading needs, contributing to maintaining liquidity for covered warrants issued by KIS Vietnam.

## IX. PARTIES INVOLVED IN THE ISSUANCE

### 1. Escrow Bank for Payment Collateral Assets

- Name of Escrow Bank: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch.
- Certificate of Registration for Securities Depository Operations: No. 106/GPHĐLK, issued by the State Securities Commission (SSC) on May 14, 2003.

- Registered head office address: No. 56 (new), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.
- Tel: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

**2. Auditing organization**

- Name of auditing organization: PricewaterhouseCoopers Consulting (Vietnam) Limited.
- Address: No. 29 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.
- Tel: (028) 3823 0796 Fax: (028) 3823 0796
- Website: www.pwc.com/vn/

## X. CONFLICTS OF INTEREST

We and our affiliates engage in banking, investment, brokerage, advisory, and other activities and may possess material information regarding the Company and/or the underlying securities, or may issue or update research reports on the Company and/or the underlying securities. Such activities, information, and/or research reports may relate to or affect the Company and/or the underlying securities and may result in adverse consequences for investors or create conflicts of interest related to the issuance of covered warrants. We are under no obligation to disclose such information and may issue research reports and engage in any such activities independently of the issuance of the covered warrants

The custodian bank receiving collateral for payment, the bank where the escrow account is opened, the issuer of the underlying securities, and the auditing organization are not related parties of the issuer in accordance with securities.

## XI. COMMITMENT

The Company hereby commits to take full responsibility for the accuracy and truthfulness of the information and all attached documents in this prospectus.

## XII. DATE, SIGNATURE, AND SEAL OF THE COMPANY REPRESENTATIVE AND THE DEPOSITORY BANK

| | |
|---|---|
| Ho Chi Minh city, October 2, 2026<br>**LEGAL REPRESENTATIVE OF THE ISSUER**<br>**CHIEF EXECUTIVE OFFICER (CEO)**<br><br>**signed**<br>**SHIN HYUN JAE** | Ho Chi Minh city, October 2, 2026<br>**LEGAL REPRESENTATIVE OF THE DEPOSITORY BANK**<br>**DEPUTY DIRECTOR**<br><br>**signed**<br>**NGUYEN THI MINH CHAU** |

## XIII. APPENDIX

- Official letter on risk assessment in the event of foreign ownership limit (room) restrictions for covered warrant issuers that are foreign institutions.
- Official Letter regarding risk assessment in the event of foreign ownership limit exhaustion for covered warrant issuers that are foreign-owned entities.
- Collateral deposit agreement for payment security.